

**BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC LAO ĐỘNG - XÃ HỘI**

**BẢN MÔ TẢ  
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

**NGÀNH TÂM LÝ HỌC**

**TRÌNH ĐỘ: ĐẠI HỌC**

**MÃ NGÀNH: 7310401**

**Hà Nội, 2022**

## MỤC LỤC

<b>I. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO .....</b>	<b>2</b>
1.1. Giới thiệu chương trình đào tạo .....	2
1.2. Thông tin chung .....	2
1.3. Triết lý giáo dục, Sứ mạng, tầm nhìn và giá trị cốt lõi: .....	2
1.4. Mục tiêu của chương trình đào tạo .....	4
1.5. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.....	4
1.6. Cơ hội việc làm và học tập sau đại học.....	9
1.7. Tiêu chí tuyển sinh, quá trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp .....	10
1.8. Chiến lược giảng dạy và học tập.....	18
1.9. Chiến lược và phương pháp đánh giá .....	23
1.10. Mô tả sự liên hệ giữa chuẩn đầu ra, học phần, phương pháp dạy và học và phương pháp đánh giá .....	27
<b>II. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH GIẢNG DẠY .....</b>	<b>63</b>
2.1. Cấu trúc chương trình giảng dạy.....	63
2.2. Các khối kiến thức chương trình giảng dạy .....	63
2.3. Danh sách các học phần .....	66
2.4. Ma trận đáp ứng giữa các học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo .....	73
2.5. Ma trận chiến lược phương pháp dạy và học của các học phần nhằm đáp ứng chuẩn đầu ra .....	77
2.6. Ma trận phương pháp đánh giá của các học phần nhằm đáp ứng chuẩn đầu ra.....	82
2.7. Tiến trình giảng dạy .....	89
2.8. Mô tả tóm tắt nội dung các học phần .....	92
2.9. Đối sánh chương trình đào tạo với các trường đại học đã tham khảo .....	106
<b>III. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO.....</b>	<b>110</b>

# I. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

## 1.1. Giới thiệu chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo ngành Tâm lý học nhằm đào tạo cử nhân Tâm lý học có đủ kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp, phẩm chất chính trị, đạo đức, tác phong nghề nghiệp và sức khỏe tốt để có thể làm việc đạt hiệu quả ở các lĩnh vực liên quan đến hoạt động tâm lý.

## 1.2. Thông tin chung

**Bảng 1.1. Thông tin chung về chương trình đào tạo ngành Tâm lý học**

<b>Tên chương trình đào tạo</b>	Tâm lý học (Psychology)
<b>Mã ngành đào tạo</b>	7310401
<b>Trình độ đào tạo</b>	Đại học chính quy
<b>Thời gian đào tạo</b>	4 năm
<b>Tên gọi văn bằng</b>	Cử nhân Tâm lý học
<b>Trường cấp bằng</b>	Trường Đại học Lao động - Xã hội
<b>Khoa quản lý</b>	Công tác xã hội
<b>Số tín chỉ yêu cầu</b>	121 tín chỉ tích lũy + Giáo dục thể chất + Giáo dục quốc phòng an ninh
<b>Website</b>	www.uls.edu.vn
<b>Fanpage</b>	
<b>Ban hành</b>	Quyết định số 1433/QĐ-ĐHLĐXH, ngày 22 tháng 7 năm 2022

## 1.3. Triết lý giáo dục, Sứ mạng, tầm nhìn và giá trị cốt lõi:

### 1.3.1. Triết lý giáo dục

- **Giáo dục toàn diện (Comprehensive education):** Giáo dục toàn diện tại Trường Đại học Lao động - Xã hội được tổ chức có kế hoạch, có mục đích nhằm hình thành và phát triển toàn diện nhân cách người học về đạo đức, trí tuệ, thể chất, thẩm mỹ, cảm xúc và kỹ năng trên cơ sở đảm bảo sự kết hợp chặt chẽ giữa lý thuyết và thực hành, giữa học tập và hoạt động ngoại khóa.

- **Kiến tạo tương lai (Creating the future):** Trường Đại học Lao động - Xã hội là môi trường kiến tạo tương lai thông qua việc xây dựng thói quen học tập và tư duy tích cực cho người học; Hoạch định công việc cho tương lai; Đức rèn ý chí quyết tâm để đạt được ước mơ, hoài bão; Tối ưu hóa việc sử dụng thời gian; Đánh giá đúng đắn và kiên định với mục tiêu; Đối thoại tích cực, giao tiếp hiệu quả. Nhà trường cung cấp môi trường học tập và rèn luyện để người học có đủ năng lực kiến tạo tương lai cho chính bản thân.

• **Vươn tầm hội nhập (Reaching integration):** Trường Đại học Lao động - Xã hội kiến tạo môi trường học tập và nghiên cứu cho người học tiếp cận và bắt kịp trình độ, chuẩn mực tiên tiến thông qua việc xây dựng và phát triển chương trình đào tạo tương đồng với các trường đại học trong khu vực và thế giới; hợp tác đào tạo và nghiên cứu với các đối tác quốc tế. Nhà trường tạo môi trường để người học nâng cao trình độ chuyên môn, năng lực ngoại ngữ, tác phong làm việc, kỹ năng hội nhập, qua đó tạo nền tảng cho việc hội nhập.

### 1.3.2. Sứ mạng, tầm nhìn và giá trị cốt lõi

**Bảng 1.2. Sứ mạng, tầm nhìn và giá trị cốt lõi của Trường Đại học Lao động - Xã hội và Khoa Công tác xã hội**

	<b>Trường Đại học Lao động - Xã hội</b>	<b>Khoa Công tác xã hội</b>
<b>Sứ mạng</b>	Trường Đại học Lao động - Xã hội là cơ sở giáo dục đại học công lập duy nhất của ngành Lao Động, Thương binh và Xã hội trong đào tạo nguồn nhân lực trình độ cao theo định hướng ứng dụng với thế mạnh là các ngành Quản trị nhân lực, Công tác xã hội, Bảo hiểm, Kế toán và Quản trị kinh doanh; là trung tâm nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, hợp tác quốc tế trong lĩnh vực kinh tế - lao động - xã hội đáp ứng yêu cầu phát triển của Ngành, đất nước và hội nhập quốc tế.	Thúc đẩy sự phát triển bền vững của cộng đồng thông qua việc cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao, các sản phẩm đào tạo, nghiên cứu khoa học và chuyển giao tri thức trong các lĩnh vực công tác xã hội và tâm lý học; đóng góp hữu hiệu vào sự phát triển và hội nhập sâu rộng của ngành Lao động - Thương binh và Xã hội và đất nước.
<b>Tầm nhìn</b>	Đến năm 2030, Trường Đại học Lao động - Xã hội trở thành trường Đại học hàng đầu Việt Nam trong đào tạo nguồn nhân lực trình độ cao thuộc lĩnh vực lao động - xã hội có kỹ năng thực hành nghề nghiệp thành thạo, năng động, sáng tạo trong công việc, đạo đức nghề nghiệp chuẩn mực; trở thành trung tâm nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và hợp tác quốc tế có uy tín trong khu vực ASEAN	Khoa công tác xã hội là một trong những đơn vị hàng đầu của Trường Đại học Lao động - Xã hội cung cấp hoạt động đào tạo, nghiên cứu, tư vấn chất lượng cao trong lĩnh vực công tác xã hội và tâm lý học. Đến năm 2030, Khoa công tác xã hội phấn đấu nằm trong danh sách 10 cơ sở đào tạo ngành công tác xã hội uy tín và tốt nhất Việt Nam.
<b>Giá trị cốt lõi</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Chuyên nghiệp.</li> <li>• Sáng tạo</li> </ul>	<b>Chuyên nghiệp:</b> nghiên cứu, giảng dạy và học tập chuyên

	<b>Trường Đại học Lao động - Xã hội</b>	<b>Khoa Công tác xã hội</b>
	<ul style="list-style-type: none"> <li>Hội nhập</li> </ul>	nghiệp. <b>Sáng tạo:</b> phong cách học tập và làm việc năng động, thích ứng nhanh. <b>Hội nhập:</b> Hội nhập là đối sánh và tiếp thu những thành tựu khoa học - công nghệ mới.

## **1.4. Mục tiêu của chương trình đào tạo**

### **1.4.1. Mục tiêu tổng quát**

Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành tâm lý học được xây dựng nhằm cung cấp cho xã hội nguồn nhân lực có kiến thức, kỹ năng, phẩm chất, thái độ để có thể đảm nhận các vị trí cán bộ tâm lý ở các cấp, ngành và ở trong các môi trường làm việc khác nhau.

### **1.4.2. Mục tiêu cụ thể**

**PO1:** Đào tạo sinh viên có kiến thức cơ bản về lĩnh vực khoa học xã hội, khoa học tự nhiên, các kiến thức nền tảng về lý luận chính trị, nguyên lý của chủ nghĩa Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh và quốc phòng - an ninh;

**PO2:** Đào tạo sinh viên có tư duy hệ thống và phân biện trong việc vận dụng các khối kiến thức nền tảng về cơ sở ngành, khối ngành cũng như có sự hiểu biết sâu sắc về kiến thức chuyên ngành trong lĩnh vực Tâm lý học;

**PO3:** Đào tạo sinh viên có khả năng thích nghi, học tập sáng tạo và ứng dụng nhuần nhuyễn khối kỹ năng trong lĩnh vực Tâm lý học cũng như khối kỹ năng mềm thông qua các hoạt động giáo dục lý thuyết trên lớp và thực hành tại thực địa;

**PO4:** Đào tạo sinh viên hội nhập quốc tế, có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, trách nhiệm xã hội, có sức khỏe tốt để làm việc một cách độc lập cũng như có khả năng làm việc nhóm và phát huy trí tuệ tập thể;

**PO5:** Sinh viên có ý thức tự học và rèn luyện để tích lũy thêm kiến thức, có khả năng học tập ở bậc học cao hơn để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ hay thông qua các khóa học để lấy các chứng chỉ nghề nghiệp của Việt Nam và quốc tế.

## **1.5. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs)**

**PLO1.** Người học vận dụng được các kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, khoa học chính trị và các kiến thức pháp luật Việt Nam vào giải quyết các vấn đề kinh tế - xã hội trong thực tiễn

**PLO2.** Người học vận dụng được các kiến thức cơ bản về toán học, phương pháp nghiên cứu, khoa học tự nhiên để phân tích và giải quyết các vấn đề phát sinh trong thực tiễn công việc và cuộc sống.

**PLO3.** Người học vận dụng được các kiến thức nền tảng về xã hội học, tâm lý học và khoa học xã hội vào phân tích và giải thích những hiện tượng xã hội

**PLO4.** Người học có thể phân tích và vận dụng được các kiến thức về xã hội học, công tác xã hội để hình thành kiến thức cơ sở và phát triển các lĩnh vực liên quan tới Tâm lý học

**PLO5.** Người học có thể tổ chức giám sát và đánh giá, vận dụng các kiến thức chuyên sâu về lĩnh vực Tâm lý học để có thể làm việc nhóm hoặc phối hợp cùng thực hiện các hoạt động nghề nghiệp trong can thiệp, trị liệu

**PLO6.** Người học có thể thiết kế, quản lý được hồ sơ can thiệp, ứng dụng các kiến thức chuyên ngành của Tâm lý học và các phương pháp can thiệp đặc thù khi cung cấp dịch vụ tâm lý nhằm đáp ứng nhu cầu và đảm bảo an sinh xã hội cho cá nhân, nhóm, cộng đồng cần sự hỗ trợ

**PLO7.** Người học có thể thực hiện đầy đủ các kỹ năng về tư duy độc lập, tư duy hệ thống và tư duy phản biện, linh hoạt trong việc triển khai các hoạt động nghề nghiệp trong lĩnh vực tâm lý nói chung

**PLO8.** Người học có thể thực hành được kỹ năng sống, kỹ năng mềm trong các hoạt động giáo dục xã hội, truyền thông cũng như ứng xử giao tiếp ở các bối cảnh khác nhau

**PLO9.** Người học có thể thực hiện thuần thục các kỹ năng chuyên sâu trong lĩnh vực Tâm lý học

**PLO10.** Người học có thể ứng biến một cách thuần thục khi thực hiện các kỹ năng thúc đẩy sự tương tác trong giao tiếp, khích lệ và xử lý mâu thuẫn khi hỗ trợ và làm việc với cá nhân, gia đình và nhóm xã hội có nhu cầu

**PLO11.** Người học có thể thực hiện các kỹ năng ứng xử, giao tiếp, đánh giá chất lượng và làm việc một cách nhuần nhuyễn

**PLO12.** Người học có kỹ năng thiết kế hồ sơ can thiệp, cung cấp dịch vụ tâm lý trong các cơ sở trợ giúp cũng như kỹ năng triển khai các nghiên cứu trong lĩnh vực Tâm lý học

**PLO13.** Người học chứng minh được khả năng làm việc độc lập hoặc làm việc nhóm một cách hiệu quả, có tinh thần trách nhiệm với hoạt động nghề nghiệp và xã hội; Có sức khỏe tốt để làm việc, năng động và bản lĩnh, luôn sẵn sàng làm việc trong điều kiện môi trường công việc với áp lực cao cùng tinh thần đoàn kết, cầu tiến và ham học hỏi

**PLO14.** Người học có khả năng đưa ra các kết luận chuyên môn, có thái độ nghiêm túc trong đạo đức nghề nghiệp luôn đặt lợi ích của thân chủ lên hàng đầu. Luôn tâm huyết trong công việc và tuân thủ các nguyên tắc đạo đức nghề nghiệp với thân chủ, với đồng nghiệp, và với ngành nghề mình phục vụ

**PLO15.** Người học có khả năng lập kế hoạch tự học, cầu tiến để tích lũy thêm kiến thức và kinh nghiệm nhằm nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ thông qua bậc học cao hơn hay các khóa học lấy chứng chỉ nghề nghiệp của Việt Nam và quốc tế

**PLO16.** Người học tốt nghiệp có trình độ Tiếng Anh đạt TOEIC 550 điểm hoặc tương đương; Có khả năng đọc hiểu tài liệu tiếng Anh trong lĩnh vực tâm lý học

**PLO17.** Người học tốt nghiệp có khả năng sử dụng thành thạo tin học cơ bản đạt chuẩn đầu ra quy định tại thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông hoặc tương đương. Sử dụng thành thạo phần mềm cần thiết phục vụ công việc chuyên môn.

**Bảng 1.3. Mối liên hệ giữa mục tiêu chương trình và chuẩn đầu ra chương trình**

Mục tiêu (POs)	PLOs																
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
<b>PO1</b>	x	x	x	x	x	x	x										
<b>PO2</b>			x	x	x	x	x	x	x	x	x	x					
<b>PO3</b>			x	x	x	x	x	x	x	x	x	x					
<b>PO4</b>	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
<b>PO5</b>													x	x	x	x	x

**Bảng 1.4. Đối sánh chuẩn đầu ra chương trình đào tạo ngành Tâm lý học đáp ứng Khung trình độ quốc gia và Thang trình độ năng lực**

Chuẩn đầu ra (PLOs)	Khung trình độ quốc gia	Thang trình độ năng lực
<b>PLO1.</b> Người học vận dụng được các kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, khoa học chính trị và các kiến thức pháp luật Việt Nam vào giải quyết các vấn đề kinh tế - xã hội trong thực tiễn	K2	4
<b>PLO2.</b> Người học vận dụng được các kiến thức cơ bản về toán học, phương pháp nghiên cứu, khoa học tự nhiên để phân tích và giải quyết các vấn đề phát sinh trong thực tiễn công việc và cuộc sống.	K1,4+S3	5
<b>PLO3.</b> Người học vận dụng được các kiến thức nền tảng về xã hội học, tâm lý học và khoa học xã hội vào phân tích và giải thích những hiện tượng xã hội	S3	5

<b>PLO4.</b> Người học có thể phân tích và vận dụng được các kiến thức về xã hội học, công tác xã hội để hình thành kiến thức cơ sở và phát triển các lĩnh vực liên quan tới Tâm lý học	C1+S4	5
<b>PLO5.</b> Người học có thể tổ chức giám sát và đánh giá, vận dụng các kiến thức chuyên sâu về lĩnh vực Tâm lý học để có thể làm việc nhóm hoặc phối hợp cùng thực hiện các hoạt động nghề nghiệp trong can thiệp, trị liệu	S6	4
<b>PLO6.</b> Người học có thể thiết kế, quản lý được hồ sơ can thiệp, ứng dụng các kiến thức chuyên ngành của Tâm lý học và các phương pháp can thiệp đặc thù khi cung cấp dịch vụ tâm lý nhằm đáp ứng nhu cầu và đảm bảo an sinh xã hội cho cá nhân, nhóm, cộng đồng cần sự hỗ trợ	S3	4
<b>PLO7.</b> Người học có thể thực hiện đầy đủ các kỹ năng về tư duy độc lập, tư duy hệ thống và tư duy phản biện, linh hoạt trong việc triển khai các hoạt động nghề nghiệp trong lĩnh vực tâm lý nói chung	S1	4
<b>PLO8.</b> Người học có thể thực hành được kỹ năng sống, kỹ năng mềm trong các hoạt động giáo dục xã hội, truyền thông cũng như ứng xử giao tiếp ở các bối cảnh khác nha	C1	4
<b>PLO9.</b> Người học có thể thực hiện thuần thục các kỹ năng chuyên sâu trong lĩnh vực Tâm lý học	K5	4
<b>PLO10.</b> Người học có thể ứng biến một cách thuần thục khi thực hiện các kỹ năng thúc đẩy sự tương tác trong giao tiếp, khích lệ và xử lý mâu thuẫn khi hỗ trợ và làm việc với cá nhân, gia đình và nhóm xã hội có nhu cầu	K1,4+S3	5
<b>PLO11.</b> Người học có thể thực hiện các kỹ năng ứng xử, giao tiếp, đánh giá chất lượng và làm việc một cách nhuần nhuyễn	S3	5
<b>PLO12.</b> Người học có kỹ năng thiết kế hồ sơ can thiệp, cung cấp dịch vụ tâm lý trong các cơ sở trợ giúp cũng như kỹ năng triển khai các nghiên cứu trong lĩnh vực Tâm lý học	C1+S4	5
<b>PLO13.</b> Người học chứng minh được khả năng làm việc độc lập hoặc làm việc nhóm một cách hiệu quả, có tinh thần trách nhiệm với hoạt động nghề nghiệp và xã hội; Có sức khỏe tốt để làm việc, năng động và bản lĩnh, luôn sẵn sàng làm việc trong điều kiện môi trường công việc với áp lực cao cùng tinh thần đoàn kết, cầu tiến và ham học hỏi	S6	4



<b>PLO14.</b> Người học có khả năng đưa ra các kết luận chuyên môn, có thái độ nghiêm túc trong đạo đức nghề nghiệp luôn đặt lợi ích của thân chủ lên hàng đầu. Luôn tâm huyết trong công việc và tuân thủ các nguyên tắc đạo đức nghề nghiệp với thân chủ, với đồng nghiệp, và với ngành nghề mình phục vụ	C1	4
<b>PLO15.</b> Người học có khả năng lập kế hoạch tự học, cầu tiến để tích lũy thêm kiến thức và kinh nghiệm nhằm nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ thông qua bậc học cao hơn hay các khóa học lấy chứng chỉ nghề nghiệp của Việt Nam và quốc tế	S1	4
<b>PLO16.</b> Người học tốt nghiệp có trình độ Tiếng Anh đạt TOEIC 550 điểm hoặc tương đương; Có khả năng đọc hiểu tài liệu tiếng Anh trong lĩnh vực tâm lý học	S6	4
<b>PLO17.</b> Người học tốt nghiệp có khả năng sử dụng thành thạo tin học cơ bản đạt chuẩn đầu ra quy định tại thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông hoặc tương đương. Sử dụng thành thạo phần mềm cần thiết phục vụ công việc chuyên môn.	K3	4

### Danh mục các chuẩn đối sánh:

#### (1) TDNL - Trình độ năng lực chung:

**Bảng 1.5. Thang trình độ năng lực chung**

Thang TDNL	Khả năng hoạt động	Khả năng nhận thức
1.0	Có biết/ trải qua	
2.0	Có thể tham gia vào và đóng góp cho các hoạt động	Khả năng Nhớ
3.0	Có thể hiểu và giải thích	Khả năng Hiểu
4.0	Có khả năng thực hành / triển khai	Khả năng Áp dụng / Phân tích
5.0	Có thể dẫn dắt sáng tạo trong giải quyết vấn đề	Khả năng Tổng hợp/ Đánh giá vấn đề

#### (2) Khung TDQG - Khung trình độ quốc gia - bậc 6

##### Kiến thức (K):

K1. Kiến thức thực tế vững chắc, kiến thức lý thuyết sâu, rộng trong phạm vi của ngành đào tạo.

K2. Kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, khoa học chính trị và pháp luật.

K3. Kiến thức về công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu công việc.

K4. Kiến thức về lập kế hoạch, tổ chức và giám sát các quá trình trong một lĩnh

vực hoạt động cụ thể.

K5. Kiến thức cơ bản về quản lý, điều hành hoạt động chuyên môn.

*Kỹ năng (S):*

S1. Kỹ năng cần thiết để có thể giải quyết các vấn đề phức tạp.

S2. Kỹ năng dẫn dắt, khởi nghiệp, tạo việc làm cho mình và cho người khác.

S3. Kỹ năng phản biện, phê phán và sử dụng các giải pháp thay thế trong điều kiện môi trường không xác định hoặc thay đổi.

S4. Kỹ năng đánh giá chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm.

S5. Kỹ năng truyền đạt vấn đề và giải pháp tới người khác tại nơi làm việc; chuyên tải, phổ biến kiến thức, kỹ năng trong việc thực hiện những nhiệm vụ cụ thể hoặc phức tạp.

S6. Có năng lực ngoại ngữ bậc 3/6 Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam.

*Năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm (C):*

C1. Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm.

C2. Hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ xác định.

C3. Tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân.

C4. Lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động.

## **1.6. Cơ hội việc làm và học tập sau đại học**

### ***1.6.1. Cơ hội việc làm:***

Sau khi tốt nghiệp, các cử nhân tâm lý học có thể:

- Làm giáo viên giảng dạy Tâm lý học tại các Trường Cao đẳng, Đại học...
- Làm cán bộ nghiên cứu, cán bộ dự án phát triển cộng đồng tại các Viện Tâm lý học, các Trung tâm nghiên cứu, ứng dụng Tâm lý học, các Tổ chức Phi Chính phủ trong và ngoài nước...

- Làm cán bộ tham vấn, tư vấn tâm lý tại các công ty, trung tâm, cơ sở cung cấp dịch vụ tư vấn tâm lý

- Là nhân viên phòng nhân sự; phòng Marketing; Thiết kế quảng cáo, Nghiên cứu thị trường; trong các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh...

- Làm các hoạt động tham vấn, trị liệu trong các bệnh viện

- Là cán bộ Đoàn, Đảng, cán bộ tuyên giáo trong các tổ chức đoàn thể, chính quyền ở các địa phương trong cả nước.

### **1.6.2. Cơ hội học tập**

- Người học có thể đăng ký thi tuyển để học tập nâng cao trình độ ở bậc thạc sỹ, tiến sỹ ở trong nước và ngoài nước. Đồng thời có thể tự học tập, nghiên cứu, tích lũy kiến thức và kinh nghiệm để nâng cao trình độ.

- Người học có cơ hội học chuyển đổi sang các ngành gần như Công tác xã hội, Xã hội học... tại các trường đại học trong nước và quốc tế.

## **1.7. Tiêu chí tuyển sinh, quá trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp**

### **1.7.1. Tiêu chí tuyển sinh**

Thực hiện theo đề án tuyển sinh hằng năm của Trường Đại học Lao động - Xã hội.

### **1.7.2. Quá trình đào tạo**

Chương trình đào tạo ngành Tâm lý học được thiết kế theo hệ thống tín chỉ, gồm 121 tín chỉ tích lũy + Giáo dục thể chất + Giáo dục quốc phòng - an ninh không tích lũy. Quá trình đào tạo tuân thủ theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Quy chế đào tạo theo hệ thống tín chỉ và các quy định hiện hành khác của Trường Đại học Lao động – Xã hội. Chương trình đào tạo được thiết kế với thời gian đào tạo là 4 năm, tuy nhiên sinh viên có thể rút ngắn thời gian học còn 3,5 năm hoặc kéo dài thời gian tối đa là 8 năm (trừ những trường hợp đặc biệt được quy định khác).

### **1.7.3. Điều kiện xét và công nhận tốt nghiệp.**

Sinh viên được xét và công nhận tốt nghiệp khi có đủ các điều kiện sau

a) Tích lũy đủ học phần, số tín chỉ và hoàn thành các nội dung bắt buộc khác theo yêu cầu của chương trình đào tạo, đạt chuẩn đầu ra (trong đó có chuẩn đầu ra về ngoại ngữ, tin học) của chương trình đào tạo.

b) Điểm trung bình tích lũy của toàn khóa học đạt từ trung bình trở lên (2,00).

c) Tại thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập.

d) Có chứng chỉ hoàn thành các học phần Giáo dục Quốc phòng - An ninh và hoàn thành các học phần Giáo dục thể chất.

### **1.7.4. Hệ thống tính điểm.**

#### **1.7.4.1. Đánh giá và tính điểm học phần đối với các học phần được tính vào điểm trung bình học tập**

1. Đối với mỗi học phần, sinh viên được đánh giá qua *tối thiểu hai điểm thành phần*, đối với các học phần có khối lượng 01 tín chỉ có thể chỉ có một điểm đánh giá. Các điểm thành phần được đánh giá theo thang điểm 10. Phương pháp đánh giá, hình thức đánh giá và trọng số của mỗi điểm thành phần được quy định trong đề cương chi tiết của mỗi học phần. Hình thức đánh giá trực tuyến được áp dụng khi đảm bảo trung thực, công bằng và khách quan như đánh giá trực tiếp, đồng thời đóng góp không quá

50% trọng số điểm học phần; riêng việc tổ chức bảo vệ và đánh giá đồ án, khóa luận được thực hiện trực tuyến với trọng số cao hơn khi đáp ứng thêm các điều kiện sau đây:

a) Việc đánh giá được thực hiện thông qua một hội đồng chuyên môn gồm ít nhất 3 thành viên.

b) Hình thức bảo vệ và đánh giá trực tuyến được sự đồng thuận của các thành viên hội đồng và người học.

c) Diễn biến của buổi bảo vệ trực tuyến được ghi hình, ghi âm đầy đủ và lưu trữ.

2. Sinh viên vắng mặt trong buổi thi, đánh giá không có lý do chính đáng phải nhận điểm 0. Sinh viên vắng mặt có lý do chính đáng được dự thi, đánh giá ở một đợt khác và được tính điểm lần đầu.

3. Điểm học phần được tính từ tổng các điểm thành phần nhân với trọng số tương ứng, làm tròn tới một chữ số thập phân và xếp loại điểm chữ như dưới đây, trừ các trường hợp được quy định tại điểm d khoản này.

a) Loại đạt có phân mức, được tính vào điểm trung bình chung học tập, bao gồm:

A+ (9,2 - 10), A (8,5 - 9,1).

B+ (7,7 - 8,4), B (7,0 - 7,6).

C+ (6,2 - 6,9), C (5,5 - 6,1).

D+ (4,7 - 5,4), D (4,0 - 4,6).

b) Loại không đạt:

F+ (2,0 - dưới 4,0), F (dưới 2,0).

c) Một số trường hợp đặc biệt sử dụng các điểm chữ xếp loại, không được tính vào điểm trung bình học tập

I: Điểm chưa hoàn thiện do được phép hoãn thi, đánh giá.

X: Điểm chưa hoàn thiện do chưa đủ dữ liệu.

R: Điểm học phần được miễn học và công nhận tín chỉ.

4. Học lại, thi và học cải thiện điểm.

a) Sinh viên có điểm học phần không đạt (F+ và F) phải đăng ký học lại theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 3 của Quy chế đào tạo trình độ đại học của Trường Đại học Lao động - Xã hội ban hành kèm theo Quyết định số 955/QĐ-ĐHLĐXH ngày 05/5/2021, trừ trường hợp quy định tại điểm đ khoản 5 Điều này. Điểm lần học cuối là điểm chính thức của học phần;

b) Sinh viên đã có điểm học phần đạt được đăng ký học lại để cải thiện điểm.

5. Nhà trường quy định.

a) Việc tổ chức đánh giá quá trình học tập, trải nghiệm của sinh viên, bao gồm cả các hoạt động thí nghiệm, thực hành, làm bài tập, trình bày báo cáo như một thành phần của học phần.

b) Việc tổ chức thi, bao gồm quy định về thời gian ôn thi và thời gian thi, việc

làm đề thi, coi thi, chấm thi, phúc tra (nếu có), bảo quản bài thi, việc hoãn thi và miễn thi: *Thực hiện theo quy định riêng của Trường.*

c) Việc tổ chức đánh giá các học phần, đồ án, khóa luận, thực hành và thực tập và các học phần đặc thù khác: *Thực hiện theo quy định riêng của Trường.*

d) Nhà trường không yêu cầu ngưỡng điểm đạt phải cao hơn quy định của Bộ GD&ĐT. Tuy nhiên, trong mỗi mức xếp điểm bằng chữ, Nhà trường đưa thêm mức điểm cộng (+).

đ) Nhà trường cho phép sinh viên thi lại, đánh giá lại một điểm thành phần để cải thiện điểm học phần từ không đạt thành đạt. Trong trường hợp này, điểm học phần sau khi thi lại, đánh giá lại chỉ được giới hạn ở mức tối đa là điểm C+.

e) Nhà trường cho phép sinh viên học lại để cải thiện điểm và quy tắc tính điểm chính thức của học phần trong trường hợp điểm học lần sau thấp hơn: *Lấy điểm cao hơn để tính làm điểm chính thức của học phần.*

6. Quy định về đánh giá và tính điểm học phần

6.1. Nguyên tắc và yêu cầu của việc đánh giá và tính điểm học phần

a) Nghiêm túc, khách quan, tin cậy và trung thực.

b) Công bằng đối với tất cả sinh viên trong lớp, giữa các lớp, các khóa và các hình thức đào tạo.

6.2. Đánh giá và tính điểm học phần

**a) Đối với học phần chỉ có lý thuyết hoặc có cả lý thuyết và thực hành:**

*\* Trường hợp học phần có từ 02 TC trở lên*

Điểm tổng hợp đánh giá học phần (*sau đây gọi là điểm học phần*) được tính căn cứ vào 02 điểm thành phần. Điểm thành phần thứ nhất gọi chung là *Điểm đánh giá bộ phận* và điểm thành phần thứ hai gọi chung là *Điểm đánh giá kết thúc học phần*. Trong đó:

- *Điểm đánh giá bộ phận*: Được căn cứ vào một số hay tất cả các hình thức đánh giá, bao gồm: Điểm kiểm tra thường xuyên trong quá trình học tập; điểm đánh giá nhận thức và thái độ tham gia thảo luận; điểm đánh giá phần thực hành; điểm chuyên cần; điểm thi giữa học phần; điểm tiểu luận. Điểm đánh giá bộ phận có trọng số là 40%.

Việc lựa chọn các hình thức đánh giá bộ phận được quy định trong Đề cương chi tiết học phần. Giảng viên phụ trách học phần trực tiếp cho điểm đánh giá bộ phận.

- *Điểm đánh giá kết thúc học phần*: Hình thức đánh giá kết thúc học phần có thể là một trong các hình thức sau: Viết tiểu luận, vấn đáp, trắc nghiệm khách quan, viết tự luận, .... Hình thức đánh giá kết thúc học phần được quy định trong Đề cương chi tiết học phần. Điểm đánh giá kết thúc học phần có trọng số là 60%. Việc tổ chức đánh giá kết thúc học phần: *Thực hiện theo quy định riêng của Trường.*

- Nhà trường quy định việc tổng hợp đánh giá học phần chỉ thực hiện khi các

điểm thành phần không có điểm liệt. Điểm liệt là điểm  $<1$  tính theo thang điểm 10. Trường hợp có một trong hai điểm thành phần hoặc cả hai điểm thành phần là điểm liệt thì điểm tổng hợp đánh giá học phần ghi là F+ hoặc F.

*\* Trường hợp học phần có 01 tín chỉ*

- Điểm học phần là điểm đánh giá kết thúc học phần.  
- Hình thức đánh giá kết thúc học phần có thể là một trong các hình thức sau: Viết tiểu luận, vấn đáp, trắc nghiệm khách quan, viết tự luận, .... Hình thức đánh giá kết thúc học phần được quy định trong đề cương chi tiết học phần.

- Việc tổ chức đánh giá kết thúc học phần: *Thực hiện theo quy định riêng của Trường.*

#### **b) Đối với học phần thực hành**

- Sinh viên phải dự đầy đủ các bài thực hành.  
- Điểm của các bài thực hành tính theo thang điểm 10. Điểm trung bình cộng của điểm các bài thực hành trong học kỳ được làm tròn đến một chữ số thập phân là điểm của học phần thực hành. Số bài thực hành được quy định trong đề cương chi tiết học phần.

- Giảng viên phụ trách học phần thực hành trực tiếp cho điểm đánh giá từng bài thực hành và tính điểm của học phần thực hành.

- Không tổ chức đánh giá kết thúc học phần thực hành.

#### **1.7.4.2. Đánh giá và tính điểm đối với môn học Giáo dục thể chất**

1. Môn học Giáo dục thể chất (GDTC) là môn học điều kiện để xét công nhận tốt nghiệp và cấp bằng tốt nghiệp cho sinh viên theo quy định tại điểm d của mục 1.7.3 của Bản mô tả này. Kết quả học tập của môn học GDTC không được tính vào điểm trung bình chung học tập của sinh viên.

2. Đối tượng được miễn học, thay đổi hình thức học, tạm hoãn học GDTC

a) Đối tượng được miễn học toàn bộ các học phần của môn học GDTC: Sinh viên đã hoàn thành các học phần về GDTC phù hợp với trình độ đào tạo.

b) Đối tượng được thay đổi hình thức học các học phần của môn học GDTC

- Sinh viên có thương tật, dị tật bẩm sinh làm hạn chế chức năng vận động (*có giấy chứng nhận của Bệnh viện cấp huyện và tương đương trở lên*). Có thể áp dụng thay thế các môn học đặc thù dành cho người khuyết tật.

- Sinh viên bị các bệnh không được vận động mạnh (*có giấy chứng nhận của Bệnh viện cấp huyện và tương đương trở lên*).

c) Đối tượng được tạm hoãn học các học phần của môn học GDTC

- Sinh viên đang học nhưng sức khỏe không đảm bảo.

- Sinh viên đang mang thai, nuôi con nhỏ dưới 24 tháng tuổi.

d) Các đối tượng nêu tại điểm a, b và c của khoản này nộp Đơn đề nghị miễn

học, thay đổi hình thức học hoặc hoãn học kèm theo giấy chứng nhận có giá trị về phòng QLĐT trong thời gian đăng ký học để phòng QLĐT xem xét trình Lãnh đạo trường quyết định. Sinh viên được cho tạm hoãn học các học phần GDTC thì sau khi hết thời gian tạm hoãn phải tiếp tục học những nội dung còn thiếu trong chương trình theo quy định.

3. Môn học GDTC có 03 học phần. Mỗi học phần có khối lượng tích lũy là 01 TC. Các học phần của môn học GDTC là các học phần thực hành.

a) Chương trình môn học GDTC dành cho sinh viên có đủ sức khỏe để vận động.

- Có 01 học phần bắt buộc: Thể dục – Điền kinh.

- Và 02 học phần tự chọn: Sinh viên có thể chọn 02 trong số 06 học phần sau: Bóng chuyền 1; Bóng chuyền 2; Bóng rổ 1; Bóng rổ 2; Cầu lông 1; và Cầu lông 2.

b) Chương trình môn học GDTC dành cho sinh viên hạn chế sức khỏe (*áp dụng đối với sinh viên quy định tại điểm b khoản 2 của mục này*), gồm có 03 học phần bắt buộc: Cờ vua 1; Cờ vua 2 và Cờ vua 3.

4. Đánh giá đối với các học phần của môn học GDTC như sau

- Sinh viên phải dự tất cả các bài thực hành của học phần.

- Điểm đánh giá mỗi bài thực hành tính theo thang điểm 10. Điểm trung bình cộng của điểm các bài thực hành trong học phần được làm tròn đến một chữ số thập phân là điểm đánh giá học phần. Số bài thực hành được quy định trong Đề cương chi tiết học phần. Không tổ chức đánh giá kết thúc các học phần thực hành của môn học GDTC.

- Giảng viên được giao nhiệm vụ giảng dạy học phần trong học kỳ trực tiếp cho điểm đánh giá từng bài thực hành và tính điểm đánh giá học phần.

- Điểm đánh giá các học phần của môn học GDTC không quy đổi thành điểm chữ và thang điểm 4.

5. Công nhận hoàn thành môn học Giáo dục thể chất (*phòng QLĐT tổng hợp trình Hội đồng xét tốt nghiệp*)

a) Sinh viên được xét công nhận hoàn thành môn học GDTC khi có đủ các điều kiện sau

- Tích lũy đủ học phần, số tín chỉ theo yêu cầu của chương trình môn học GDTC;

- Điểm học phần của tất cả các học phần của môn học GDTC mà sinh viên đã đăng ký học đạt từ 5,0 trở lên.

- Tại thời điểm xét công nhận hoàn thành không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập.

b) Mức công nhận hoàn thành môn học GDTC như sau

- Sinh viên đủ điều kiện ghi tại điểm a khoản 5 Điều này được công nhận hoàn thành môn học GDTC và được đánh giá ở mức “Đạt”, ghi chữ “P” (P viết tắt của “Pass” – “Đạt”).

- Các trường hợp khác được đánh giá ở mức: “Không đạt”, ghi “F” (F là viết tắt của “Fall” – “Không đạt”).

6. Học lại, đánh giá lại điểm học phần của môn học GDTC

a) Sinh viên có điểm học phần không đạt (< 5,0) và không tham dự đầy đủ các bài thực hành của học phần phải đăng ký học lại theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 3 của Quy chế đào tạo trình độ đại học của Trường Đại học Lao động - Xã hội ban hành kèm theo Quyết định số 955/QĐ-ĐHLĐXH ngày 05/5/2021. Điểm lần học cuối là điểm chính thức của học phần.

b) Sinh viên có điểm học phần không đạt (<5,0) nhưng tham dự đầy đủ các bài thực hành của học phần thì được đề nghị thi lại, đánh giá lại một bài hoặc một số bài thực hành trong học phần để cải thiện điểm học phần từ không đạt thành đạt.

#### **1.7.4.3. Đánh giá và tính điểm đối với môn học Giáo dục Quốc phòng - An ninh.**

1. Môn học Giáo dục Quốc phòng - An ninh (GDQP-AN) là môn học điều kiện để xét công nhận tốt nghiệp và cấp bằng tốt nghiệp cho sinh viên theo quy định tại điểm d, khoản 1, Điều 16 của Quy chế đào tạo trình độ đại học của Trường Đại học Lao động - Xã hội ban hành kèm theo Quyết định số 955/QĐ-ĐHLĐXH ngày 05/5/2021. Kết quả học tập của môn học GDQPAN không được tính vào điểm trung bình chung học tập của sinh viên. Sinh viên hoàn thành môn học GDQPAN từ mức trung bình trở lên được cấp chứng chỉ hoàn thành môn học GDQP-AN.

2. Đối tượng được miễn học, tạm hoãn học GDQP-AN

a) Đối tượng được miễn học toàn bộ các học phần của môn học GDQP-AN

- Sinh viên nguyên là sĩ quan quân đội.

- Sinh viên là người hưởng lương thuộc biên chế Nhà nước được cơ quan cử đi học.

- Sinh viên đã được cấp chứng chỉ GDQP-AN phù hợp với trình độ đào tạo.

b) Đối tượng được miễn học các học phần thực hành của môn học GDQP-AN

- Sinh viên đã hoàn thành nghĩa vụ quân sự phục vụ trong công an, quân đội (*có quyết định xuất ngũ*).

- Sinh viên có thương tật, dị tật bẩm sinh làm hạn chế chức năng vận động (*có giấy chứng nhận của Bệnh viện cấp huyện và tương đương trở lên*);

- Sinh viên bị các bệnh không được vận động mạnh (*có giấy chứng nhận của Bệnh viện cấp huyện và tương đương trở lên*);

- Sinh viên là tu sĩ, tăng ni thuộc các tôn giáo.

c) Đối tượng được tạm hoãn học các học phần của môn học GDQP-AN

- Sinh viên đang học nhưng sức khỏe không đảm bảo.

- Sinh viên đang mang thai, nuôi con nhỏ dưới 24 tháng tuổi.

- Sinh viên có lý do đặc biệt về hoàn cảnh gia đình.



d) Các đối tượng nêu tại điểm a, b và c của khoản này nộp Đơn đề nghị miễn học toàn bộ, miễn học các học phần thực hành hoặc hoãn học kèm theo giấy chứng nhận có giá trị về phòng QLĐT trong thời gian đăng ký học để phòng QLĐT xem xét trình Lãnh đạo trường quyết định. Sinh viên được cho tạm hoãn học các học phần GDQP-AN thì sau khi hết thời gian tạm hoãn phải tiếp tục học những nội dung còn thiếu trong chương trình theo quy định.

3. Môn học GDQP-AN có 04 học phần

a) Học phần 1: **Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng cộng sản Việt Nam.**

Số tín chỉ: 03 TC; Loại môn học: Lý thuyết.

b) Học phần 2: **Công tác quốc phòng an ninh**

Số tín chỉ: 02 TC; Loại môn học: Lý thuyết.

c) Học phần 3: **Quân sự chung.**

Số tín chỉ: 01 TC; Loại môn học: Thực hành.

d) Học phần 4: **Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật.**

Số tín chỉ: 02 TC; Loại môn học: Thực hành.

4. Đánh giá và tính điểm học phần, điểm môn học GDQP-AN.

a) Đánh giá các học phần lý thuyết của môn học GDQP-AN.

- Sinh viên phải tham dự tối thiểu 80% thời gian học trên lớp của học phần.

- Điểm tổng hợp đánh giá học phần (*sau đây gọi là Điểm học phần*) được tính căn cứ vào 02 điểm thành phần. Điểm thành phần thứ nhất gọi chung là *Điểm đánh giá bộ phận (ĐDGBP)* và điểm thành phần thứ hai gọi chung là *Điểm đánh giá kết thúc học phần (ĐDGKTHP)*.

- *Điểm đánh giá bộ phận*: Được căn cứ vào một số hay tất cả các hình thức đánh giá, bao gồm: Điểm kiểm tra thường xuyên trong quá trình học tập; điểm đánh giá nhận thức và thái độ tham gia học tập; điểm chuyên cần; điểm đánh giá giữa học phần; điểm tiểu luận. Điểm đánh giá bộ phận được tính theo thang điểm 10 và có trọng số là 40%. Việc lựa chọn các hình thức đánh giá bộ phận được quy định trong Đề cương chi tiết học phần. Giảng viên phụ trách học phần trực tiếp cho điểm đánh giá bộ phận.

- *Điểm đánh giá kết thúc học phần*: Hình thức đánh giá kết thúc học phần có thể là một trong các hình thức sau: Viết tiểu luận, vấn đáp, trắc nghiệm khách quan, viết tự luận, .... Hình thức đánh giá kết thúc học phần được quy định trong Đề cương chi tiết học phần. Điểm đánh giá kết thúc học phần được tính theo thang điểm 10 và có trọng số là 60%. Việc tổ chức đánh giá kết thúc học phần: *Thực hiện theo quy định riêng của Trường.*

- *Điểm học phần*:

+ Điểm học phần được tổng hợp từ *Điểm đánh giá bộ phận* và *Điểm đánh giá*

*kết thúc học phần* khi các điểm thành phần này không là điểm liệt. Điểm liệt là điểm <1 tính theo thang điểm 10.

Điểm học phần = (ĐĐGBP x 40%) + (ĐĐGKTHP x 60%)

+ Trường hợp Điểm học phần  $\geq 5$ : Sinh viên được đánh giá là “Đạt”;

+ Trường hợp Điểm học phần < 5: Sinh viên được đánh giá “Không đạt”;

+ Trường hợp có một trong hai điểm thành phần hoặc cả hai điểm thành phần là điểm liệt thì *Điểm học phần* ghi là “Không đạt”.

+ Sinh viên bị đánh giá “**Không đạt**” phải đăng ký học lại học phần hay thi lại, đánh giá lại theo quy định tại khoản 5 Mục này.

b) Đánh giá các học phần thực hành của môn học GDQP-AN

- Sinh viên phải tham dự đầy đủ các bài thực hành.

- Điểm đánh giá mỗi bài thực hành tính theo thang điểm 10. Điểm trung bình cộng của điểm các bài thực hành trong học phần làm tròn đến một chữ số thập phân là điểm của học phần thực hành đó. Số bài thực hành được quy định trong Đề cương chi tiết học phần.

- Giảng viên phụ trách học phần thực hành trực tiếp cho điểm đánh giá từng bài thực hành và tính điểm của học phần thực hành. Không tổ chức đánh giá kết thúc học phần thực hành.

- *Điểm học phần thực hành*:

+ Điểm học phần thực hành được tổng hợp từ điểm của các bài thực hành khi và chỉ khi các điểm các bài thực hành này không có điểm liệt. Điểm liệt là điểm <1 tính theo thang điểm 10.

**Điểm học phần TH = (Điểm Bài 1 + Điểm Bài 2 + ... + Điểm Bài n)/n**

+ Trường hợp Điểm học phần  $\geq 5,0$ : Sinh viên được đánh giá là “Đạt”.

+ Trường hợp Điểm học phần < 5,0: Sinh viên được đánh giá “Không đạt”.

+ Trường hợp có một điểm bài thực hành là điểm liệt thì *Điểm học phần* ghi là “Không đạt”.

+ Sinh viên bị đánh giá “**Không đạt**” phải đăng ký học lại học phần hoặc thi lại, đánh giá lại theo quy định tại khoản 6 Mục này.

c) Điểm trung bình chung môn học GDQP-AN

Sinh viên được xem xét đánh giá môn học GDQP-AN khi đảm bảo đủ các điều kiện sau:

- Tích lũy đủ học phần, số tín chỉ theo yêu cầu của môn học GDQP-AN.

- Điểm học phần của các học phần của môn học GDQP-AN đều ở mức “**Đạt**”.

- Cách tính Điểm trung bình chung môn học GDQP-AN:

**Điểm TBC = (Điểm HP1 x 3 + Điểm HP2 x 2 + Điểm HP3 x 1 + Điểm HP4 x 2)/8.**

- Điểm TBC môn học GDQP-AN được tính theo thang điểm 10, làm tròn đến một chữ số thập phân và không quy đổi sang điểm chữ và thang điểm 4.

d) Một số trường hợp đặc biệt sử dụng các điểm chữ xếp loại, không được tính vào điểm trung bình chung môn học.

I: Điểm chưa hoàn thiện do được phép hoãn thi, đánh giá.

X: Điểm chưa hoàn thiện do chưa đủ dữ liệu.

R: Điểm học phần được miễn học và công nhận tín chỉ.

5. Công nhận hoàn thành và cấp chứng chỉ Giáo dục Quốc phòng - An ninh

a) Sinh viên được xét công nhận hoàn thành và cấp chứng chỉ GDQP-AN khi có đủ các điều kiện sau:

- Có điểm đánh giá TBC môn học từ điểm trung bình trở lên ( $\geq 5,0$ ).

- Tại thời điểm xét đánh giá không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập.

b) Hạng chứng chỉ GDQP-AN được xác định căn cứ vào điểm trung bình chung (TBC) tích lũy của môn học tính theo thang điểm 10:

Từ 9,0 đến 10,0: Xuất sắc.

Từ 8,0 đến cận 9,0: Giỏi.

Từ 7,0 đến cận 8,0: Khá.

Từ 5,0 đến cận 7,0: Trung bình.

6. Học lại, đánh giá lại điểm học phần

a) Sinh viên có điểm học phần không đạt ( $< 5,0$ ) và không tham dự đầy đủ các buổi học theo quy định đối với học phần phải đăng ký học lại theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 3 của Quy chế đào tạo trình độ đại học của Trường Đại học Lao động - Xã hội ban hành kèm theo Quyết định số 955/QĐ-ĐHLĐXH ngày 05/5/2021. Điểm lần học cuối là điểm chính thức của học phần.

b) Sinh viên có điểm học phần không đạt ( $< 5,0$ ) nhưng tham dự đầy đủ các buổi lên lớp theo quy định đối với học phần thì được đề nghị thi lại, đánh giá lại một điểm thành phần để cải thiện điểm học phần từ không đạt thành đạt. Trong trường hợp này, điểm học phần sau khi thi lại, đánh giá lại chỉ được giới hạn ở mức tối đa là điểm 5,0.

## **1.8. Chiến lược giảng dạy và học tập (TLMs)**

### ***1.8.1. Chiến lược dạy học trực tiếp***

Chiến lược dạy học trực tiếp là chiến lược dạy học trong đó các thông tin được truyền tải đến với người học theo cách trực tiếp, giảng viên trình bày và người học lắng nghe. Chiến lược này thường được áp dụng trong các lớp học truyền thống và có hiệu quả khi muốn truyền đạt cho người học những thông tin cơ bản, giải thích một kỹ năng mới. Các phương pháp giảng dạy theo chiến lược này được chương trình đào tạo ngành Tâm lý học áp dụng gồm: Giải thích cụ thể, Thuyết giảng, Tham luận và Câu hỏi gợi

mở. Cụ thể như sau:

- **Giải thích cụ thể** (Explicit leaching): Đây là phương pháp thuộc chiến lược dạy học trực tiếp trong đó giảng viên hướng dẫn giải thích chi tiết cụ thể các nội dung liên quan đến bài học, giúp cho người học đạt được mục tiêu dạy học về kiến thức và kỹ năng.
- **Thuyết giảng** (Lecture): Giảng viên trình bày nội dung bài học và giải thích các nội dung trong bài giảng. Giảng viên là người thuyết trình, diễn giảng. Người học chỉ nghe giảng và ghi chú để tiếp nhận các kiến thức mà giảng viên truyền đạt.
- **Tham luận** (Guest Lecture): Theo phương pháp này, người học tham gia vào các khóa học mà người diễn giảng, thuyết trình đến từ doanh nghiệp bên ngoài. Thông qua những trao đổi chia sẻ những kinh nghiệm, hiểu biết của diễn giảng để giúp người học hình thành kiến thức tổng quan hay cụ thể về chuyên ngành đào tạo.
- **Câu hỏi gọi mở** (Inquiry): Trong tiến trình dạy học, giảng viên sử dụng các câu hỏi gọi mở hay các vấn đề và hướng dẫn giúp người học từng bước trả lời câu hỏi. Người học có thể tham gia vào thảo luận nhóm để cùng nhau giải quyết vấn đề đặt ra.

### **1.8.2. Chiến lược dạy học dựa vào hoạt động - Trải nghiệm**

Chiến lược dạy học dựa vào hoạt động là chiến lược khuyến khích người học thực hiện, tạo cơ hội cho người học thực hành. Điều này thúc đẩy người học khám phá, lựa chọn, giải quyết vấn đề và tương tác với các đối tượng khác. Các phương pháp giảng dạy theo chiến lược này được chương trình đào tạo ngành Tâm lý học áp dụng gồm: Trò chơi; thực tập, thực tế; thảo luận. Cụ thể:

- **Trò chơi** (Game): Trò chơi là hoạt động đầy thử thách, mô phỏng, hoặc các cuộc thi được chơi theo một bộ quy tắc rõ ràng. Trò chơi cung cấp cho người học cơ hội nâng cao kiến thức thực tế, ra quyết định và kỹ năng giao tiếp, được thiết kế để đạt được những kỳ vọng được xác định rõ ràng như làm việc nhóm, phát triển kỹ năng hoặc cải thiện giao tiếp. Quy tắc trò chơi giúp người học nhận ra rằng quyết định của họ có ảnh hưởng như thế nào đến bản thân cũng như của những người khác cùng tham gia.
- **Thực tập, thực tế** (Field Trip): Thông qua các hoạt động thực hành môn học, thực tập sinh viên được tiếp cận và hiểu được môi trường thực tế của ngành đào tạo sau khi tốt nghiệp. Sinh viên có thể học hỏi thêm được những kiến thức và kỹ năng đang được thực hiện trong các đơn vị thực hành, thực tập từ đó hình thành kỹ năng nghề nghiệp và văn hóa làm việc phù hợp. Phương pháp này không chỉ giúp cho người học hình thành kiến thức, kỹ năng mà còn tạo cơ hội

nghe nghiệp cho người học sau khi tốt nghiệp.

- **Thảo luận (Discussion):** Là phương pháp dạy học trong đó người học được chia thành các nhóm và tham gia thảo luận về những quan điểm cho một vấn đề nào đó được giảng viên đặt ra. Khác với các phương pháp tranh luận, trong phương pháp thảo luận, người với cũng quan điểm mục tiêu chung tìm cách bổ sung để hoàn thiện quan điểm, giải pháp của mình

### **1.8.3. Chiến lược dạy kỹ năng tư duy**

Chiến lược dạy kỹ năng tư duy phát triển tư duy phê phán, kỹ năng đặt câu hỏi, kỹ năng phân tích và thực hành phản xạ trong cách tiếp cận học tập của người học. Những chiến lược này cũng được thiết kế để thúc đẩy tư duy và học tập sáng tạo và độc lập cho người học. Các phương pháp chiến lược này gồm: Giải quyết vấn đề; Học theo tình huống. Cụ thể:

- **Giải quyết vấn đề (Problem Solving):** Trong tiến trình dạy và học, người học làm việc với các vấn đề được đặt ra và học được những kiến thức mới thông qua việc đối mặt với vấn đề cần giải quyết. Thông qua các quá trình giải pháp cho vấn đề đặt ra, người học đạt được những kiến thức, kỹ năng theo yêu cầu của học phần.
- **Học theo tình huống (Case Study):** Đây là phương pháp hướng đến cách tiếp cận dạy và học lấy người học làm trung tâm, giúp người học hình thành kỹ năng tư duy phản biện, giao tiếp. Theo phương pháp này, giảng viên liên hệ các tính huống, vấn đề hay thách thức trong thực tế và yêu cầu người học giải quyết, giúp cho người học hình thành kỹ năng giải quyết vấn đề, kỹ năng ra quyết định cũng như khả năng nghiên cứu.

### **1.8.4. Chiến lược dạy học tương tác**

Chiến lược dạy học tương tác giúp cho người học trở nên năng động, có trách nhiệm và quan tâm đến người khác bằng cách thúc đẩy các tương tác nhóm tích cực và có tính hợp tác, hành vi lắng nghe, tôn trọng và trọng lượng của cả hai mặt của một lập luận hoặc của một vấn đề nào đó. Trọng tâm của việc học tương tác là dạy cho người học tương tác thành công với nhau và chuyển những kỹ năng đó thành những tương tác hiệu quả trong xã hội. Học nhóm là một phương pháp được áp dụng theo chiến lược này.

- **Học nhóm (Teamwork Learning):** Người học được tổ chức thành các nhóm nhỏ để cùng nhau giải quyết các vấn đề được đặt ra và trình bày kết quả của nhóm thông qua các báo cáo hay thuyết trình trước các nhóm khác và giảng viên.

### **1.8.5. Chiến lược dạy học theo hướng nghiên cứu - giảng dạy**

Chiến lược dạy học theo hướng nghiên cứu khuyến khích mức độ tư duy phê phán cao. Người học xác định các câu hỏi nghiên cứu, tìm các phương pháp phù hợp

để giải quyết các vấn đề hoặc báo cáo các kết luận dựa trên các bằng chứng thu thập được. Chương trình đào tạo ngành Tâm lý học sử dụng các phương pháp: Nghiên cứu độc lập; Dự án nghiên cứu; Nhóm nghiên cứu giảng dạy.

- **Nghiên cứu độc lập:** Phương pháp này phát triển khả năng của người học trong việc lập kế hoạch, tổ chức, khám phá và giao tiếp đối với chủ đề một cách độc lập dưới sự hướng dẫn của các giảng viên. Phương pháp này cũng tăng cường động lực học và tích cực tham gia học tập vì người học được phép chọn các tài liệu họ muốn trình bày. Tại Trường Đại học Lao động - Xã hội có nhiều sách, tài liệu tham khảo được cập nhật hỗ trợ hữu ích cho người học
- **Dự án nghiên cứu (Research Project):** Người học nghiên cứu một chủ đề nào đó liên quan đến môn học và viết báo cáo.
- **Nhóm nghiên cứu giảng dạy (Teaching Research Team):** Người học được khuyến khích tham gia vào các dự án, nhóm nghiên cứu và giảng dạy của giảng viên, giúp hình thành năng lực nghiên cứu và kỹ năng sáng tạo. Từ đó, tạo tiền đề cho người học tiếp tục học tập cao hơn ở bậc sau đại học.

#### ***1.8.6. Chiến lược dạy học dựa vào công nghệ***

Phương pháp kết hợp nhằm kết hợp phương pháp lên lớp truyền thống với học trực tuyến (E-learning; Zoom...). Thông qua hệ thống phần mềm quản trị đào tạo, giảng viên có thể tương tác và quản lý quá trình học tập của sinh viên. Đây là chiến lược quan trọng nhằm chuyển đổi kỹ thuật số trong quá trình đào tạo ngành Tâm lý học.

#### ***1.8.7. Chiến lược tự học***

Chiến lược tự học giúp cho người học tiếp thu kiến thức và hình thành các kỹ năng để có thể tự định hướng, chủ động trong việc học. Người học có cơ hội lựa chọn chủ đề học, khám phá và nghiên cứu sâu về một vấn đề. Từ đó, người học hình thành các kỹ năng quản lý thời gian và tự giám sát việc học. Phương pháp học theo chiến lược này được chương trình đào tạo ngành Tâm lý học áp dụng chủ yếu là đọc tài liệu và làm bài tập ở nhà.

- **Bài tập ở nhà (Work Assignment):** Theo phương pháp này, người học được giao nhiệm vụ làm việc ở nhà với nội dung và yêu cầu do giảng viên đặt ra. Thông qua hoàn thành các nhiệm vụ được giao ở nhà này, người học được tự học, cũng như đạt được những nội dung về kiến thức cũng như kỹ năng theo yêu cầu.

Các phương pháp dạy học nói trên giúp cho người học đạt được chuẩn đầu ra (PLOs), được thể hiện trong bảng 1.6 dưới đây

**Bảng 1.6. Mối liên hệ giữa chiến lược và phương pháp dạy-học (TLMs) để đạt được  
Chuẩn đầu ra (PLOs)**

Chiến lược và Phương pháp dạy - học		PLOs																
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
<b>I</b>	<b>Dạy học trực tiếp</b>																	
TLM1	Giải thích cụ thể (Explicit Teaching)	x	x	x	x	x	x	x	x			x	x	x	x	x		
TLM2	Thuyết giảng (Lecture)	x	x	x	x	x	x		x				x		x	x		
TLM3	Tham luận (Guest Lecture)	x	x		x	x	x	x	x				x	x	x	x		
TLM4	Câu hỏi gợi mở (Inquiry)	x	x		x	x		x	x				x	x	x	x	x	x
<b>II</b>	<b>Dạy học dựa vào hoạt động - Trải nghiệm</b>																	
TLM5	Trò chơi (Game)	x	x	x		x								x	x	x	x	x
TLM6	Thực tập. thực tế (Field Trip)		x		x	x	x				x		x	x		x	x	x
TLM7	Thảo luận (Discussion)	x	x		x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x		
<b>III</b>	<b>Dạy kỹ năng tư duy</b>																	
TLM8	Giải quyết vấn đề (Problem Solving)	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x
TLM9	Học theo tình huống (Case Study)	x	x		x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x		

<b>IV</b>	<b>Đạy học tương tác</b>																				
TLM10	Học nhóm (Teamwork Learning)	x	x			x	x	x			x	x	x			x	x	x	x	x	x
<b>V</b>	<b>Đạy học theo hướng nghiên cứu - giảng dạy</b>																				
TLM11	Nghiên cứu độc lập	x	x			x	x	x			x	x	x			x	x	x	x	x	x
TLM12	Dự án nghiên cứu (Research Project)	x	x			x	x	x			x	x	x			x	x	x	x	x	x
TLM13	Nhóm nghiên cứu giảng dạy (Teaching Research Team)	x	x			x	x	x			x	x	x			x	x	x	x	x	x
<b>VI</b>	<b>Đạy học dựa vào công nghệ</b>																				
TLM14	Học trực tuyến (E-Learning)	x	x			x	x	x			x	x	x			x	x	x	x	x	x
<b>VII</b>	<b>Tự học</b>																				
TLM15	Bài tập ở nhà (Work Assignment)	x	x			x	x	x			x	x	x			x	x	x	x	x	x

### 1.9. Chiến lược và phương pháp đánh giá (AMs)

Đánh giá kết quả của người học là quá trình ghi chép, lưu trữ và cung cấp thông tin về sự tiến bộ của người học trong suốt quá trình dạy học. Việc đánh giá đảm bảo nguyên tắc rõ ràng, chính xác, công bằng, khách quan và phân hóa, thường xuyên liên tục định kỳ. Yêu cầu về tiêu chí đánh giá cụ thể được Nhà trường, Khoa thiết kế và công bố, làm rõ cho người học trước khi tham dự học.

Các thông tin về đánh giá được cung cấp và chia sẻ kịp thời cho các bên liên quan gồm người dạy, người học, phụ huynh và nhà quản lý; được tổng hợp, phân tích định kỳ. Từ đó, Nhà trường, Khoa, Bộ môn, giảng viên kịp thời có những giải pháp, điều chỉnh, cải tiến về các hoạt động dạy học, đảm bảo định hướng và đạt được mục tiêu dạy học.

Khoa đã xây dựng và áp dụng nhiều phương pháp đánh giá khác nhau. Tùy thuộc



vào chiến lược, phương pháp dạy - học và yêu cầu đáp ứng chuẩn đầu ra của từng học phần để lựa chọn các phương pháp, nội dung đánh giá phù hợp, đảm bảo cung cấp đầy đủ thông tin để đánh giá mức độ tiến bộ của người học cũng như mức độ hiệu quả đạt được của tiến trình dạy học.

Các phương pháp đánh giá được sử dụng trong chương trình đào tạo ngành được chia thành 02 loại chính là đánh giá theo tiến trình (On-going/Formative Assessment) và đánh giá tổng kết/định kỳ (cuối kỳ, giữa kỳ) (Summative Assessment). Các hình thức, nội dung đánh giá được quy định cụ thể trong các quy chế đào tạo hiện hành của nhà trường và quy định cụ thể trong đề cương giảng dạy của từng học phần.

### **1.9.1. Đánh giá theo tiến trình (On-going/Formative Assessment)**

- **Đánh giá chuyên cần (Attendance Check):**

Ngoài thời gian tự học, sự tham gia thường xuyên, đầy đủ các buổi học trên giảng đường, phòng thực hành... trong học phần cũng phản ánh thái độ học tập của người học; sự tham gia đầy đủ các giờ học theo quy định giúp cho người học tiếp cận kiến thức, rèn luyện kỹ xảo một cách hệ thống, liên tục và hình thành thái độ tốt và đúng đắn, chấp hành tốt nội quy, nề nếp tại cơ quan sau khi tốt nghiệp. Việc đánh giá chuyên cần được thực hiện theo các rubric tùy thuộc vào tính chất của học phần quy định.

- **Đánh giá bài tập (Work Assignment):**

Người học được yêu cầu thực hiện một số nội dung liên quan đến bài học trong giờ học hoặc ngoài giờ học trên lớp. Các bài tập này có thể thực hiện bởi một cá nhân hoặc một nhóm người học được đánh giá theo các tiêu chí cụ thể.

- **Đánh giá thuyết trình (Oral Presentation):**

Trong một số học phần, người học được yêu cầu làm việc theo nhóm để giải quyết một vấn đề, tình huống hay nội dung liên quan đến bài học và trình bày kết quả của nhóm trước các nhóm khác. Hoạt động này không những giúp người học đạt được kiến thức chuyên ngành mà còn phát triển các kỹ năng như: kỹ năng giao tiếp, thương lượng, làm việc nhóm.

### **1.9.2. Đánh giá tổng kết, định kỳ (cuối kỳ, giữa kỳ) (Summative Assessment)**

Mục tiêu của loại đánh giá này là đưa ra những kết luận, phân hạng về mức độ đạt được mục tiêu và chất lượng đầu ra, sự tiến bộ của người học tại thời điểm nhất định trong quá trình dạy- học gồm đánh giá cuối chương trình học, đánh giá giữa học kỳ, đánh giá cuối học kỳ.

Các phương pháp đánh giá được sử dụng loại đánh giá này gồm: kiểm tra viết (written exam), kiểm tra trắc nghiệm (multiple choice exam), bảo vệ và thi vấn đáp (oral exam), viết báo cáo (written report), thuyết trình (oral presentation), đánh giá làm việc nhóm (teamwork assessment), thực hành (practice), báo cáo thực tập, khóa luận/chuyên đề tốt nghiệp (graduation report/Thesis).

- **Kiểm tra viết** (Written Exam):

Theo phương pháp đánh giá này, người học được yêu cầu trả lời một số câu hỏi, bài tập hay ý kiến cá nhân về những vấn đề liên quan đến yêu cầu chuẩn đầu ra về kiến thức của học phần và được đánh giá dựa trên đáp án được thiết kế sẵn. Thang điểm đánh giá được sử dụng trong phương pháp này là thang điểm 10. Số lượng câu hỏi trong bài đánh giá được thiết kế tùy thuộc vào yêu cầu nội dung kiến thức của học phần.

- **Kiểm tra trắc nghiệm** (Multiple choice Exam):

Phương pháp này tương tự như phương pháp kiểm tra viết, người học được yêu cầu trả lời các câu hỏi liên quan dựa trên đáp án đã được thiết kế. Điểm khác là trong phương pháp đánh giá này người học trả lời các câu hỏi yêu cầu dựa trên các gợi ý trả lời cũng như được thiết kế trong đề thi.

- **Bảo vệ và thi vấn đáp** (Oral Exam):

Trong phương pháp đánh giá này, người học được đánh giá thông qua phỏng vấn, hỏi đáp trực tiếp.

- **Viết báo cáo** (Written Report):

Người học được đánh giá thông qua sản phẩm báo cáo của sinh viên, bao gồm cả nội dung trình bày trong báo cáo, cách thức trình bày thuyết minh, bản vẽ hình ảnh, biểu đồ,... trong báo cáo.

- **Thuyết trình** (Oral Presentation):

Phương pháp này hoàn toàn giống với phương pháp đánh giá thuyết trình trong loại đánh giá theo tiến trình theo rubric 4, Đánh giá được thực hiện theo định kỳ (giữa kỳ, cuối kỳ, hay cuối khóa).

- **Đánh giá làm việc nhóm** (Teamwork Assessment):

Đánh giá làm việc nhóm được áp dụng khi triển khai hoạt động dạy học theo nhóm và được dùng để đánh giá kỹ năng làm việc nhóm của người học (như: tổ chức, quản lý, xây dựng nhóm làm việc hiệu quả; hoạt động nhóm; phát triển nhóm; lãnh đạo nhóm).

- **Thực hành** (Practice):

Trong một số học phần, người học được yêu cầu thực hành phát triển các kỹ năng thực hành nghề nghiệp.

- **Báo cáo thực tập, khóa luận tốt nghiệp** (Graduation report, Thesis):

Báo cáo thực tập tốt nghiệp, chuyên đề hay khóa luận tốt nghiệp được đánh giá bởi giảng viên hướng dẫn, hội đồng đánh giá khóa luận tốt nghiệp bằng cách sử dụng các phiếu đánh giá phù hợp với ngành đào tạo.

**Bảng 1.7. Mối liên hệ giữa phương pháp đánh giá nhằm đạt chuẩn đầu ra**

Phương pháp đánh giá (Assessment)		PLOs																
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
<b>I</b>	<b>Đánh giá theo tiến trình (Ongoing, Formative Assessment)</b>																	
AMI	Đánh giá chuyên cần (Attendance Check)	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
AM2	Đánh giá bài tập (Work Assignment)	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
AM3	Đánh giá thuyết trình (Oral Presentation)	x	x		x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x	x
<b>11</b>	<b>Đánh giá tổng kết, định kỳ (Sum mative Assessment)</b>																	
AM4	Kiểm tra viết (Written Exam)	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
AM5	Kiểm tra trắc nghiệm (Multiple Choice Exam)	x	x		x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
AM6	Bảo vệ và thi vấn đáp (Oral Exam)	x	x		x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x	x	x
AM7	Viết báo cáo (Written Report)					x	x	x	x			x	x	x		x	x	x
AM8	Đánh giá làm việc nhóm (Teamwork Assessment)	x	x		x	x	x		x	x	x		x	x		x	x	x
AM9	Thực hành (Practice)	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
AM10	Báo cáo thực tập, khóa luận tốt nghiệp (Graduation Report. Thesis)	x	x		x	x	x	x	x			x	x	x	x	x	x	x

**1.10. Mô tả sự liên hệ giữa chuẩn đầu ra (PLOs), học phần, phương pháp dạy và học (TLMs) và phương pháp đánh giá (AMs)**

**Bảng 1.8. Mối liên hệ giữa chuẩn đầu ra (PLOs), học phần, phương pháp dạy và học (TLMs) và phương pháp đánh giá (AMs)**

Chuẩn đầu ra (PLOs)	Tên học phần		Phương pháp dạy và học (TLMs) được sử dụng	Phương pháp đánh giá (AMs) được sử dụng
<b>PLO1.</b> Người học vận dụng được các kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, khoa học chính trị và các kiến thức pháp luật Việt Nam vào giải quyết các vấn đề kinh tế - xã hội trong thực tiễn	KTCT0722H	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM5
	THML0723H	Triết học Mác - Lênin	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM5
	TTCM0722H	Tư tưởng Hồ Chí Minh	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM5, AM8
	LSUD0722H	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM5, AM8
	CNXH0722H	Chủ nghĩa xã hội khoa học	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM5
	PLĐC1022H	Pháp luật đại cương	TLM2, TLM7, TLM9, TLM10	AM1, AM4, AM5
	LOGI0722L	Logic học	TLM1, TLM2, TLM4, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM5
	NCKH0722L	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	TLM2, TLM4, TLM7, TLM10, TLM12, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM5
	ĐLQP1423L	Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng cộng sản Việt Nam	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7	AM1, AM5
	CTQP1422L	Công tác quốc phòng an ninh	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7	AM1, AM5
QSUC1421L	Quân sự chung	TLM1, TLM2, TLM6, TLM7, TLM8, TLM10	AM1, AM5	

Chuẩn đầu ra (PLOs)	Tên học phần		Phương pháp dạy và học (TLMs) được sử dụng	Phương pháp đánh giá (AMs) được sử dụng
	TDĐK1421T	Thẻ đục - Điền kinh	TLM1, TLM4, TLM7, TLM8, TLM9, TLM10, TLM15	AM9
	BOC11421T	Bóng chuyền 1	TLM1, TLM2, TLM4, TLM5, TLM7, TLM8, TLM9, TLM10, TLM15	AM9
	BOC21421T	Bóng chuyền 2	TLM1, TLM2, TLM4, TLM5, TLM7, TLM8, TLM9, TLM10, TLM15	AM9
	BOR11421T	Bóng rổ 1	TLM1, TLM2, TLM4, TLM5, TLM7, TLM8, TLM9, TLM10, TLM15	AM9
	BOR21421T	Bóng rổ 2	TLM1, TLM2, TLM4, TLM5, TLM7, TLM8, TLM9, TLM10, TLM15	AM9
	CAL11421T	Cầu lông 1	TLM1, TLM2, TLM4, TLM5, TLM7, TLM8, TLM9, TLM10, TLM15	AM9
	CAL21421T	Cầu lông 2	TLM1, TLM2, TLM4, TLM5, TLM7, TLM8, TLM9, TLM10, TLM15	AM9
	COV11421L	Cờ vua 1	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM9, TLM10, TLM15	AM6, AM9
	COV21421L	Cờ vua 2	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM9, TLM10, TLM15	AM6, AM9
	COV31421L	Cờ vua 3	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM9, TLM10, TLM15	AM6, AM9
<b>PLO2.</b> Người học vận dụng được các kiến	XSTK1123L	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM8, AM5
	PLĐC1022H	Pháp luật đại cương	TLM2, TLM7, TLM9, TLM11	AM1, AM4, AM5

Chuẩn đầu ra (PLOs)	Tên học phần		Phương pháp dạy và học (TLMs) được sử dụng	Phương pháp đánh giá (AMs) được sử dụng
thức cơ bản về toán học, phương pháp nghiên cứu, khoa học tự nhiên để phân tích và giải quyết các vấn đề phát sinh trong thực tiễn công việc và cuộc sống.	TCB11222H	Tin học cơ bản 1	TLM1,TLM2,TLM4,TLM7,TLM8,TLM15	AM1,AM2,AM9
	TCB21222H	Tin học cơ bản 2	TLM1,TLM2,TLM4,TLM7,TLM8,TLM15	AM1,AM2,AM9
	TKXH1322H	Thống kê xã hội	TLM1,TLM2,TLM4,TLM8,TLM15	AM1,AM2,AM5, AM4
	PPNC0322H	Phương pháp nghiên cứu trong tâm lý học	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8, AM5
	Logic học	TLM1,TLM2,TLM4,TLM15	AM1,AM2,AM4, AM5	LOGI0722L
	STVB1022H	Soạn thảo văn bản	TLM1,TLM2,TLM4,TLM7,TLM10,TLM15	AM1,AM2,AM4, AM5
<b>PLO3.</b> Người học vận dụng được các kiến thức nền tảng về xã hội học, tâm lý học và khoa học xã hội vào phân tích và giải thích những hiện tượng xã hội	TLĐC0322L	Tâm lý học đại cương	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8, AM5
	XHĐC0322L	Xã hội học đại cương	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8, AM5
	LSTG0322L	Lịch sử văn minh thế giới	TLM1,TLM2, TLM4,TLM7,TLM15	AM1,AM2,AM3,AM8, AM4, AM5
	ĐCVH0322L	Đại cương văn hoá Việt Nam	TLM2, TLM4, TLM15, TLM9	AM1, AM2, AM3, AM4, AM5
	KNSO0322H	Kỹ năng sống	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15, TLM5	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8, AM5
	KNGT0322H	Kỹ năng giao tiếp	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8, AM5

<b>Chuẩn đầu ra (PLOs)</b>	<b>Tên học phần</b>		<b>Phương pháp dạy và học (TLMs) được sử dụng</b>	<b>Phương pháp đánh giá (AMs) được sử dụng</b>
	PPNC0322H	Phương pháp nghiên cứu trong tâm lý học	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8, AM5
	XHCB0323H	Xã hội học chuyên biệt	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM3, AM4, AM8, AM5
	MHĐC0322H	Mĩ học đại cương	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM8, AM5, AM4
	TLXH0322L	Tâm lý học xã hội	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM8, AM4
	SKCĐ0322H	Chăm sóc sức khỏe cộng đồng	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8, AM5
	NCHO0322L	Nhân chủng học	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8, AM5
	GVPT0322H	Giới và phát triển	TLM2, TLM4, TLM7, TLM15, TLM9	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8, AM5
	GĐHO0322L	Gia đình học	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM3, AM4, , AM8, AM5
	THTV0322T	Tham vấn và thực hành tham vấn	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15, TLM3, TLM5, TLM6, TLM8	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8, AM5, AM9
	CTMT0323L	Công tác xã hội với người nghiện ma túy	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8, AM5
	CNKT0323H	Công tác xã hội với người khuyết tật	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM8, AM4, AM5

Chuẩn đầu ra (PLOs)	Tên học phần		Phương pháp dạy và học (TLMs) được sử dụng	Phương pháp đánh giá (AMs) được sử dụng
	CHIV0323H	Công tác xã hội với người nhiễm và ảnh hưởng bởi HIV/AIDS	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM9, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM8, AM4, AM5
	NMCT0322H	Nhập môn Công tác xã hội	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM9, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM8, AM4, AM5
<b>PLO4.</b> Người học có thể phân tích và vận dụng được các kiến thức về xã hội học, công tác xã hội để hình thành kiến thức cơ sở và phát triển các lĩnh vực liên quan tới Tâm lý học	TLĐC0322L	Tâm lý học đại cương	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8, AM5
	XHĐC0322L	Xã hội học đại cương	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8, AM5
	LSTG0322L	Lịch sử văn minh thế giới	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM8, AM4, AM5
	ĐCVH0322L	Đại cương văn hoá Việt Nam	TLM2, TLM4, TLM15, TLM9	AM1, AM2, AM3, AM4, AM6
	KNSO0322H	Kĩ năng sống	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15, TLM5	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8, AM6
	KNGT0322H	Kĩ năng giao tiếp	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8, AM5
	PPNC0322H	Phương pháp nghiên cứu trong tâm lý học	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8, AM5
	XHCB0323H	Xã hội học chuyên biệt	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM3, AM4, AM8, AM5
	MHĐC0322H	Mĩ học đại cương	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM8, AM5, AM4
TLXH0322L	Tâm lý học xã hội	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM8, AM4	



Chuẩn đầu ra (PLOs)	Tên học phần		Phương pháp dạy và học (TLMs) được sử dụng	Phương pháp đánh giá (AMs) được sử dụng
	SKCĐ0322H	Chăm sóc sức khỏe cộng đồng	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8, AM5
	NCHO0322L	Nhân chủng học	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8, AM5
	GVPT0322H	Giới và phát triển	TLM2, TLM4, TLM7, TLM15, TLM9	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8, AM5
	GDHO0322L	Gia đình học	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM3, AM4, , AM8, AM5
	THTV0322T	Tham vấn và thực hành tham vấn	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15, TLM3, TLM5, TLM6, TLM8	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8, AM5, AM9
	CTMT0323L	Công tác xã hội với người nghiện ma túy	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8, AM5
	TVTT0323H	Tham vấn trong chăm sóc sức khỏe tâm thần	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15, TLM3, TLM5, TLM6	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8, AM5
	CNKT0323H	Công tác xã hội với người khuyết tật	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM8, AM4, AM5
	CHIV0323H	Công tác xã hội với người nhiễm và ảnh hưởng bởi HIV/AIDS	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM9, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM8, AM4, AM5
	NMCT0322H	Nhập môn Công tác xã hội	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM9, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM8, AM4, AM5
<b>PLO5.</b> Người học có	LSTL0323H	Lịch sử tâm lý học	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8, AM5

Chuẩn đầu ra (PLOs)	Tên học phần		Phương pháp dạy và học (TLMs) được sử dụng	Phương pháp đánh giá (AMs) được sử dụng
thể tổ chức giám sát và đánh giá, vận dụng các kiến thức chuyên sâu về lĩnh vực Tâm lý học để có thể làm việc nhóm hoặc phối hợp cùng thực hiện các hoạt động nghề nghiệp trong can thiệp, trị liệu	SLTK0323H	Sinh lý thần kinh	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8, AM5
	TLPT0323H	Tâm lý học phát triển	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8, AM5
	HVCN0323H	Hành vi con người và môi trường xã hội	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8, AM5
	TBĐC0323H	Tâm bệnh học đại cương	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8, AM5
	TLDT0323H	Tâm lý học dân tộc	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8, AM5
	TLLS0323H	Tâm lý học lâm sàng	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8, AM5
	TLLĐ0322H	Tâm lý học lao động	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8, AM5
	TLNN0322H	Tâm lý học nhóm nhỏ	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8, AM5
	THTV0322T	Tham vấn và thực hành tham vấn	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15, TLM3, TLM5, TLM6, TLM8	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8, AM5, AM9
	TVTE0323H	Tham vấn cho trẻ em bị xâm hại	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15, TLM3, TLM5, TLM6	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8, AM5,
TVPN0323H	Tham vấn cho phụ nữ bị bạo lực gia đình	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15, TLM3, TLM5, TLM6, TLM7	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8, AM5,	

Chuẩn đầu ra (PLOs)	Tên học phần		Phương pháp dạy và học (TLMs) được sử dụng	Phương pháp đánh giá (AMs) được sử dụng
<b>PLO6.</b> Người học có thể thiết kế, quản lý được hồ sơ can thiệp, ứng dụng các kiến thức chuyên ngành của Tâm lý học và các phương pháp can thiệp đặc thù khi cung cấp dịch vụ tâm lý nhằm đáp ứng nhu cầu và đảm bảo an sinh xã hội cho cá nhân, nhóm, cộng đồng cần sự hỗ trợ	THTV0322T	Tham vấn và thực hành tham vấn	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15, TLM3, TLM5, TLM6, TLM8	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8, AM5, AM9
	THLD0323T	Thực hành tâm lý học lao động	TLM1, TLM6, TLM15	AM2, AM5, AM9
	TLNN0323T	Thực hành tâm lý học nhóm nhỏ	TLM1, TLM6, TLM15	AM2, AM5, AM9
	THXH0323T	Thực hành tâm lý học xã hội	TLM1, TLM6, TLM15	AM2, AM5, AM9
	TLPN0323H	Tâm lý học phụ nữ	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8, AM5
	TLCT0323H	Tâm lý học người cao tuổi	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8, AM5
	CTMT0323L	Công tác xã hội với người nghiện ma túy	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8, AM5
	TLQL0323H	Tâm lý học quản lý	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8, AM5
	TBTE0323H	Tâm bệnh học trẻ em và thanh thiếu niên	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8, AM5
	CNKT0323H	Công tác xã hội với người khuyết tật	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM8, AM4, AM5
CHIV0323H	Công tác xã hội với người nhiễm và ảnh hưởng bởi HIV/AIDS	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM9, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM8, AM4, AM5	

Chuẩn đầu ra (PLOs)	Tên học phần		Phương pháp dạy và học (TLMs) được sử dụng	Phương pháp đánh giá (AMs) được sử dụng
	TTTL0324T	Thực tập cuối khoá	TLM1, TLM2,TLM6, TLM7,TLM11,TLM14, TLM15	AM1, AM10
	TLGD0323H	Tâm lý học gia đình	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15, TLM3, TLM7	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8, AM5
	TLHD0323H	Tâm lý học học đường	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15, TLM7	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8, AM5
	TVTE0323H	Tham vấn cho trẻ em bị xâm hại	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15, TLM3, TLM5, TLM6	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8, AM5,
	TVPN0323H	Tham vấn cho phụ nữ bị bạo lực gia đình	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15, TLM3, TLM5, TLM6, TLM7	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8, AM5,
	KLTN0326T	Khoá luận tốt nghiệp	TLM1, TLM15, TLM6, TLM11	AM10
	NMCT0322H	Nhập môn Công tác xã hội	TLM1, TLM2,TLM4 TLM7,TLM9,TLM15	AM1,AM2,AM3,AM8,AM4,AM5
<b>PLO7.</b> Người học có thể thực hiện đầy đủ các kỹ năng về tư duy độc lập, tư duy hệ thống và tư duy phản biện, linh hoạt trong việc triển khai các hoạt động nghề nghiệp	TLĐC0322L	Tâm lý học đại cương	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8, AM5
	XHĐC0322L	Xã hội học đại cương	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8, AM5
	LSTG0322L	Lịch sử văn minh thế giới	TLM1,TLM2, TLM4,TLM7,TLM15	AM1,AM2,AM3,AM8, AM4, AM5
	ĐCVH0322L	Đại cương văn hoá Việt Nam	TLM2, TLM4, TLM15, TLM9	AM1, AM2, AM3, AM4, AM5
	KNSO0322H	Kĩ năng sống	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15, TLM5	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8, AM5

<b>Chuẩn đầu ra (PLOs)</b>	<b>Tên học phần</b>		<b>Phương pháp dạy và học (TLMs) được sử dụng</b>	<b>Phương pháp đánh giá (AMs) được sử dụng</b>
trong lĩnh vực tâm lý nói chung	KNGT0322H	Kỹ năng giao tiếp	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8, AM5
	PPNC0322H	Phương pháp nghiên cứu trong tâm lý học	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8, AM5
	XHCB0323H	Xã hội học chuyên biệt	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM3, AM4, AM8, AM5
	MHĐC0322H	Mĩ học đại cương	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM8, AM5, AM4
	TLXH0322L	Tâm lý học xã hội	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM8, AM4
	SKCĐ0322H	Chăm sóc sức khỏe cộng đồng	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8, AM5
	NCHO0322L	Nhân chủng học	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8, AM5
	GVPT0322H	Giới và phát triển	TLM2, TLM4, TLM7, TLM15, TLM9	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8, AM5
	GĐHO0322L	Gia đình học	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM3, AM4, , AM8, AM5
	LSTL0323H	Lịch sử tâm lý học	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8, AM5
	SLTK0323H	Sinh lý thần kinh	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8, AM5
TLPT0323H	Tâm lý học phát triển	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8, AM5	

Chuẩn đầu ra (PLOs)	Tên học phần		Phương pháp dạy và học (TLMs) được sử dụng	Phương pháp đánh giá (AMs) được sử dụng
	HVCN0323H	Hành vi con người và môi trường xã hội	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8, AM5
	TBĐC0323H	Tâm bệnh học đại cương	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8, AM5
	TLDT0323H	Tâm lý học dân tộc	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8, AM5
	TLLS0323H	Tâm lý học lâm sàng	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8, AM5
	THTV0322T	Tham vấn và thực hành tham vấn	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15, TLM3, TLM5, TLM6, TLM8	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8, AM5, AM9
	THLD0323T	Thực hành tâm lý học lao động	TLM1, TLM6, TLM15	AM2, AM5, AM9
	TLNN0323T	Thực hành tâm lý học nhóm nhỏ	TLM1, TLM6, TLM15	AM2, AM5, AM9
	THXH0323T	Thực hành tâm lý học xã hội	TLM1, TLM6, TLM15	AM2, AM5, AM9
	CTMT0323L	Công tác xã hội với người nghiện ma túy	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8, AM5
	CNKT0323H	Công tác xã hội với người khuyết tật	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM8, AM4, AM5
	CHIV0323H	Công tác xã hội với người nhiễm và ảnh hưởng bởi HIV/AIDS	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM9, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM8, AM4, AM5

Chuẩn đầu ra (PLOs)	Tên học phần		Phương pháp dạy và học (TLMs) được sử dụng	Phương pháp đánh giá (AMs) được sử dụng
	TTTL0324T	Thực tập cuối khoá	TLM1, TLM2,TLM6, TLM7,TLM11,TLM14, TLM15	AM1, AM10
	TLHD0323H	Tâm lý học học đường	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15, TLM7	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8, AM5
	TVPN0323H	Tham vấn cho phụ nữ bị bạo lực gia đình	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15, TLM3, TLM5, TLM6, TLM7	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8, AM5,
	KLTN0326T	Khoá luận tốt nghiệp	TLM1, TLM15, TLM6, TLM11	AM10
	XSTK1123L	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	TLM1,TLM2,TLM4,TLM7,TLM8,T LM10,TLM15	AM1,AM2,AM4,,AM8, AM5
	THML0723H	Triết học Mác - Lênin	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, T LM10, TLM15	AM1,AM2,AM4,AM5
	KTCT0722H	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, T LM10, TLM15	AM1,AM2,AM4,AM5
	TTCM0722H	Tư tưởng Hồ Chí Minh	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, T LM10, TLM15	AM1,AM2,AM3,AM5, AM8
	LSUD0722H	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, T LM10, TLM15	AM1,AM2,AM3,AM4,AM5, AM8
	CNXH0722H	Chủ nghĩa xã hội khoa học	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, T LM10, TLM15	AM1,AM2,AM4,AM5
	PLĐC1022H	Pháp luật đại cương	TLM2, TLM7, TLM9, TLM12	AM1,AM4,AM5
	TCB21222H	Tin học cơ bản 2	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, T LM15	AM1,AM2,AM9
	TKXH1322H	Thống kê xã hội	TLM1, TLM2, TLM4, TLM8, TLM15	AM1,AM2,AM5, AM4

Chuẩn đầu ra (PLOs)	Tên học phần		Phương pháp dạy và học (TLMs) được sử dụng	Phương pháp đánh giá (AMs) được sử dụng
	PLXH1022H	Pháp luật về các vấn đề xã hội	TLM2,TLM7,TLM9,TLM11	AM1,AM4,AM5
	NMCT0322H	Nhập môn Công tác xã hội	TLM1, TLM2,TLM4 TLM7,TLM9,TLM15	AM1,AM2,AM3,AM8,AM4,AM5
	STVB1022H	Soạn thảo văn bản	TLM1,TLM2,TLM4,TLM7,TLM10,TLM15	AM1,AM2,AM4, AM5
	LOGI0722L	Logic học	TLM1,TLM2,TLM4,TLM15	AM1,AM2,AM4, AM5
	NCKH0722L	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	TLM2,TLM4,TLM7,TLM10,TLM12,TLM15	AM1,AM2,AM4,AM5
<b>PLO8.</b> Người học có thể thực hành được kỹ năng sống, kỹ năng mềm trong các hoạt động giáo dục xã hội, truyền thông cũng như ứng xử giao tiếp ở các bối cảnh khác nhau	TLĐC0322L	Tâm lý học đại cương	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8, AM5
	XHĐC0322L	Xã hội học đại cương	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8, AM5
	LSTG0322L	Lịch sử văn minh thế giới	TLM1,TLM2, TLM4,TLM7,TLM15	AM1,AM2,AM3,AM8, AM4, AM5
	ĐCVH0322L	Đại cương văn hoá Việt Nam	TLM2, TLM4, TLM15, TLM9	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8
	KNSO0322H	Kỹ năng sống	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15, TLM5	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8, AM8
	KNGT0322H	Kỹ năng giao tiếp	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8, AM5
	PPNC0322H	Phương pháp nghiên cứu trong tâm lý học	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8, AM5
	XHCB0323H	Xã hội học chuyên biệt	TLM1,TLM2,TLM4, TLM7,TLM15	AM1, AM3, AM4, AM8, AM5



Chuẩn đầu ra (PLOs)	Tên học phần		Phương pháp dạy và học (TLMs) được sử dụng	Phương pháp đánh giá (AMs) được sử dụng
	MHĐC0322H	Mĩ học đại cương	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM8, AM5, AM4
	TLXH0322L	Tâm lý học xã hội	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM8, AM4
	SKCĐ0322H	Chăm sóc sức khỏe cộng đồng	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8, AM5
	NCHO0322L	Nhân chủng học	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8, AM5
	GVPT0322H	Giới và phát triển	TLM2, TLM4, TLM7, TLM15, TLM9	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8, AM5
	GĐHO0322L	Gia đình học	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM3, AM4, , AM8, AM5
	LSTL0323H	Lịch sử tâm lý học	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8, AM5
	SLTK0323H	Sinh lý thần kinh	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8, AM5
	TLPT0323H	Tâm lý học phát triển	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8, AM5
	HVCN0323H	Hành vi con người và môi trường xã hội	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8, AM5
	TBĐC0323H	Tâm bệnh học đại cương	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8, AM5
	TLDT0323H	Tâm lý học dân tộc	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8, AM5

<b>Chuẩn đầu ra (PLOs)</b>	<b>Tên học phần</b>		<b>Phương pháp dạy và học (TLMs) được sử dụng</b>	<b>Phương pháp đánh giá (AMs) được sử dụng</b>
	TLNN0322H	Tâm lý học nhóm nhỏ	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8, AM5
	THTV0322T	Tham vấn và thực hành tham vấn	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15, TLM3, TLM5, TLM6, TLM8	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8, AM5, AM9
	THLD0323T	Thực hành tâm lý học lao động	TLM1, TLM6, TLM15	AM2, AM5, AM9
	TLNN0323T	Thực hành tâm lý học nhóm nhỏ	TLM1, TLM6, TLM15	AM2, AM5, AM9
	THXH0323T	Thực hành tâm lý học xã hội	TLM1, TLM6, TLM15	AM2, AM5, AM9
	TLPN0323H	Tâm lý học phụ nữ	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8, AM5
	TLCT0323H	Tâm lý học người cao tuổi	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8, AM5
	CTMT0323L	Công tác xã hội với người nghiện ma túy	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8, AM5
	TLQL0323H	Tâm lý học quản lý	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8, AM5
	CNKT0323H	Công tác xã hội với người khuyết tật	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM8, AM4, AM5
	CHIV0323H	Công tác xã hội với người nhiễm và ảnh hưởng bởi HIV/AIDS	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM9, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM8, AM4, AM5

Chuẩn đầu ra (PLOs)	Tên học phần		Phương pháp dạy và học (TLMs) được sử dụng	Phương pháp đánh giá (AMs) được sử dụng
	TTTL0324T	Thực tập cuối khoá	TLM1, TLM2, TLM6, TLM7, TLM11, TLM14, TLM15	AM1, AM10
	TLGD0323H	Tâm lý học gia đình	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15, TLM3, TLM7	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8, AM5
	TLHD0323H	Tâm lý học học đường	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15, TLM7	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8, AM5
	TVPN0323H	Tham vấn cho phụ nữ bị bạo lực gia đình	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15, TLM3, TLM5, TLM6, TLM7	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8, AM5,
	KLTN0326T	Khoá luận tốt nghiệp	TLM1, TLM15, TLM6, TLM11	AM10
	NMCT0322H	Nhập môn Công tác xã hội	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM9, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM8, AM4, AM5
<b>PLO9.</b> Người học có thể thực hiện thuần thục các kỹ năng chuyên sâu trong lĩnh vực Tâm lý học	TLĐC0322L	Tâm lý học đại cương	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8, AM5
	KNSO0322H	Kỹ năng sống	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15, TLM5	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8, AM9
	KNGT0322H	Kỹ năng giao tiếp	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8, AM5
	PPNC0322H	Phương pháp nghiên cứu trong tâm lý học	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8, AM5
	TLXH0322L	Tâm lý học xã hội	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM8, AM4
	LSTL0323H	Lịch sử tâm lý học	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8, AM5

Chuẩn đầu ra (PLOs)	Tên học phần		Phương pháp dạy và học (TLMs) được sử dụng	Phương pháp đánh giá (AMs) được sử dụng
	SLTK0323H	Sinh lý thần kinh	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8, AM5
	TLPT0323H	Tâm lý học phát triển	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8, AM5
	HVCN0323H	Hành vi con người và môi trường xã hội	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8, AM5
	TBĐC0323H	Tâm bệnh học đại cương	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8, AM5
	TLDT0323H	Tâm lý học dân tộc	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8, AM5
	TLLS0323H	Tâm lý học lâm sàng	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8, AM5
	TLLĐ0322H	Tâm lý học lao động	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8, AM5
	TLNN0322H	Tâm lý học nhóm nhỏ	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8, AM5
	THLĐ0323T	Thực hành tâm lý học lao động	TLM1, TLM6, TLM15	AM2, AM5, AM9
	TLNN0323T	Thực hành tâm lý học nhóm nhỏ	TLM1, TLM6, TLM15	AM2, AM5, AM9
	THXH0323T	Thực hành tâm lý học xã hội	TLM1, TLM6, TLM15	AM2, AM5, AM9
	TLPN0323H	Tâm lý học phụ nữ	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8, AM5

Chuẩn đầu ra (PLOs)	Tên học phần		Phương pháp dạy và học (TLMs) được sử dụng	Phương pháp đánh giá (AMs) được sử dụng
	TLCT0323H	Tâm lý học người cao tuổi	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8, AM5
	TLQL0323H	Tâm lý học quản lý	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8, AM5
	TVTT0323H	Tham vấn trong chăm sóc sức khoẻ tâm thần	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15, TLM3, TLM5, TLM6	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8, AM5
	TBTE0323H	Tâm bệnh học trẻ em và thanh thiếu niên	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8, AM5
	TTTL0324T	Thực tập cuối khoá	TLM1, TLM2, TLM6, TLM7, TLM11, TLM14, TLM15	AM1, AM10
	TLGD0323H	Tâm lý học gia đình	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15, TLM3, TLM7	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8, AM5
	TLHD0323H	Tâm lý học học đường	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15, TLM7	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8, AM5
	TVTE0323H	Tham vấn cho trẻ em bị xâm hại	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15, TLM3, TLM5, TLM6	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8, AM5,
	TVPN0323H	Tham vấn cho phụ nữ bị bạo lực gia đình	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15, TLM3, TLM5, TLM6, TLM7	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8, AM5,
	KLTN0326T	Khoá luận tốt nghiệp	TLM1, TLM15, TLM6, TLM11	AM10
<b>PLO10.</b> Người học có thể ứng biến một cách thuần thục khi thực	TLĐC0322L	Tâm lý học đại cương	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8, AM5
	KNSO0322H	Kỹ năng sống	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15, TLM5	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8, AM10

<b>Chuẩn đầu ra (PLOs)</b>	<b>Tên học phần</b>		<b>Phương pháp dạy và học (TLMs) được sử dụng</b>	<b>Phương pháp đánh giá (AMs) được sử dụng</b>
hiện các kỹ năng thúc đẩy sự tương tác trong giao tiếp, khích lệ và xử lý mâu thuẫn khi hỗ trợ và làm việc với cá nhân, gia đình và nhóm xã hội có nhu cầu	KNGT0322H	Kỹ năng giao tiếp	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8, AM5
	TLXH0322L	Tâm lý học xã hội	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM8, AM4
	TLLĐ0322H	Tâm lý học lao động	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8, AM5
	TLNN0322H	Tâm lý học nhóm nhỏ	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8, AM5
	THLĐ0323T	Thực hành tâm lý học lao động	TLM1, TLM6, TLM15	AM2, AM5, AM9
	TLNN0323T	Thực hành tâm lý học nhóm nhỏ	TLM1, TLM6, TLM15	AM2, AM5, AM9
	THXH0323T	Thực hành tâm lý học xã hội	TLM1, TLM6, TLM15	AM2, AM5, AM9
	TLCT0323H	Tâm lý học người cao tuổi	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8, AM5
	TLQL0323H	Tâm lý học quản lý	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8, AM5
	TVTT0323H	Tham vấn trong chăm sóc sức khỏe tâm thần	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15, TLM3, TLM5, TLM6	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8, AM5
	TBTE0323H	Tâm bệnh học trẻ em và thanh thiếu niên	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8, AM5
TTTL0324T	Thực tập cuối khoá	TLM1, TLM2, TLM6, TLM7, TLM11, TLM14, TLM15	AM1, AM10	

Chuẩn đầu ra (PLOs)	Tên học phần		Phương pháp dạy và học (TLMs) được sử dụng	Phương pháp đánh giá (AMs) được sử dụng
	TLGD0323H	Tâm lý học gia đình	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15, TLM3, TLM7	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8, AM5
	TLHD0323H	Tâm lý học học đường	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15, TLM7	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8, AM5
	TVTE0323H	Tham vấn cho trẻ em bị xâm hại	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15, TLM3, TLM5, TLM6	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8, AM5,
	TVPN0323H	Tham vấn cho phụ nữ bị bạo lực gia đình	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15, TLM3, TLM5, TLM6, TLM7	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8, AM5,
	KLTN0326T	Khoá luận tốt nghiệp	TLM1, TLM15, TLM6, TLM11	AM10
<b>PLO11.</b> Người học có thể thực hiện các kỹ năng ứng xử, giao tiếp, đánh giá chất lượng và làm việc một cách nhuần nhuyễn	TLĐC0322L	Tâm lý học đại cương	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8, AM5
	KNSO0322H	Kỹ năng sống	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15, TLM5	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8, AM11
	KNGT0322H	Kỹ năng giao tiếp	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8, AM5
	TLLS0323H	Tâm lý học lâm sàng	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8, AM5
	TLLĐ0322H	Tâm lý học lao động	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8, AM5
	THLĐ0323T	Thực hành tâm lý học lao động	TLM1, TLM6, TLM15	AM2, AM5, AM9
	TLNN0323T	Thực hành tâm lý học nhóm nhỏ	TLM1, TLM6, TLM15	AM2, AM5, AM9

Chuẩn đầu ra (PLOs)	Tên học phần		Phương pháp dạy và học (TLMs) được sử dụng	Phương pháp đánh giá (AMs) được sử dụng
	THXH0323T	Thực hành tâm lý học xã hội	TLM1, TLM6, TLM15	AM2, AM5, AM9
	TLPN0323H	Tâm lý học phụ nữ	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8, AM5
	TBTE0323H	Tâm bệnh học trẻ em và thanh thiếu niên	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8, AM5
	TTTL0324T	Thực tập cuối khoá	TLM1, TLM2, TLM6, TLM7, TLM11, TLM14, TLM15	AM1, AM10
	TLHD0323H	Tâm lý học học đường	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15, TLM7	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8, AM5
	KLTN0326T	Khoá luận tốt nghiệp	TLM1, TLM15, TLM6, TLM11	AM10
<b>PLO12.</b> Người học có kỹ năng thiết kế hồ sơ can thiệp, cung cấp dịch vụ tâm lý trong các cơ sở trợ giúp cũng như kỹ năng triển khai các nghiên cứu trong lĩnh vực Tâm lý học	TLĐC0322L	Tâm lý học đại cương	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8, AM5
	KNSO0322H	Kỹ năng sống	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15, TLM5	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8, AM12
	KNGT0322H	Kỹ năng giao tiếp	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8, AM5
	PPNC0322H	Phương pháp nghiên cứu trong tâm lý học	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8, AM5
	LSTL0323H	Lịch sử tâm lý học	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8, AM5
	SLTK0323H	Sinh lý thần kinh	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8, AM5



Chuẩn đầu ra (PLOs)	Tên học phần		Phương pháp dạy và học (TLMs) được sử dụng	Phương pháp đánh giá (AMs) được sử dụng
	TLPT0323H	Tâm lý học phát triển	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8, AM5
	HVCN0323H	Hành vi con người và môi trường xã hội	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8, AM5
	TBĐC0323H	Tâm bệnh học đại cương	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8, AM5
	TLLS0323H	Tâm lý học lâm sàng	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8, AM5
	TLLĐ0322H	Tâm lý học lao động	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8, AM5
	TLNN0322H	Tâm lý học nhóm nhỏ	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8, AM5
	THLĐ0323T	Thực hành tâm lý học lao động	TLM1, TLM6, TLM15	AM2, AM5, AM9
	TLNN0323T	Thực hành tâm lý học nhóm nhỏ	TLM1, TLM6, TLM15	AM2, AM5, AM9
	THXH0323T	Thực hành tâm lý học xã hội	TLM1, TLM6, TLM15	AM2, AM5, AM9
	TLPN0323H	Tâm lý học phụ nữ	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8, AM5
	TLCT0323H	Tâm lý học người cao tuổi	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8, AM5
	TLQL0323H	Tâm lý học quản lý	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8, AM5

Chuẩn đầu ra (PLOs)	Tên học phần		Phương pháp dạy và học (TLMs) được sử dụng	Phương pháp đánh giá (AMs) được sử dụng
	TBTE0323H	Tâm bệnh học trẻ em và thanh thiếu niên	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8, AM5
	TTTL0324T	Thực tập cuối khoá	TLM1, TLM2, TLM6, TLM7, TLM11, TLM14, TLM15	AM1, AM10
	TLGD0323H	Tâm lý học gia đình	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15, TLM3, TLM7	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8, AM5
	TLHD0323H	Tâm lý học học đường	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15, TLM7	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8, AM5
	KLTN0326T	Khoá luận tốt nghiệp	TLM1, TLM15, TLM6, TLM11	AM10
<b>PLO13.</b> Người học chứng minh được khả năng làm việc độc lập hoặc làm việc nhóm một cách hiệu quả, có tinh thần trách nhiệm với hoạt động nghề nghiệp và xã hội; Có sức khỏe tốt để làm việc, năng động và bản lĩnh, luôn sẵn sàng làm việc trong điều kiện môi trường công việc với áp lực cao	TLĐC0322L	Tâm lý học đại cương	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8, AM5
	XHĐC0322L	Xã hội học đại cương	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8, AM5
	LSTG0322L	Lịch sử văn minh thế giới	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM8, AM4, AM5
	ĐCVH0322L	Đại cương văn hoá Việt Nam	TLM2, TLM4, TLM15, TLM9	AM1, AM2, AM3, AM4, AM9
	KNSO0322H	Kỹ năng sống	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15, TLM5	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8, AM13
	KNGT0322H	Kỹ năng giao tiếp	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8, AM5
	PPNC0322H	Phương pháp nghiên cứu trong tâm lý học	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8, AM5
	XHCB0323H	Xã hội học chuyên biệt	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM3, AM4, AM8, AM5

Chuẩn đầu ra (PLOs)	Tên học phần		Phương pháp dạy và học (TLMs) được sử dụng	Phương pháp đánh giá (AMs) được sử dụng
cùng tinh thần đoàn kết, cầu tiến và ham học hỏi	MHĐC0322H	Mĩ học đại cương	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM8, AM5, AM4
	TLXH0322L	Tâm lý học xã hội	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM8, AM4
	SKCĐ0322H	Chăm sóc sức khoẻ cộng đồng	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8, AM5
	NCHO0322L	Nhân chủng học	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8, AM5
	GVPT0322H	Giới và phát triển	TLM2, TLM4, TLM7, TLM15, TLM9	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8, AM5
	GDHO0322L	Gia đình học	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM3, AM4, , AM8, AM5
	LSTL0323H	Lịch sử tâm lý học	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8, AM5
	SLTK0323H	Sinh lý thần kinh	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8, AM5
	TLPT0323H	Tâm lý học phát triển	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8, AM5
	HVCN0323H	Hành vi con người và môi trường xã hội	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8, AM5
	TBĐC0323H	Tâm bệnh học đại cương	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8, AM5
	TLDT0323H	Tâm lý học dân tộc	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8, AM5

Chuẩn đầu ra (PLOs)	Tên học phần		Phương pháp dạy và học (TLMs) được sử dụng	Phương pháp đánh giá (AMs) được sử dụng
	TLLS0323H	Tâm lý học lâm sàng	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8, AM5
	TLLĐ0322H	Tâm lý học lao động	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8, AM5
	TLNN0322H	Tâm lý học nhóm nhỏ	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8, AM5
	THTV0322T	Tham vấn và thực hành tham vấn	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15, TLM3, TLM5, TLM6, TLM8	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8, AM5, AM9
	THLĐ0323T	Thực hành tâm lý học lao động	TLM1, TLM6, TLM15	AM2, AM5, AM9
	TLNN0323T	Thực hành tâm lý học nhóm nhỏ	TLM1, TLM6, TLM15	AM2, AM5, AM9
	THXH0323T	Thực hành tâm lý học xã hội	TLM1, TLM6, TLM15	AM2, AM5, AM9
	TLPN0323H	Tâm lý học phụ nữ	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8, AM5
	TLCT0323H	Tâm lý học người cao tuổi	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8, AM5
	CTMT0323L	Công tác xã hội với người nghiện ma túy	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8, AM5
	TLQL0323H	Tâm lý học quản lý	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8, AM5

Chuẩn đầu ra (PLOs)	Tên học phần		Phương pháp dạy và học (TLMs) được sử dụng	Phương pháp đánh giá (AMs) được sử dụng
	TVTT0323H	Tham vấn trong chăm sóc sức khoẻ tâm thần	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15, TLM3, TLM5, TLM6	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8, AM5
	TBTE0323H	Tâm bệnh học trẻ em và thanh thiếu niên	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8, AM5
	CHIV0323H	Công tác xã hội với người nhiễm và ảnh hưởng bởi HIV/AIDS	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM9, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM8, AM4, AM5
	TTTL0324T	Thực tập cuối khoá	TLM1, TLM2, TLM6, TLM7, TLM11, TLM14, TLM15	AM1, AM10
	TLGD0323H	Tâm lý học gia đình	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15, TLM3, TLM7	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8, AM5
	TLHD0323H	Tâm lý học học đường	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15, TLM7	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8, AM5
	TVTE0323H	Tham vấn cho trẻ em bị xâm hại	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15, TLM3, TLM5, TLM6	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8, AM5,
	TVPN0323H	Tham vấn cho phụ nữ bị bạo lực gia đình	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15, TLM3, TLM5, TLM6, TLM7	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8, AM5,
	KLTN0326T	Khoá luận tốt nghiệp	TLM1, TLM15, TLM6, TLM11	AM10
	XSTK1123L	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM8, AM5
	THML0723H	Triết học Mác - Lênin	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM5

Chuẩn đầu ra (PLOs)	Tên học phần		Phương pháp dạy và học (TLMs) được sử dụng	Phương pháp đánh giá (AMs) được sử dụng
	KTCT0722H	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM5
	TTCM0722H	Tu tưởng Hồ Chí Minh	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM5, AM8
	LSUD0722H	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM5, AM8
	CNXH0722H	Chủ nghĩa xã hội khoa học	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM5
	TCB11222H	Tin học cơ bản 1	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM15	AM1, AM2, AM9
	TCB21222H	Tin học cơ bản 2	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM15	AM1, AM2, AM9
	TKXH1322H	Thống kê xã hội	TLM1, TLM2, TLM4, TLM8, TLM15	AM1, AM2, AM5, AM4
	PLXH1022H	Pháp luật về các vấn đề xã hội	TLM2, TLM7, TLM9, TLM12	AM1, AM4, AM5
	NMCT0322H	Nhập môn Công tác xã hội	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM9, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM8, AM4, AM5
	STVB1022H	Soạn thảo văn bản	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM5
	LOGI0722L	Logic học	TLM1, TLM2, TLM4, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM5
	NCKH0722L	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	TLM2, TLM4, TLM7, TLM10, TLM12, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM5
	TLĐC0322L	Tâm lý học đại cương	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8, AM5

Chuẩn đầu ra (PLOs)	Tên học phần		Phương pháp dạy và học (TLMs) được sử dụng	Phương pháp đánh giá (AMs) được sử dụng
<b>PLO14.</b> Người học có khả năng đưa ra các kết luận chuyên môn, có thái độ nghiêm túc trong đạo đức nghề nghiệp luôn đặt lợi ích của thân chủ lên hàng đầu. Luôn tâm huyết trong công việc và tuân thủ các nguyên tắc đạo đức nghề nghiệp với thân chủ, với đồng nghiệp, và với ngành nghề mình phục vụ	KNSO0322H	Kỹ năng sống	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15, TLM5	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8, AM14
	KNGT0322H	Kỹ năng giao tiếp	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8, AM5
	PPNC0322H	Phương pháp nghiên cứu trong tâm lý học	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8, AM5
	MHĐC0322H	Mĩ học đại cương	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM8, AM5, AM4
	TLXH0322L	Tâm lý học xã hội	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM8, AM4
	LSTL0323H	Lịch sử tâm lý học	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8, AM5
	SLTK0323H	Sinh lý thần kinh	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8, AM5
	TLPT0323H	Tâm lý học phát triển	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8, AM5
	HVCN0323H	Hành vi con người và môi trường xã hội	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8, AM5
	TBĐC0323H	Tâm bệnh học đại cương	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8, AM5
	TLDT0323H	Tâm lý học dân tộc	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8, AM5
TLLS0323H	Tâm lý học lâm sàng	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8, AM5	

Chuẩn đầu ra (PLOs)	Tên học phần		Phương pháp dạy và học (TLMs) được sử dụng	Phương pháp đánh giá (AMs) được sử dụng
	TLLĐ0322H	Tâm lý học lao động	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8, AM5
	TLNN0322H	Tâm lý học nhóm nhỏ	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8, AM5
	THTV0322T	Tham vấn và thực hành tham vấn	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15, TLM3, TLM5, TLM6, TLM8	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8, AM5, AM9
	THLĐ0323T	Thực hành tâm lý học lao động	TLM1, TLM6, TLM15	AM2, AM5, AM9
	TLNN0323T	Thực hành tâm lý học nhóm nhỏ	TLM1, TLM6, TLM15	AM2, AM5, AM9
	THXH0323T	Thực hành tâm lý học xã hội	TLM1, TLM6, TLM15	AM2, AM5, AM9
	TLPN0323H	Tâm lý học phụ nữ	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8, AM5
	TLCT0323H	Tâm lý học người cao tuổi	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8, AM5
	CTMT0323L	Công tác xã hội với người nghiện ma túy	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8, AM5
	TLQL0323H	Tâm lý học quản lý	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8, AM5
	TVTT0323H	Tham vấn trong chăm sóc sức khỏe tâm thần	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15, TLM3, TLM5, TLM6	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8, AM5



<b>Chuẩn đầu ra (PLOs)</b>	<b>Tên học phần</b>		<b>Phương pháp dạy và học (TLMs) được sử dụng</b>	<b>Phương pháp đánh giá (AMs) được sử dụng</b>
	TBTE0323H	Tâm bệnh học trẻ em và thanh thiếu niên	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8, AM5
	CNKT0323H	Công tác xã hội với người khuyết tật	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM8, AM4, AM5
	CHIV0323H	Công tác xã hội với người nhiễm và ảnh hưởng bởi HIV/AIDS	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM9, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM8, AM4, AM5
	TTTL0324T	Thực tập cuối khoá	TLM1, TLM2, TLM6, TLM7, TLM11, TLM14, TLM15	AM1, AM10
	TLGD0323H	Tâm lý học gia đình	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15, TLM3, TLM7	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8, AM5
	TLHD0323H	Tâm lý học học đường	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15, TLM7	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8, AM5
	TVTE0323H	Tham vấn cho trẻ em bị xâm hại	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15, TLM3, TLM5, TLM6	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8, AM5,
	TVPN0323H	Tham vấn cho phụ nữ bị bạo lực gia đình	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15, TLM3, TLM5, TLM6, TLM7	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8, AM5,
	KLTN0326T	Khoá luận tốt nghiệp	TLM1, TLM15, TLM6, TLM11	AM10
	NMCT0322H	Nhập môn Công tác xã hội	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM9, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM8, AM4, AM5
	TLĐC0322L	Tâm lý học đại cương	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8, AM5

Chuẩn đầu ra (PLOs)	Tên học phần		Phương pháp dạy và học (TLMs) được sử dụng	Phương pháp đánh giá (AMs) được sử dụng
<b>PLO15.</b> Người học có khả năng lập kế hoạch tự học, cầu tiến để tích lũy thêm kiến thức và kinh nghiệm nhằm nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ thông qua bậc học cao hơn hay các khóa học lấy chứng chỉ nghề nghiệp của Việt Nam và quốc tế	XHĐC0322L	Xã hội học đại cương	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8, AM5
	LSTG0322L	Lịch sử văn minh thế giới	TLM1,TLM2, TLM4,TLM7,TLM15	AM1,AM2,AM3,AM8, AM4, AM5
	ĐCVH0322L	Đại cương văn hoá Việt Nam	TLM2, TLM4, TLM15, TLM9	AM1, AM2, AM3, AM4, AM10
	KNSO0322H	Kỹ năng sống	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15, TLM5	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8, AM15
	KNGT0322H	Kỹ năng giao tiếp	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8, AM5
	PPNC0322H	Phương pháp nghiên cứu trong tâm lý học	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8, AM5
	XHCB0323H	Xã hội học chuyên biệt	TLM1,TLM2,TLM4, TLM7,TLM15	AM1, AM3, AM4, AM8, AM5
	MHĐC0322H	Mĩ học đại cương	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM8, AM5, AM4
	TLXH0322L	Tâm lý học xã hội	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM8, AM4
	SKCĐ0322H	Chăm sóc sức khoẻ cộng đồng	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8, AM5
	NCHO0322L	Nhân chủng học	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8, AM5
	GVPT0322H	Giới và phát triển	TLM2, TLM4, TLM7, TLM15, TLM9	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8, AM5

Chuẩn đầu ra (PLOs)	Tên học phần		Phương pháp dạy và học (TLMs) được sử dụng	Phương pháp đánh giá (AMs) được sử dụng
	GĐHO0322L	Gia đình học	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM3, AM4, , AM8, AM5
	LSTL0323H	Lịch sử tâm lý học	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8, AM5
	SLTK0323H	Sinh lý thần kinh	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8, AM5
	TLPT0323H	Tâm lý học phát triển	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8, AM5
	HVCN0323H	Hành vi con người và môi trường xã hội	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8, AM5
	TBĐC0323H	Tâm bệnh học đại cương	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8, AM5
	TLDT0323H	Tâm lý học dân tộc	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8, AM5
	TLLS0323H	Tâm lý học lâm sàng	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8, AM5
	TLLĐ0322H	Tâm lý học lao động	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8, AM5
	TLNN0322H	Tâm lý học nhóm nhỏ	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8, AM5
	THTV0322T	Tham vấn và thực hành tham vấn	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15, TLM3, TLM5, TLM6, TLM8	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8, AM5, AM9

Chuẩn đầu ra (PLOs)	Tên học phần		Phương pháp dạy và học (TLMs) được sử dụng	Phương pháp đánh giá (AMs) được sử dụng
	THLD0323T	Thực hành tâm lý học lao động	TLM1, TLM6, TLM15	AM2, AM5, AM9
	TLNN0323T	Thực hành tâm lý học nhóm nhỏ	TLM1, TLM6, TLM15	AM2, AM5, AM9
	THXH0323T	Thực hành tâm lý học xã hội	TLM1, TLM6, TLM15	AM2, AM5, AM9
	TLPN0323H	Tâm lý học phụ nữ	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8, AM5
	TLCT0323H	Tâm lý học người cao tuổi	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8, AM5
	TLQL0323H	Tâm lý học quản lý	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8, AM5
	TVTT0323H	Tham vấn trong chăm sóc sức khoẻ tâm thần	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15, TLM3, TLM5, TLM6	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8, AM5
	TBTE0323H	Tâm bệnh học trẻ em và thanh thiếu niên	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8, AM5
	TTTL0324T	Thực tập cuối khoá	TLM1, TLM2, TLM6, TLM7, TLM11, TLM14, TLM15	AM1, AM10
	TLGD0323H	Tâm lý học gia đình	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15, TLM3, TLM7	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8, AM5
	TLHD0323H	Tâm lý học học đường	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15, TLM7	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8, AM5
	TVTE0323H	Tham vấn cho trẻ em bị xâm hại	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15, TLM3, TLM5, TLM6	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8, AM5,

Chuẩn đầu ra (PLOs)	Tên học phần		Phương pháp dạy và học (TLMs) được sử dụng	Phương pháp đánh giá (AMs) được sử dụng
	TVPN0323H	Tham vấn cho phụ nữ bị bạo lực gia đình	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15, TLM3, TLM5, TLM6, TLM7	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8, AM5,
	KLTN0326T	Khoá luận tốt nghiệp	TLM1, TLM15, TLM6, TLM11	AM10
	XSTK1123L	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM8, AM5
	THML0723H	Triết học Mác - Lênin	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM5
	KTCT0722H	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM5
	TTCM0722H	Tư tưởng Hồ Chí Minh	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM5, AM8
	LSUD0722H	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM5, AM8
	CNXH0722H	Chủ nghĩa xã hội khoa học	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM5
	PLĐC1022H	Pháp luật đại cương	TLM2, TLM7, TLM9, TLM14	AM1, AM4, AM5
	TCB11222H	Tin học cơ bản 1	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM15	AM1, AM2, AM9
	TCB21222H	Tin học cơ bản 2	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM15	AM1, AM2, AM9
	TKXH1322H	Thống kê xã hội	TLM1, TLM2, TLM4, TLM8, TLM15	AM1, AM2, AM5, AM4
	PLXH1022H	Pháp luật về các vấn đề xã hội	TLM2, TLM7, TLM9, TLM13	AM1, AM4, AM5

Chuẩn đầu ra (PLOs)	Tên học phần		Phương pháp dạy và học (TLMs) được sử dụng	Phương pháp đánh giá (AMs) được sử dụng
	STVB1022H	Soạn thảo văn bản	TLM1,TLM2,TLM4,TLM7,TLM10,TLM15	AM1,AM2,AM4, AM5
	LOGI0722L	Logic học	TLM1,TLM2,TLM4,TLM15	AM1,AM2,AM4, AM5
	NCKH0722L	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	TLM2,TLM4,TLM7,TLM10,TLM12,TLM15	AM1,AM2,AM4,AM5
<b>PLO16.</b> Người học tốt nghiệp có trình độ Tiếng Anh đạt TOEIC 550 điểm hoặc tương đương; Có khả năng đọc hiểu tài liệu tiếng Anh trong lĩnh vực tâm lý học.	KLTN0326T	Khoá luận tốt nghiệp	TLM1, TLM15, TLM6, TLM11	AM10
	TAC10622H	Tiếng Anh cơ bản 1	TLM1,TLM8,TLM9,TLM10	AM1,AM5
	TAC20623H	Tiếng Anh cơ bản 2	TLM1,TLM8,TLM9,TLM14	AM1, AM2, AM9
	ATL10622H	Tiếng Anh chuyên ngành tâm lý 1	TLM1,TLM2,TLM4,TLM9,TLM14	AM1,AM4
	ATL20622H	Tiếng Anh chuyên ngành tâm lý 2	TLM1,TLM2,TLM4,TLM9,TLM14	AM1,AM4
<b>PLO17.</b> Người học tốt nghiệp có khả năng sử dụng thành thạo tin học cơ bản đạt chuẩn đầu ra quy định tại thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông hoặc tương đương. Sử dụng thành thạo phần mềm cần thiết	KLTN0326T	Khoá luận tốt nghiệp	TLM1, TLM15, TLM6, TLM11	AM10
	PPNC0322H	Phương pháp nghiên cứu trong tâm lý học	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8, AM5
	XSTK1123L	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	TLM1,TLM2,TLM4,TLM7,TLM8,TLM10,TLM15	AM1,AM2,AM4,,AM8, AM5
	STVB1022H	Soạn thảo văn bản	TLM1,TLM2,TLM4,TLM7,TLM10,TLM15	AM1,AM2,AM4, AM5
	TCB11222H	Tin học cơ bản 1	TLM1,TLM2,TLM4,TLM7,TLM8,TLM15	AM1,AM2,AM9
	TCB11222H	Tin học cơ bản 2	TLM1,TLM2,TLM4,TLM7,TLM8,TLM15	AM1,AM2,AM9

Chuẩn đầu ra (PLOs)	Tên học phần		Phương pháp dạy và học (TLMs) được sử dụng	Phương pháp đánh giá (AMs) được sử dụng
phục vụ công việc chuyên môn.				

## II. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH GIẢNG DẠY

### 2.1. Cấu trúc chương trình giảng dạy

Kiến thức toàn khóa học: 121 tín chỉ tích lũy + Giáo dục thể chất (3 tín chỉ) không tích lũy + Giáo dục quốc phòng an ninh (165 tiết) không tích lũy. Trong đó:

**Bảng 2.1. Cấu trúc chương trình giảng dạy ngành Tâm lý học**

Khối kiến thức và lập luận về ngành		Số tín chỉ	Tỷ lệ %
<b>1.1</b>	<b>Kiến thức cơ bản, nền tảng của ngành</b>	<b>26</b>	<b>21,5</b>
<b>1.2</b>	<b>Kiến thức cơ sở ngành cốt lõi</b>	<b>26</b>	<b>21,5</b>
<b>1.3</b>	<b>Kiến thức cơ sở ngành nâng cao, phương pháp và công cụ</b>	<b>34</b>	<b>28,0</b>
<b>1.4</b>	<b>Kiến thức nền tảng rộng</b>	<b>20</b>	<b>16,5</b>
1.4.1	Khoa học tự nhiên	3	2,4
1.4.2	Khoa học chính trị	11	9,1
1.4.3	Pháp luật	2	1,7
1.4.4	Tin học	4	3,3
<b>1.5</b>	<b>Kiến thức khác ngành</b>	<b>6</b>	<b>5,0</b>
<b>1.6</b>	<b>Kiến thức đại cương khác</b>	<b>9</b>	<b>7,5</b>
1.6.1	Ngoại ngữ (tiếng Anh)	9	7,5
1.6.2	Giáo dục thể chất (3 tín chỉ) không tích lũy		
1.6.3	Giáo dục quốc phòng an ninh (165 tiết) không tích lũy		
<b>Tổng cộng:</b>		<b>121</b>	<b>100%</b>

### 2.2. Các khối kiến thức chương trình giảng dạy

#### 2.2.1. Khối kiến thức cơ bản, nền tảng ngành (26 tín chỉ):

Khối kiến thức này nhằm cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản như sau:

- Hệ thống các kiến thức tổng quát về tâm lý học, xã hội học, công tác xã hội
- Hệ thống các kiến thức cơ bản về đại cương văn hóa Việt Nam, giới và phát triển, các kiến thức luật pháp.
- Hệ thống kiến thức, vai trò, nguyên tắc cơ bản trong an sinh xã hội, trợ giúp xã hội, ưu đãi xã hội, chính sách xã hội,.

#### 2.2.2. Khối kiến thức cơ sở ngành cốt lõi (26 tín chỉ):

Khối kiến thức này nhằm cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản như sau:

- Kiến thức nền tảng và hiện đại về tâm lý học, lịch sử tâm lý học
- Kiến thức nền tảng và hiện đại về tâm lý của các lĩnh vực, ngành nghề



- Kiến thức nền tảng và hiện đại về Phương pháp nghiên cứu trong tâm lý học
- Kiến thức nền tảng và hiện đại về tâm lý học với các nhóm đối tượng

### **2.2.3. Khối kiến thức cơ sở ngành nâng cao, phương pháp và công cụ (34 tín chỉ):**

Khối kiến thức này nhằm cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản như sau:

- Kiến thức chuyên sâu và công cụ: Tham vấn và thực hành tham vấn, Thực hành tâm lý lao động, Thực hành tâm lý xã hội, Thực hành tâm lý học nhóm nhỏ.

- Kiến thức chuyên sâu về tâm lý học : Tâm lý học với các nhóm đối tượng như: trẻ em, người cao tuổi, người mắc các rối loạn tâm lý, Tâm lý lứa tuổi, tâm lý dân tộc; Tâm bệnh học đại cương; Tâm lý học lao động; Tâm lý học nhóm nhỏ

- Kiến thức chuyên sâu về tâm lý học trong các lĩnh vực ngành nghề: Tâm lý học lao động, tâm lý học kinh doanh, tâm lý học học đường, tâm lý học lâm sàng, tâm lý học gia đình

- Ứng dụng các kiến thức vào học phần thực tập tốt nghiệp và khóa luận tốt nghiệp cho sinh viên.

### **2.2.4. Kiến thức nền tảng rộng (20 tín chỉ):**

Khối kiến thức này nhằm cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản như sau:

- Tư duy toán học, có thể vận dụng các mô hình toán học thông dụng của xác suất – thống kê, toán cao cấp để đo lường, đánh giá, phân tích các đại lượng kinh tế.
- Kiến thức hệ thống triết học, kinh tế chính trị, chủ nghĩa xã hội khoa học, những kiến thức cơ bản, có tính hệ thống về tư tưởng Hồ Chí Minh, lịch sử, đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam. Có thể vận dụng các nguyên lý cơ bản, tư tưởng và đường lối để giải thích các hiện tượng, quá trình kinh tế - xã hội, các vấn đề xã hội đang diễn ra.
- Chính sách, pháp luật của nhà nước trong lĩnh vực xã hội nói chung và trong lĩnh vực công tác xã hội nói riêng.
- Các công cụ xử lý, lưu trữ thông tin thông dụng trên máy tính, các ứng dụng tin học văn phòng để giải quyết công việc hàng ngày.
- Kiến thức để hình thành và phát triển các kỹ năng nghề nghiệp: Soạn thảo văn bản, thuyết trình, giao tiếp, làm việc nhóm, lập kế hoạch, phát hiện và giải quyết vấn đề.

### **2.2.5. Kiến thức ngành gần, khác ngành (6 tín chỉ)**

- Nắm vững kiến thức về tâm lý học để làm nền tảng cho việc ứng dụng vào

hoạt động xã hội.

**2.2.6. Kiến thức đại cương khác (9 tín chỉ):**

- Kiến thức và kỹ năng ngoại ngữ.
- Kiến thức khoa học cơ bản trong thể dục thể thao và quá trình tự rèn luyện phát triển thể chất.
- Nội dung cơ bản về công tác quốc phòng – an ninh của Đảng, Nhà nước trong tình hình mới.

**Bảng 2.2. Ma trận liên hệ giữa các khối kiến thức và chuẩn đầu ra (PLOs)**

TT	Khối kiến thức	Số tín chỉ		Chuẩn đầu ra (PLOs)																	
		SL	%	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	
1	Kiến thức cơ bản, nền tảng của ngành	26	21,5		H		M								M			M		M	
2	Kiến thức cơ sở ngành cốt lõi	26	21,5			M	M	L	L	M	M	M	M				M		M	L	
3	Kiến thức cơ sở ngành nâng cao, phương pháp và công cụ	34	28,0	M	M		H	H	H	H	M	H		H	M	M	H			H	H
4	Kiến thức nền tảng rộng	20	16,5	H	H		H	M	M							H	H	H	M	H	M
5	Kiến thức khác ngành	6	5,0		M					H	M	M									
6	Kiến thức đại cương khác	9	7,5			H								M	H	M	M	H		M	

Chú thích: H - Cao, M - Trung bình, L - Thấp

## 2.3. Danh sách các học phần

**Bảng 2.3 Danh sách các học phần**

TT	Mã HP	Tên học phần		Số tín chỉ					Mã HP trước	Mã HP song hành
				<i>(Lý thuyết - LT; Thực hành - TH; Thí nghiệm - TN; Đồ án - ĐA; Thực tập - TT)</i>						
		Tiếng Việt	Tiếng Anh	Tổng	LT	TH/TN	ĐA	TT		
<b>1.1 Kiến thức cơ bản, nền tảng của ngành</b>				<b>26</b>						
<b>1.1.1</b>	<b>Các học phần bắt buộc</b>			<b>22</b>						
1.1.1.1	TLĐC0322L	Tâm lý học đại cương	General Psychology	2	2					
1.1.1.2	XHĐC0322L	Xã hội học đại cương	General sociology	2	2					
1.1.1.3	LSTG0322L	Lịch sử văn minh thế giới	Word civilization history	2	2					
1.1.1.4	ĐCVH0322L	Đại cương văn hóa Việt Nam	General knowledge of Vietnamese culture	2	2					
1.1.1.5	KNSO0322H	Kỹ năng sống	Life skills	2	2				TLĐC0322L	
1.1.1.6	KNGT0322H	Kỹ năng giao tiếp	Communication skills	2	2					
1.1.1.7	PPNC0322H	Phương pháp nghiên cứu trong tâm lý học	Research Methods in psychology	3	3				TLĐC0322L	
1.1.1.8	XHCB0323H	Xã hội học chuyên biệt	Specialized sociology	3	3				XHĐC0322L	
1.1.1.9	MHĐC0322H	Mĩ học đại cương	General aesthetics	2	2				TLĐC0322L	
1.1.1.10	TLXH0322L	Tâm lý học xã hội	Social psychology	2	2				TLĐC0322L	
<b>1.1.2</b>	<b>Các học phần tự chọn (chọn 2/4)</b>			<b>4</b>						
1.1.2.1	SKCĐ0322H	Chăm sóc sức khỏe cộng đồng	Social health care	2	2					
1.1.2.2	NCHO0322L	Nhân chủng học	Anthropology	2	2					

TT	Mã HP	Tên học phần		Số tín chỉ					Mã HP trước	Mã HP song hành
				<i>(Lý thuyết - LT; Thực hành - TH; Thí nghiệm - TN; Đồ án - ĐA; Thực tập - TT)</i>						
		Tiếng Việt	Tiếng Anh	Tổng	LT	TH/TN	ĐA	TT		
1.1.2.3	GVPT0322H	Giới và phát triển	Gender and Development	2	2				XHĐC0322L	
1.1.2.4	GĐHO0322L	Gia đình học	Family Studies	2	2				XHĐC0322L	
<b>1.2 Kiến thức cơ sở ngành cốt lõi</b>				<b>26</b>						
<b>1.2.1</b>	<b>Các học phần bắt buộc</b>			<b>26</b>						
1.2.1.1	LSTL0323H	Lịch sử tâm lý học	History of Psychology	3	3				TLĐC0322L	
1.2.1.2	SLTK0323H	Sinh lý thần kinh	Neurophysiology	3	3				TLĐC0322L	
1.2.1.3	TLPT0323H	Tâm lý học phát triển	Developmental Psychology	3	3				TLĐC0322L	
1.2.1.4	HVCN0323H	Hành vi con người và môi trường xã hội	Human behavior and social environment	3	3					
1.2.1.5	TBĐC0323H	Tâm bệnh học đại cương	General Pathology	3	3				TLĐC0322L	
1.2.1.6	TLDT0323H	Tâm lý học dân tộc	Ethnic Psychology	3	3				TLĐC0322L	
1.2.1.7	TLLS0323H	Tâm lý học lâm sàng	Clinical Psychology	3	3				TLĐC0322L	
1.2.1.8	TLLĐ0322H	Tâm lý học lao động	Labor Psychology	2	2					
1.2.1.9	TLNN0322H	Tâm lý học nhóm nhỏ	Group Psychology	3	3				TLĐC0322L	
<b>1.3 Kiến thức cơ sở ngành nâng cao, phương pháp và công cụ</b>				<b>34</b>						
<b>1.3.1</b>	<b>Các học phần bắt buộc</b>			<b>12</b>						
1.3.1.1	TVTH0323H	Tham vấn và thực hành tham vấn	Counseling theory and practice	3	3					

TT	Mã HP	Tên học phần		Số tín chỉ					Mã HP trước	Mã HP song hành
				<i>(Lý thuyết - LT; Thực hành - TH; Thí nghiệm - TN; Đồ án - ĐA; Thực tập - TT)</i>						
		Tiếng Việt	Tiếng Anh	Tổng	LT	TH/TN	ĐA	TT		
1.3.1.2	THLD0323T	Thực hành tâm lý học lao động	Labor Psychology Practice	3		3			TLĐC0322L TLLĐ0322H	
1.3.1.3	TLNN0322H	Thực hành tâm lý học nhóm nhỏ	Group Psychology Practice	3		3			TLNN0322H	
1.3.1.4	THXH0323T	Thực hành tâm lý học xã hội	Social Psychology Practice	3		3			XHĐC0322L TLXH0322L TLPT0323H	
<b>1.3.2</b>	<b>Học phần tự chọn (chọn 4/8)</b>			<b>12</b>						
1.3.2.1	TLPN0323H	Tâm lý học phụ nữ	Women” Psychology	3	3				TLĐC0322L	
1.3.2.2	TLCT0323H	Tâm lý học người cao tuổi	Psychology of the Elderly	3	3				TLĐC0322L	
1.3.2.3	CTMT0323H	Công tác xã hội với người nghiện ma túy	Social work with drug user	3	3					
1.3.2.4	TLQL0323H	Tâm lý học quản lý	Management Psychology	3	3				TLXH0322L	
1.3.2.5	TVTT0323H	Tham vấn trong chăm sóc sức khỏe tâm thần	Counseling in mental health care	3	3				TVCB0323H	
1.3.2.6	TBTE0323H	Tâm bệnh học trẻ em và thanh thiếu niên	Child and Adolescent Pathology	3	3				TLĐC0322L TBĐC0323H	
1.3.2.7	CNKT0323H	Công tác xã hội với người khuyết tật	Social work with the disabled	3	3					

TT	Mã HP	Tên học phần		Số tín chỉ					Mã HP trước	Mã HP song hành
				<i>(Lý thuyết - LT; Thực hành - TH; Thí nghiệm - TN; Đồ án - ĐA; Thực tập - TT)</i>						
		Tiếng Việt	Tiếng Anh	Tổng	LT	TH/TN	ĐA	TT		
1.3.2.7	CHIV0323H	Công tác xã hội với người nhiễm và ảnh hưởng bởi HIV/AIDS	Social work with people infected and affected by HIV / AIDS	3	3					
<b>1.3.3</b>	KLTL0326T	Thực tập cuối khóa	Final Internship	<b>4</b>					4	
<b>1.3.4</b>	<b>Học phần thay thế hoặc Khóa luận tốt nghiệp (Sinh viên viết Khóa luận hoặc học 2 học phần thay thế)</b>			<b>6</b>						
1.3.4.1	TLGD0323H	Tâm lý học gia đình	Family Psychology	3	3				TLĐC0322L	TLHD0323H TVTE0323H TVPN0323H
1.3.4.2	TLHD0323H	Tâm lý học học đường	School Psychology	3	3				TLLS0323H	TLGD0323H TVTE0323H TVPN0323H
1.3.4.3	TVTE0323H	Tham vấn cho trẻ em bị xâm hại	Counseling for abused Children	3	3				TVCB0323H	TVTE0323H TVPN0323H TLHD0323H
1.3.4.4	TVPN0323H	Tham vấn cho phụ nữ bị bạo lực gia đình	Counseling for women domestic Violence	3	3				TVCB0323H	TVTE0323H TLGD0323H TLHD0323H
1.3.4.5	KLTN0526T	Khóa luận tốt nghiệp	Thesis	6				6		
<b>1.4. Kiến thức nền tảng rộng</b>				<b>20</b>						
<b>1.4.1. Khoa học tự nhiên</b>				<b>3</b>						

TT	Mã HP	Tên học phần		Số tín chỉ					Mã HP trước	Mã HP song hành
				<i>(Lý thuyết - LT; Thực hành - TH; Thí nghiệm - TN; Đồ án - ĐA; Thực tập - TT)</i>						
		Tiếng Việt	Tiếng Anh	Tổng	LT	TH/TN	ĐA	TT		
1.4.1.1	XSTK1123L	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	Probability and Statistics	3	3					
<b>1.4.2. Khoa học chính trị</b>				<b>11</b>						
1.4.2.1	THML0723H	Triết học Mác - Lênin	Marxist Leninist Philosophy	3	3					
1.4.2.2	KTCT0722H	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	Marxist Leninist Political Economics	2	2					
1.4.2.3	TTCM0722H	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Ho Chi Minh Ideology	2	2					
1.4.2.4	LSUD0722H	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	History of the Communist Party of Vietnam	2	2					
1.4.2.5	CNXH0722H	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Science socialism	2	2					
<b>1.4.3. Pháp luật</b>				<b>2</b>						
1.4.3.1	PLĐC1022H	Pháp luật đại cương	General law	2	2					
<b>1.4.4. Tin học</b>				<b>4</b>						
1.4.4.1	TCB11222H	Tin học cơ bản 1	Basic informatics 1	2	2					
1.4.1.2	TCB21222H	Tin học cơ bản 2	Basic informatics 2	2	2					
<b>1.5. Kiến thức khác ngành</b>				<b>6</b>						

TT	Mã HP	Tên học phần		Số tín chỉ					Mã HP trước	Mã HP song hành
				<i>(Lý thuyết - LT; Thực hành - TH; Thí nghiệm - TN; Đồ án - ĐA; Thực tập - TT)</i>						
		Tiếng Việt	Tiếng Anh	Tổng	LT	TH/TN	ĐA	TT		
<b>1.5.1</b>	<b>Học phần tự chọn (chọn 1/3)</b>			<b>2</b>						
1.5.1.1	TKXH1322H	Thống kê xã hội	Social statistics	2	2					
1.5.1.2	PLXH1022H	Pháp luật các vấn đề xã hội	Law of social issues	2	2					
1.5.1.3	NMCT0322H	Nhập môn Công tác xã hội	Introduction to Social Work	2	2					
<b>1.5.2.</b>	<b>Các học phần tự chọn (chọn 2/3)</b>			<b>4</b>						
1.5.2.1	STVB1022H	Soạn thảo văn bản	Text editor	2						
1.5.2.2	LOGI0722L	Logic học	Logics	2						
1.5.2.3	NCKH0722L	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	Scientific research methodology	2						
<b>1.6 Kiến thức đại cương khác</b>				<b>9</b>						
<b>1.6.1 Ngoại ngữ</b>				<b>9</b>						
1.6.1.1	TAC10622H	Tiếng Anh cơ bản 1	Basic English 1	2	2					
1.6.1.2	TAC20623H	Tiếng Anh cơ bản 2	Basic English 2	3	3			TAC10622H		
1.6.1.3	ATL10622H	Tiếng Anh chuyên ngành tâm lý học 1	English for psychology 1	2	2					
1.6.1.3	ATL10622H	Tiếng Anh chuyên ngành tâm lý học 2	English for psychology 2	2	2					
<b>1.6.2. Giáo dục thể chất</b>										
<b>1.6.2.1</b>	<b>Các học phần bắt buộc</b>									
1.6.2.1	TDDK1421T	Thể dục - Điền kinh	Exercise- Athletics	1		1				



TT	Mã HP	Tên học phần		Số tín chỉ					Mã HP trước	Mã HP song hành
				<i>(Lý thuyết - LT; Thực hành - TH; Thí nghiệm - TN; Đồ án - ĐA; Thực tập - TT)</i>						
		Tiếng Việt	Tiếng Anh	Tổng	LT	TH/TN	ĐA	TT		
<b>1.6.2.2</b>	<b>Các học phần tự chọn (2/6 HP)</b>									
1.6.2.2	BOCI1421T	Bóng chuyền 1	Volleyball 1	1		1				
1.6.2.3	BOC21421T	Bóng chuyền 2	Volleyball 2	1		1				
1.6.2.4	BORI1421T	Bóng rổ 1	Basketball 1	1		1				
1.6.2.5	BOR21421T	Bóng rổ 2	Basketball 2	1		1				
1.6.2.6	CLO11421T	Cầu lông 1	Bedminton 1	1		1				
1.6.2.7	CLO21421T	Cầu lông 2	Bedminton 2	1		1				
<b>1.6.2.3</b>	<b>Các học phần dành cho sinh viên hạn chế về sức khỏe</b>									
1.6.2.4	COV11421T	Cờ vua 1	Chess 1	1		1				
1.6.2.9	COV21421T	Cờ vua 2	Chess 2	1		1				
1.6.2.10	COV31421T	Cờ vua 3	Chess 3	1		1				
<b>1.6.3. Giáo dục quốc phòng (165 tiết)</b>										
1.6.3.1	DLQP1423L	Đường lối quốc phòng và an ninh Đảng cộng sản Việt Nam	Line of Denfense and Security	3	3					
1.6.3.2	CTQP1422L	Công tác quốc phòng và an ninh	Denfense and Security	2	2					
1.6.3.3	QSUC1421L	Quân sự chung	General Military	1	1					
1.6.3.4	KTCD1422T	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật	Infantry fighting techniques and tactics	2	2					
<b>Tổng cộng</b>				<b>121</b>						

## 2.4. Ma trận đáp ứng giữa các học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

**Bảng 2.4. Ma trận đáp ứng giữa các học phần theo yêu cầu năng lực chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo**

Chuẩn đầu ra CTĐT	KIẾN THỨC						KỸ NĂNG						NĂNG LỰC TỰ CHỦ, CHỊU TRÁCH NHIỆM			TRÌNH ĐỘ NGOẠI NGỮ VÀ TIN HỌC	
	CDR 1	CDR 2	CDR 3	CDR 4	CDR 5	CDR 6	CDR 7	CDR 8	CDR 9	CDR 10	CDR 11	CDR 12	CDR 13	CD R14	CDR 15	CDR 16	CDR 17
<b>Học phần</b>																	
Tâm lý học đại cương			4	4			3	3	3	3	3	3	3	3	3		
Xã hội học đại cương			4	4			3	3					3		3		
Lịch sử văn minh thế giới			4	4			3	3					3		3		
Đại cương văn hóa Việt Nam			4	4			3	3					3		3		
Kỹ năng sống			4	4			3	3	3	3	3	3	3	3	3		
Kỹ năng giao tiếp			4	4			3	3	3	3	3	3	3	3	3		
Phương pháp nghiên cứu trong tâm lý học			4	4			3	3	3			3	3	3	3		3
Xã hội học chuyên biệt			4	4			3						3				
Mĩ học đại cương			4	4			3	3					3	3	3		
Tâm lý học xã hội			1	4			3	3	3	3			3	3	3		
Chăm sóc sức khỏe cộng đồng			4	4			3	3					3		3		
Nhân chủng học			4	4			3						3		3		
Giới và phát triển			4	4			3	3					3		3		
Gia đình học			4	4			3						3				
Lịch sử tâm lý học					2		3	3	3			3	4	4	4		
Sinh lý thần kinh					2		3	3	3			3	3	3	3		
Tâm lý học phát triển					2		3	3	3			3	4	4	4		
Hành vi con người và môi trường xã hội					3		3	3	3			3	3	3	3		

Tâm bệnh học đại cương					4		3	3	3			3	3	3	3		
Tâm lý học dân tộc					2	2	3	3	3				3	3	3		
Tâm lý học lâm sàng					4		3		3		3	3	3	3	3		
Tâm lý học lao động	4				4				3	3	3	3	3	3	3		
Tâm lý học nhóm nhỏ					4			3	3	3		3	3	3	3		
Tham vấn và thực hành tham vấn			4	4	4	5	5	5	5	5	5	5	4	4	4		
Thực hành tâm lý học lao động						4	3	3	3	3	3	3	3	3	3		
Thực hành tâm lý học nhóm nhỏ						4	3	3	3	3	3	3	3	3	3		
Thực hành tâm lý học xã hội						4	3	3	3	3	3	3	3	3	3		
Tâm lý học phụ nữ						4		3	3		3	3	3	3	3		
Tâm lý học người cao tuổi						4		3	3	3		3	3	3	3		
Công tác xã hội với người nghiện ma túy		3	3		3		3		3	3	3	3	3	3			
Tâm lý học quản lý						4		3	3	3		3	3	3	3		
Tham vấn trong chăm sóc sức khỏe tâm thần				4	4				4	4			4	4	4		
Tâm bệnh học trẻ em và thanh thiếu niên						4			3	3	3	3	3	3	3		
Công tác xã hội với người khuyết tật			3	3		3	3	3						3			
Công tác xã hội với người nhiễm và ảnh hưởng bởi HIV/AIDS			3	3		3	4	4					4	4			
Thực tập cuối khóa						4	3	3	3	3	3	3	3	3	3		
Tâm lý học gia đình						4		3	3	3		3	3	3	3		
Tâm lý học học đường						4	3	3	3			3	3	3	3		

Tham vấn cho trẻ em bị xâm hại					3	3	4	4	4	4			4	4	4		
Tham vấn cho phụ nữ bị bạo lực gia đình					3	3	4	4	4	4			4	4	4		
Khóa luận tốt nghiệp						4	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3
Lý thuyết xác suất và thống kê toán		3					4						4				
Triết học Mác - Lênin	4							4	4	4		4	4				
Kinh tế chính trị Mác - Lênin	4				4			4	4	4		4	4				
Tư tưởng Hồ chí Minh	4	4			4	4		4	4								
Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	4	4			4	4		4	4								
Chủ nghĩa xã hội khoa học	4					4		4	4			4					
Pháp luật đại cương	4						5							5			
Tin học cơ bản 1		4															4
Tin học cơ bản 2		4															4
Thống kê xã hội	3	3	3	3	4	4		4	4	4			4	4			
Pháp luật về các vấn đề xã hội					4				5	5	5						
Nhập môn Công tác xã hội			3	3			4	4					4	4			
Soạn thảo văn bản		4															5
Logic học		4	4			4		5	5	5	5		4				
Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	4	4		4	4		4		4	4							
Tiếng Anh cơ bản 1	4	4	4	5	5												
Tiếng Anh cơ bản 2	4	4	4	5	5												
Tiếng Anh chuyên ngành tâm lý 1		4			4	4			4	4		5		5		5	

Tiếng Anh chuyên ngành tâm lý 2		4			4	4			4	4		5		5		5	
Thẻ đục - Điện kinh	4																
Bóng chuyền 1	4		4														
Bóng chuyền 2	4		4														
Bóng rổ 1	4		4														
Bóng rổ 2	4		4														
Cầu lông 1	4		4														
Cầu lông 2	4		4														
Cờ vua 1	4		4														
Cờ vua 2	4		4									4					
Cờ vua 3	4		4														
Đường lối quốc phòng và an ninh Đảng cộng sản Việt Nam	4																
Công tác quốc phòng và an ninh	4																
Quân sự chung	4																
Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật	4																

## 2.5. Ma trận chiến lược phương pháp dạy và học của các học phần nhằm đáp ứng chuẩn đầu ra

**Bảng 2.5. Ma trận chiến lược phương pháp dạy và học của các học phần nhằm đáp ứng chuẩn đầu ra**

STT	Mã học phần	Tên học phần	I				II			III		IV	V			VI	VII
			TLM 1	TLM 2	TLM 3	TLM 4	TLM 5	TLM 6	TLM 7	TLM 8	TLM 9	TLM 10	TLM 11	TLM 12	TLM 13	TLM 14	TLM 15
<b>1.1</b>	<b>Kiến thức cơ bản, nền tảng của ngành</b>																
<b>1.1.1</b>	<b>Các học phần bắt buộc</b>																
1.1.1.1	TLĐC0322L	Tâm lý học đại cương	x	x		x			x								x
1.1.1.2	XHĐC0322L	Xã hội học đại cương		x		x			x								x
1.1.1.3	LSTG0322L	Lịch sử văn minh thế giới	x	x		x			x								x
1.1.1.4	ĐCVH0322L	Đại cương văn hóa Việt Nam		x		x					x						x
1.1.1.5	KNSO0322H	Kỹ năng sống	x	x		x	x		x								x
1.1.1.6	KNGT0322H	Kỹ năng giao tiếp	x	x		x	x		x								x
1.1.1.7	PPNC0322H	Phương pháp nghiên cứu trong tâm lý học	x	x		x			x								x
1.1.1.8	XHCB0323H	Xã hội học chuyên biệt	x	x		x			x								x
1.1.1.9	MHĐC0322H	Mĩ học đại cương	x	x		x			x								x
1.1.1.10	TLXH0322L	Tâm lý học xã hội	x	x		x			x								x
<b>1.1.2.</b>	<b>Các học phần tự chọn</b>																
1.1.2.1	SKCĐ0322H	Chăm sóc sức khỏe cộng đồng	x	x		x			x								x
1.1.2.2	NCHO0322L	Nhân chủng học	x	x		x			x								x
1.1.2.3	GVPT0322H	Giới và phát triển		x		x			x		x						x
1.1.2.4	GĐHO0322L	Gia đình học	x	x		x			x								x
<b>1.2.</b>	<b>Kiến thức cơ sở ngành cốt lõi</b>																

STT	Mã học phần	Tên học phần	I				II			III		IV	V			VI	VII
			TLM 1	TLM 2	TLM 3	TLM 4	TLM 5	TLM 6	TLM 7	TLM 8	TLM 9	TLM 10	TLM 11	TLM 12	TLM 13	TLM 14	TLM 15
<b>1.2.1.</b>	<b>Các học phần bắt buộc</b>																
1.2.1.1	LSTL0323H	Lịch sử tâm lý học	x	x		x			x							x	
1.2.1.2	SLTK0323H	Sinh lý thần kinh	x	x		x			x							x	
1.2.1.3	TLPT0323H	Tâm lý học phát triển	x	x		x			x							x	
1.2.1.4	HVCN0323H	Hành vi con người và môi trường xã hội	x	x		x			x							x	
1.2.1.5	TBĐC0323H	Tâm bệnh học đại cương	x	x		x			x							x	
1.2.1.6	TLDT0323H	Tâm lý học dân tộc	x	x		x			x							x	
1.2.1.7	TLLS0323H	Tâm lý học lâm sàng	x	x		x			x							x	
1.2.1.8	TLLĐ0322H	Tâm lý học lao động	x	x		x			x							x	
1.2.1.9	TLNN0322H	Tâm lý học nhóm nhỏ	x	x		x			x							x	
<b>1.3.</b>	<b>Kiến thức cơ sở ngành nâng cao, phương pháp và công cụ</b>																
<b>1.3.1</b>	<b>Các học phần bắt buộc</b>																
1.3.1.1	TVLT0323H	Tham vấn và thực hành tham vấn	x	x	x	x	x	x	x	x						x	
1.3.1.2	THLĐ0323T	Thực hành tâm lý học lao động	x						x							x	
1.3.1.3	TLNN0322H	Thực hành tâm lý học nhóm nhỏ	x						x							x	
1.3.1.4	THXH0323T	Thực hành tâm lý học xã hội	x						x							x	
<b>1.3.2.</b>	<b>Các học phần thay thế</b>																

STT	Mã học phần	Tên học phần	I				II			III		IV	V			VI	VII
			TLM 1	TLM 2	TLM 3	TLM 4	TLM 5	TLM 6	TLM 7	TLM 8	TLM 9	TLM 10	TLM 11	TLM 12	TLM 13	TLM 14	TLM 15
1.3.2.1	TLPN0323H	Tâm lý học phụ nữ	x	x		x			x								x
1.3.2.2	TLCT0323H	Tâm lý học người cao tuổi	x	x		x			x								x
1.3.2.3	CTMT0323L	Công tác xã hội với người nghiện ma túy	x	x		x			x								x
1.3.2.4	TLQL0323H	Tâm lý học quản lý	x	x		x			x								x
1.3.2.5	TVTT0323H	Tham vấn trong chăm sóc sức khỏe tâm thần	x	x	x	x	x	x	x								x
1.3.2.6	TBTE0323H	Tâm bệnh học trẻ em và thanh thiếu niên	x	x		x			x								x
1.3.2.7	CNKT0323H	Công tác xã hội với người khuyết tật	x	x		x			x								x
1.3.2.8	CHIV0323H	Công tác xã hội với người nhiễm và ảnh hưởng bởi HIV/AIDS	x	x		x			x		x						x
1.3.2.9	TTTL0324T	Thực tập cuối khóa	x	x				x	x				x			x	x
1.3.3.	<b>Học phần thay thế hoặc Khóa luận tốt nghiệp. (Sinh viên viết Khóa luận hoặc học 2 học phần thay thế)</b>																
1.3.3.1	TLGD0323H	Tâm lý học gia đình	x	x		x			x								x
1.3.3.2.	TLHD0323H	Tâm lý học học đường	x	x		x			x								x
1.3.3.3	TVTE0323H	Tham vấn cho trẻ em bị xâm hại	x	x	x	x	x	x	x								x
1.3.3.4.	TVPN0323H	Tham vấn cho phụ nữ bị bạo lực gia đình	x	x	x	x	x	x	x								x



STT	Mã học phần	Tên học phần	I				II			III		IV	V			VI	VII
			TLM 1	TLM 2	TLM 3	TLM 4	TLM 5	TLM 6	TLM 7	TLM 8	TLM 9	TLM 10	TLM 11	TLM 12	TLM 13	TLM 14	TLM 15
1.3.3.5.	KLTN0326T	Khóa luận tốt nghiệp	x					x				x				x	
1.4.	<b>Kiến thức nền tảng rộng</b>																
1.4.1.	<b>Khoa học tự nhiên</b>																
1.4.1.1	XSTK1123L	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	x	x		x			x	x		x				x	
1.4.2.	<b>Khoa học chính trị</b>																
1.4.2.1	THML0723H	Triết học Mác - Lênin	x	x		x			x	x		x				x	
1.4.2.2	KTCT0722H	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	x	x		x			x	x		x					
1.4.2.3	TTCM0722H	Tư tưởng Hồ chí Minh	x	x		x			x	x		x				x	
1.4.2.4	LSUD0722H	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	x	x		x			x	x		x				x	
1.4.2.5	CNXH0722H	Chủ nghĩa xã hội khoa học	x	x		x			x			x				x	
1.4.3.	<b>Pháp luật</b>																
1.4.3.1	PLĐC1022H	Pháp luật đại cương		x					x		x	x					
1.4.4	<b>Tin học</b>																
1.4.3.1	TCB11222H	Tin học cơ bản 1	x	x		x			x	x						x	
1.4.3.2.	TCB21222H	Tin học cơ bản 2	x	x		x			x	x						x	
1.5.	<b>Kiến thức khác ngành</b>																
1.5.1.	<b>Học phần tự chọn (chọn 1/3)</b>																
1.5.1.1	TKXH1322H	Thống kê xã hội	x	x		x				x						x	
1.5.1.2	PLXH1022H	Pháp luật các vấn đề xã hội		x					x		x	x					
1.5.1.3	NMCT0322H	Nhập môn Công tác xã hội	x	x		x			x		x					x	

STT	Mã học phần	Tên học phần	I				II			III		IV	V			VI	VII
			TLM 1	TLM 2	TLM 3	TLM 4	TLM 5	TLM 6	TLM 7	TLM 8	TLM 9	TLM 10	TLM 11	TLM 12	TLM 13	TLM 14	TLM 15
<b>1.5.2.</b>	<b>Các học phần tự chọn (chọn 2/4 học phần)</b>																
1.5.2.2	STVB1022H	Soạn thảo văn bản	x	x		x			x			x					x
1.5.2.3	LOGI0722L	Logic học	x	x		x											x
1.5.2.4	NCKH0722L	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học		x		x			x			x		x			x
<b>1.6.</b>	<b>Kiến thức đại cương khác</b>																
<b>1.6.1.</b>	<b>Ngoại ngữ</b>																
1.6.1.1	TAC10622H	Tiếng Anh cơ bản 1	x							x	x	x					
1.6.1.2	TAC20623H	Tiếng Anh cơ bản 2	x	x		x			x	x							x
1.6.1.3	ATL10622H	Tiếng Anh chuyên ngành tâm lý 1	x	x		x					x	x					
1.6.1.4	ATL20622H	Tiếng Anh chuyên ngành tâm lý 2	x	x		x					x	x					
<b>1.6.2.</b>	<b>Giáo dục thể chất (3 TC)</b>																
1.6.2.1	TDDK1421T	Thể dục - Điền kinh	x			x			x	x	x	x					x
1.6.2.2	BOCI1421T	Bóng chuyền 1	x	x		x	x		x	x	x	x					x
1.6.2.3	BOC21421T	Bóng chuyền 2	x	x		x	x		x	x	x	x					x
1.6.2.4	BOR11421T	Bóng rổ 1	x	x		x	x		x	x	x	x					x
1.6.2.5	BOR21421T	Bóng rổ 2	x	x		x	x		x	x	x	x					x
1.6.2.6	CAL11421T	Cầu lông 1	x	x		x	x		x	x	x	x					x
1.6.2.7	CAL21421T	Cầu lông 2	x	x		x	x		x	x	x	x					x
1.6.2.8	COV11421T	Cờ vua 1	x	x		x			x	x	x	x					x
1.6.2.9	COV21421T	Cờ vua 2	x	x		x			x	x	x	x					x

STT	Mã học phần	Tên học phần	I				II			III		IV	V			VI	VII
			TLM 1	TLM 2	TLM 3	TLM 4	TLM 5	TLM 6	TLM 7	TLM 8	TLM 9	TLM 10	TLM 11	TLM 12	TLM 13	TLM 14	TLM 15
1.6.2.10	COV31421T	Cờ vua 3	x	x		x			x	x	x						x
<b>1.6.3.</b>	<b>Giáo dục quốc phòng (165 tiết)</b>																
1.6.3.1	ĐLQP1422L	Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng cộng sản Việt Nam	x	x		x			x								
1.6.3.2	CTQP1422L	Công tác quốc phòng và an ninh	x	x		x			x								
1.6.3.3	QSUC1421L	Quân sự chung	x	x				x	x	x		x					
1.6.3.4	KTCĐ1422T	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật	x	x				x			x	x					

## 2.6. Ma trận phương pháp đánh giá của các học phần nhằm đáp ứng chuẩn đầu ra

**Bảng 2.6. Bảng ma trận phương pháp đánh giá các học phần đáp ứng chuẩn đầu ra**

TT	Mã học phần	Tên học phần	I			II								
			AM1	AM2	AM3	AM4	AM5	AM6	AM7	AM8	AM9	AM10		
<b>1.1</b>	<b>Kiến thức cơ bản, nền tảng của ngành</b>													
<b>1.1.1</b>	<b>Các học phần bắt buộc</b>													
1.1.1.1	TLĐC0322L	Tâm lý học đại cương	x	x	x	x	x				x			
1.1.1.2	XHĐC0322L	Xã hội học đại cương	x	x	x	x	x				x			
1.1.1.3	LSTG0322L	Lịch sử văn minh thế giới	x	x	x	x	x				x			
1.1.1.4	ĐCVH0322L	Đại cương văn hóa Việt Nam	x	x	x	x	x							

TT	Mã học phần	Tên học phần	I			II						
			AM1	AM2	AM3	AM4	AM5	AM6	AM7	AM8	AM9	AM10
1.1.1.5	KNSO0322H	Kỹ năng sống	x	x	x	x	x			x		
1.1.1.6	KNGT0322H	Kỹ năng giao tiếp	x	x	x	x	x			x		
1.1.1.7	PPNC0322H	Phương pháp nghiên cứu trong tâm lý học	x	x	x	x	x			x		
1.1.1.8	XHCB0323H	Xã hội học chuyên biệt	x	x	x	x	x			x		
1.1.1.9	MHĐC0322H	Mĩ học đại cương	x	x	x	x	x			x		
1.1.1.10	TLXH0322L	Tâm lý học xã hội	x	x	x	x	x			x		
1.1.2.	<b>Các học phần tự chọn</b>											
1.1.2.1	SKCĐ0322H	Chăm sóc sức khỏe cộng đồng	x	x	x	x	x			x		
1.1.2.2	NCHO0322L	Nhân chủng học	x	x	x	x	x			x		
1.1.2.3	GVPT0322H	Giới và phát triển	x	x	x	x	x			x		
1.1.2.4	GDHO0322L	Gia đình học	x	x	x	x	x			x		
<b>1.2</b>	<b>Kiến thức cơ sở ngành cốt lõi</b>											
<b>1.2.1</b>	<b>Các học phần bắt buộc</b>											
1.2.1.1	LSTL0323H	Lịch sử tâm lý học	x	x	x	x	x			x		
1.2.1.2	SLTK0323H	Sinh lý thần kinh	x	x	x	x	x			x		
1.2.1.3	TLPT0323H	Tâm lý học phát triển	x	x	x	x	x			x		
1.2.1.4	HVCN0323H	Hành vi con người và môi trường xã hội	x	x	x	x	x			x		

TT	Mã học phần	Tên học phần	I			II						
			AM1	AM2	AM3	AM4	AM5	AM6	AM7	AM8	AM9	AM10
1.2.1.5	TBĐC0323H	Tâm bệnh học đại cương	x	x	x	x	x			x		
1.2.1.6	TLDT0323H	Tâm lý học dân tộc	x	x	x	x	x			x		
1.2.1.7	TLLS0323H	Tâm lý học lâm sàng	x	x	x	x	x			x		
1.2.1.8	TLLĐ0322H	Tâm lý học lao động	x	x	x	x	x			x		
1.2.1.9	TLNN0322H	Tâm lý học nhóm nhỏ	x	x	x	x	x			x		
<b>1.3.</b>	<b>Kiến thức cơ sở ngành nâng cao, phương pháp và công cụ</b>											
<b>1.3.1</b>	<b>Các học phần bắt buộc</b>											
1.3.1.1	TVLT0323H	Tham vấn và thực hành tham vấn	x	x	x	x	x			x	x	
1.3.1.2	THLD0323T	Thực hành tâm lý học lao động		x					x	x		
1.3.1.3	TLNN0322H	Thực hành tâm lý học nhóm nhỏ		x					x	x		
1.3.1.4	THXH0323T	Thực hành tâm lý học xã hội		x					x	x		
<b>1.3.2.</b>	<b>Các học phần thay thế và thực tập cuối khóa</b>											
1.3.2.1	TLPN0323H	Tâm lý học phụ nữ	x	x	x	x	x			x		
<b>1.3.2.2</b>	TLCT0323H	Tâm lý học người cao tuổi	x	x	x	x	x			x		
<b>1.3.2.3</b>	CTMT0323L	Công tác xã hội với người nghiện ma túy	x	x	x	x	x			x		
<b>1.3.2.4</b>	TLQL0323H	Tâm lý học quản lý	x	x	x	x	x			x		

TT	Mã học phần	Tên học phần	I			II						
			AM1	AM2	AM3	AM4	AM5	AM6	AM7	AM8	AM9	AM10
1.3.2.5	TVTT0323H	Tham vấn trong chăm sóc sức khỏe tâm thần	x	x	x	x	x			x		
1.3.2.6	TBTE0323H	Tâm bệnh học trẻ em và thanh thiếu niên	x	x	x	x	x			x		
1.3.2.7	CNKT0323H	Công tác xã hội với người khuyết tật	x	x	x	x	x			x		
1.3.2.8	CHIV0323H	Công tác xã hội với người nhiễm và ảnh hưởng bởi HIV/AIDS	x	x	x	x	x			x		
1.3.2.9	TTTL0324T	Thực tập cuối khóa	x									x
<b>1.3.3.</b>	<b>Học phần thay thế hoặc Khóa luận tốt nghiệp. (Sinh viên viết Khóa luận hoặc học 2 học phần thay thế)</b>											
1.3.3.1	TLGD0323H	Tâm lý học gia đình	x	x	x	x	x			x		
1.3.3.2.	TLHD0323H	Tâm lý học học đường	x	x	x	x	x			x		
1.3.3.3	TVTE0323H	Tham vấn cho trẻ em bị xâm hại	x	x	x	x	x			x		
1.3.3.4.	TVPN0323H	Tham vấn cho phụ nữ bị bạo lực gia đình	x	x	x	x	x			x		
1.3.3.5.	KLTN0326T	Khóa luận tốt nghiệp										x
<b>1.4.</b>	<b>Kiến thức nền tảng rộng</b>											
<b>1.4.1.</b>	<b>Khoa học tự nhiên</b>											

TT	Mã học phần	Tên học phần	I			II						
			AM1	AM2	AM3	AM4	AM5	AM6	AM7	AM8	AM9	AM10
1.4.1.1	XSTK1123L	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	x	x		x	x			x		
<b>1.4.2.</b>	<b>Khoa học chính trị</b>											
1.4.2.1	THML0723H	Triết học Mác - Lênin	x	x		x	x					
1.4.2.2	KTCT0722H	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	x	x		x	x					
1.4.2.3	TTCM0722H	Tư tưởng Hồ chí Minh	x	x	x		x			x		
1.4.2.4	LSUD0722H	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	x	x	x	x	x			x		
1.4.2.5	CNXH0722H	Chủ nghĩa xã hội khoa học	x	x		x	x					
<b>1.4.3</b>	<b>Pháp luật</b>											
1.4.3.1.	PLĐC1022H	Pháp luật đại cương	x			x	x					
<b>1.4.4</b>	<b>Tin học</b>											
1.4.4.1	TCB11222H	Tin học cơ bản 1	x	x							x	
1.4.4.2	TCB21222H	Tin học cơ bản 2	x	x							x	
<b>1.5.</b>	<b>Kiến thức khác ngành</b>											
<b>1.5.1.</b>	<b>Học phần tự chọn (chọn 1/3)</b>											
1.5.1.1	TKXH1322H	Thống kê xã hội	x	x		x	x					
1.5.1.2	PLXH1022H	Pháp luật các vấn đề xã hội	x			x	x					
1.5.1.3	NMCT0322H	Nhập môn Công tác xã hội	x	x	x	x	x			x		

TT	Mã học phần	Tên học phần	I			II						
			AM1	AM2	AM3	AM4	AM5	AM6	AM7	AM8	AM9	AM10
<b>1.5.2.</b>	<b>Các học phần tự chọn (chọn 2/4)</b>											
1.5.2.2	STVB1022H	Soạn thảo văn bản	x	x		x	x					
1.5.2.3	LOGI0722L	Logic học	x	x		x	x					
1.5.2.4	NCKH0722L	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	x	x		x	x					
<b>1.6.</b>	<b>Kiến thức đại cương khác</b>											
<b>1.6.1</b>	<b>Ngoại ngữ</b>											
1.6.1.1	TAC10622H	Tiếng Anh cơ bản 1	x				x					
1.6.1.2	TAC20623H	Tiếng Anh cơ bản 2	x				x					
1.6.1.3	ATL10622H	Tiếng Anh chuyên ngành tâm lý 1	x			x	x					
1.6.1.4	ATL10622H	Tiếng Anh chuyên ngành tâm lý 2	x			x	x					
<b>1.6.2.</b>	<b>Giáo dục thể chất (3 TC)</b>											
	<b>Các học phần bắt buộc</b>											
1.6.2.1	TDDK1421T	Thể dục - Điền kinh									x	
1.6.2.2	BOCI1421T	Bóng chuyền 1									x	
	<b>Các học phần tự chọn (2/6)</b>											
1.6.2.3	BOC21421T	Bóng chuyền 2									x	



TT	Mã học phần	Tên học phần	I			II							
			AM1	AM2	AM3	AM4	AM5	AM6	AM7	AM8	AM9	AM10	
1.6.2.4	BOR11421T	Bóng rổ 1										x	
1.6.2.5	BOR21421T	Bóng rổ 2										x	
1.6.2.6	CAL11421T	Cầu lông 1										x	
1.6.2.7	CAL21421T	Cầu lông 2										x	
	<b>Các học phần dành cho sinh viên hạn chế về sức khỏe</b>												
1.6.2.8	COV11421T	Cờ vua 1						x				x	
1.6.2.9	COV21421T	Cờ vua 2						x				x	
1.6.2.10	COV31421T	Cờ vua 3						x				x	
<b>1.6.3.</b>	<b>Giáo dục quốc phòng</b>												
1.6.3.1	ĐLQP1422L	Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng cộng sản Việt Nam	x					x					
1.6.3.2	CTQP1422L	Công tác quốc phòng an ninh	x					x					
1.6.3.3	QSUC1421L	Quân sự chung	x					x					
1.6.3.4	KTCD1422T	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật	x									x	

## 2.7. Tiến trình giảng dạy

**Bảng 2.7: Kế hoạch giảng dạy dự kiến**

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Năm thứ I		Năm thứ II		Năm thứ III		Năm thứ IV		
				I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	
<b>1.1 Kiến thức cơ bản, nền tảng của ngành</b>			<b>26</b>									
<b>1.1.1</b>	<b>Các học phần bắt buộc</b>		<b>22</b>									
1	TLĐC0322L	Tâm lý học đại cương	2	2								
2	XHĐC0322L	Xã hội học đại cương	2	2								
3	LSTG0322L	Lịch sử văn minh thế giới	2			2						
4	ĐCVH0322L	Đại cương văn hóa Việt Nam	2	2								
5	KNSO0322H	Kỹ năng sống	2					2				
6	KNGT0322H	Kỹ năng giao tiếp	2					2				
7	PPNC0322H	Phương pháp nghiên cứu trong tâm lý học	3				3					
8	XHCB0323H	Xã hội học chuyên biệt	3		3							
9	MHĐC0322H	Mĩ học đại cương	2			2						
10	TLXH0322L	Tâm lý học xã hội	2				2					
<b>1.1.2</b>	<b>Các học phần tự chọn (chọn 2/4)</b>		<b>4</b>									
11	SKCĐ0322H	Chăm sóc sức khỏe cộng đồng	2				2					
12	NCHO0322L	Nhân chủng học	2					2				
13	GVPT0322H	Giới và phát triển	2	2								
14	GĐHO0322L	Gia đình học	2	2								
<b>1.2</b>	<b>Kiến thức cơ sở ngành cốt lõi</b>		<b>26</b>									
<b>1.2.1</b>	<b>Các học phần bắt buộc</b>		<b>26</b>									
15	LSTL0323H	Lịch sử tâm lý học	3				3					
16	SLTK0323H	Sinh lý thần kinh	3			3						
17	TLPT0323H	Tâm lý học phát triển	3					3				
18	HVCN0323H	Hành vi con người và môi trường xã hội	3					3				
19	TBĐC0323H	Tâm bệnh học đại cương	3				3					
20	TLDT0323H	Tâm lý học dân tộc	3					3				
21	TLLS0323H	Tâm lý học lâm sàng	3							3		

22	TLLĐ0322H	Tâm lý học lao động	2					2			
23	TLNN0322H	Tâm lý học nhóm nhỏ	3					3			
<b>1.3</b>	<b>Kiến thức cơ sở ngành nâng cao, phương pháp và công cụ</b>		34								
<b>1.3.1</b>	<b>Các học phần bắt buộc</b>		12								
24	TVTH0323H	Tham vấn và thực hành tham vấn	3					3			
25	THLĐ0323T	Thực hành tâm lý học lao động	3					3			
26	TLNN0322H	Thực hành tâm lý học nhóm nhỏ	3					3			
27	THXH0323T	Thực hành tâm lý học xã hội	3					3			
<b>1.3.2</b>	<b>Học phần tự chọn (chọn 4/8)</b>		12								
28	TLPN0323H	Tâm lý học phụ nữ	3								
29	TLCT0323H	Tâm lý học người cao tuổi	3						3		
30	CTMT0323H	Công tác xã hội với người nghiện ma túy	3						3		
31	TLQL0323H	Tâm lý học quản lý	3								
32	TVTT0323H	Tham vấn trong chăm sóc sức khỏe tâm thần	3								
33	TBTE0323H	Tâm bệnh học trẻ em và thanh thiếu niên	3						3		
34	CNKT0323H	Công tác xã hội với người khuyết tật	3						3		
35	CHIV0323H	Công tác xã hội với người nhiễm và ảnh hưởng bởi HIV/AIDS	3								
<b>36</b>	KLTL0326T	Thực tập cuối khóa	4								4
<b>1.3.4</b>	<b>Học phần thay thế hoặc khóa luận tốt nghiệp</b>		<b>6</b>								
37	TLGD0323H	Tâm lý học gia đình	3								3
38	TLHD0323H	Tâm lý học học đường	3								3
39	TVTE0323H	Tham vấn cho trẻ em bị xâm hại	3								3
40	TVPN0323H	Tham vấn cho phụ nữ bị bạo lực gia đình	3								3
41	KLTN0526T	Khóa luận tốt nghiệp	<b>6</b>								<b>6</b>

<b>1.4</b>	<b>Kiến thức nền tảng rộng</b>		<b>20</b>								
<b>1.4.1</b>	<b>Khoa học tự nhiên</b>		<b>3</b>								
42	XSTK1123L	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	3			3					
<b>1.4.2</b>	<b>Khoa học chính trị</b>		<b>11</b>								
43	THML0723H	Triết học Mác - Lênin	3		3						
44	KTCT0722H	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2			2					
45	TTCM0722H	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2							
46	LSUD0722H	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2		2						
47	CNXH0722H	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2							2	
<b>1.4.3</b>	<b>Pháp luật</b>		<b>2</b>								
48	PLĐC1022H	Pháp luật đại cương	2	2							
<b>1.4.4</b>	<b>Tin học</b>		<b>4</b>								
49	TCB11222H	Tin học cơ bản 1	2	2							
50	TCB21222H	Tin học cơ bản 2	2		2						
<b>1.5</b>	<b>Kiến thức khác ngành</b>		<b>6</b>								
<b>1.5.1</b>	<b>Học phần tự chọn (chọn 1/3)</b>		<b>2</b>								
<b>51</b>	TKXH1322H	Thống kê xã hội	2								
<b>52</b>	PLXH1022H	Pháp luật các vấn đề xã hội	2			2					
<b>53</b>	NMCT0322H	Nhập môn Công tác xã hội	2								
<b>1.5.2</b>	<b>Các học phần tự chọn (chọn 2/3)</b>		<b>4</b>								
54	STVB1022H	Soạn thảo văn bản	2								
55	LOGI0722L	Logic học	2			2					
56	NCKH0722L	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	2			2					
<b>1.6</b>	<b>Kiến thức đại cương khác</b>		<b>9</b>								
<b>1.6.1</b>	<b>Ngoại ngữ</b>		<b>9</b>								
57	TAC10622H	Tiếng Anh cơ bản 1	2	2							
58	TAC20623H	Tiếng Anh cơ bản 2	3		3						
59	ATL10621H	Tiếng Anh chuyên ngành tâm lý học 1	2					2			
60	ATL20621H	Tiếng Anh chuyên ngành tâm lý học 2							2		

<b>1.6.2</b>	<b>Giáo dục thể chất (chọn 3/10)</b>										
61	TDDK1421T	Thể dục - Điền kinh	1	1							
62	BOCI1421T	Bóng chuyền 1	1			1					
63	BOC21421T	Bóng chuyền 2	1			1					
64	BORI1421T	Bóng rổ 1	1			1					
65	BOR21421T	Bóng rổ 2	1			1					
66	CLO11421T	Cầu lông 1	1			1					
67	CLO21421T	Cầu lông 2	1			1					
68	COV11421T	Cờ vua 1	1			1					
69	COV21421T	Cờ vua 2	1			1					
70	COV31421T	Cờ vua 3	1			1					
<b>1.6.3</b>	<b>Giáo dục quốc phòng (165 tiết)</b>										
71	DLQP1423L	Đường lối quốc phòng và an ninh Đảng cộng sản Việt Nam	3	3							
72	CTQP1422L	Công tác quốc phòng và an ninh	2	2							
73	QSUC1421L	Quân sự chung	1		1						
74	KTCD1422T	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật	2		2						
	<b>Tổng</b>		<b>121</b>	<b>14</b>	<b>17</b>	<b>16</b>	<b>17</b>	<b>16</b>	<b>16</b>	<b>15</b>	<b>10</b>

## 2.8. Mô tả tóm tắt nội dung các học phần

### 1. Tâm lý học đại cương

Số tín chỉ: 02

Tâm lý học đại cương cung cấp cho sinh viên những tri thức khoa học về bản chất, cơ sở tự nhiên và cơ sở xã hội của hiện tượng tâm lý người; Các nguyên tắc và phương pháp nghiên cứu tâm lý; Khái quát sự hình thành và phát triển tâm lý người; Các tri thức cơ bản về các quá trình nhận thức, trí nhớ, tình cảm, ý chí của con người; Nhân cách và những yếu tố ảnh hưởng đến sự hình thành phát triển nhân cách con người.

### 2. Xã hội học đại cương

Số tín chỉ: 02

Xã hội học đại cương cung cấp cho sinh viên những tri thức khoa học về bản chất và cơ sở xã hội của các vấn đề, các sự kiện xã hội; Các nguyên tắc và phương pháp nghiên cứu xã hội, khái quát sự hình thành và phát triển của xã hội học và các hiện tượng xã hội; Các khái niệm và một số lý thuyết cơ bản của xã hội học.

### **3. Lịch sử văn minh thế giới**

Số tín chỉ: 02

Lịch sử văn minh thế giới là cung cấp những kiến thức cơ bản về quá trình ra đời và phát triển của các nền văn minh tiêu biểu trong lịch sử loài người; Điều kiện hình thành nền văn minh; Trình độ phát triển kinh tế và phân hóa xã hội; Lịch sử thành lập và cấu trúc của Nhà nước; Những học thuyết chính trị, quan điểm triết học và các tôn giáo lớn cùng những thành tựu khoa học tự nhiên, kỹ thuật và văn học nghệ thuật; Khái niệm văn minh và văn hóa, những nét khái quát trong tiến trình phát triển của lịch sử văn minh nhân loại, sự vận dụng vào quá trình hội nhập các trào lưu văn minh thế giới và giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc.

### **4. Đại cương văn hóa Việt Nam**

Số tín chỉ: 02

Học phần Đại cương văn hóa Việt Nam cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về Văn hóa Việt: Khái niệm văn hóa, văn minh, giao lưu tiếp biến văn hóa, âm dương ngũ hành; Các lý thuyết về văn hóa vùng miền, văn hóa ẩm thực, ăn mặc, tôn giáo, tín ngưỡng của con người Việt Nam.

### **5. Kỹ năng sống**

Số tín chỉ: 02

Kỹ năng sống trang bị cho sinh viên hiểu biết cơ bản về kỹ năng sống, tầm quan trọng của kỹ năng sống và kiến thức về một số kỹ năng sống cơ bản

### **6. Kỹ năng giao tiếp**

Số tín chỉ: 02

Kỹ năng giao tiếp cung cấp cho sinh viên những tri thức cơ bản nhất về giao tiếp trong mối quan hệ giữa người với người: khái niệm, các đặc trưng cơ bản của giao tiếp, các yếu tố tham gia và chi phối cuộc giao tiếp, các phương thức tác động tâm lý trong giao tiếp.

### **7. Phương pháp nghiên cứu tâm lý học**

Số tín chỉ : 03

Học phần mô tả các nội dung cơ bản về nghiên cứu khoa học, các phương pháp nghiên cứu khoa học nói chung và các phương pháp luận, phương pháp nghiên cứu tâm lý cụ thể. Đồng thời học phần hướng sinh viên cách thức nghiên cứu các hiện tượng tâm lý, để hoàn thiện một đề tài nghiên cứu tâm lý từ khâu chuẩn bị, tiến hành và tổng hợp viết báo cáo, nghiệm thu và công bố kết quả.

### **8. Xã hội học chuyên biệt**

Số tín chỉ: 03

Xã hội học chuyên biệt cung cấp cho sinh viên kiến thức về các vấn đề cụ thể của xã hội dưới góc độ xã hội học: XHH nông thôn, XHH đô thị, XHH giáo dục, XHH gia

đình...

### **9. Mỹ học đại cương**

Số tín chỉ: 02

Học phần trang bị cho sinh viên những về bản chất của mỹ học như: đối tượng của mỹ học, vai trò và tác dụng của đời sống thẩm mỹ đối với con người, mối quan hệ của mỹ học với các khoa học khác; Bản chất cái đẹp, bản chất của cái hài kịch, bản chất cái bi kịch, bản chất cái trác tuyệt; Bản chất và cấu trúc của chủ thể thẩm mỹ, phân loại các chủ thể thẩm mỹ; Nghệ thuật, cấu trúc của đời sống nghệ thuật, chức năng của nghệ thuật, hình tượng nghệ thuật.

### **10. Tâm lý học xã hội**

Số tín chỉ: 02

Tâm lý học xã hội cung cấp cho sinh viên những tri thức khoa học về các hiện tượng tâm lý xã hội: Đối tượng, nhiệm vụ, các nguyên tắc và phương pháp nghiên cứu tâm lý học xã hội; Bản chất, cơ chế hiệu hiện, hình thành các hiện tượng tâm lý xã hội; Các hiện tượng tâm lý xã hội nhóm.

### **11. Chăm sóc sức khỏe cộng đồng**

Số tín chỉ: 02

Học phần bao gồm những kiến thức tổng quan về sức khỏe cộng đồng, chỉ số đánh giá về sức khỏe của cộng đồng, các yếu tố ảnh hưởng đến sức khỏe, các nội dung và phương pháp giáo dục sức khỏe, việc chăm sóc sức khỏe cho các đối tượng cụ thể cũng như một số sơ cứu thông thường.

### **12. Nhân chủng học**

Số tín chỉ: 02

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức sau: Quá trình phát triển, tiến hóa của con người; Các mối tương tác của con người với con người, con người với môi trường; Các tộc người và các vấn đề về con người trên phương diện lý thuyết lồng ghép và liên hệ cụ thể với những vấn đề về nhân học.

### **13. Giới và phát triển**

Số tín chỉ: 02

Giới và phát triển cung cấp cho sinh viên những kiến thức về giới và phát triển: Các khái niệm cơ bản liên quan đến giới, cách tiếp cận nghiên cứu giới và phát triển, bình đẳng giới trong đời sống xã hội; Các kiến thức cơ bản về luật pháp, chính sách liên quan đến bình đẳng giới ở Việt Nam và quốc tế; Các kỹ năng thực hiện lồng ghép giới trong hoạt động truyền thông và trong các chương trình, chính sách, dự án phát triển.

### **14. Gia đình học**

Số tín chỉ: 02

Gia đình học cung cấp cho sinh viên những kiến thức lý thuyết và một hệ thống các

khái niệm cơ bản về gia đình; Các nghiên cứu ứng dụng thực tế về gia đình, cũng như các giai đoạn hình thành và phát triển của gia đình qua các thời kỳ; Những vấn đề mà hiện nay gia đình đang gặp phải.

### **15. Lịch sử tâm lý học**

Số tín chỉ : 03

Giới thiệu những tư tưởng tâm lý học triết học thời cổ đại, tâm lý học tiền khoa học thời Phục hưng và các trường phái tâm lý học hiện đại qua các thời kỳ; Tâm lý học ra đời với tư cách là một ngành khoa học độc lập với mốc sự kiện 1879 Sự ra đời, thăng trầm của các trường phái: Tâm lý học chức năng, Phân tâm học, Tâm lý học hành vi, Tâm lý học Nhận thức, Tâm lý học nhân văn, Tâm lý học hiện sinh, Tâm lý học Gestalt, Tâm lý học hoạt động; Sự hình thành và phát triển Tâm lý học Việt Nam.

### **16. Sinh lý thần kinh**

Số tín chỉ : 03

Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về sinh lý học thần kinh, cấu tạo não bộ và chức năng của não, hệ thần kinh, hoạt động thần kinh cấp cao và tâm lý. Hơn thế nữa, học phần người học được trang bị những kiến thức kỹ năng chuyên sâu về cơ chế sinh lý của tâm lý, cơ chế phản xạ, cung phản xạ, vòng phản xạ và mối liên hệ giữa các quy luật hoạt động thần kinh cấp cao với tâm lý người. Học phần là nền tảng kiến thức cho các môn học tiếp theo trong chương trình học. Đây là những kiến thức cần thiết, bắt buộc trong đào tạo sinh viên chuyên ngành Tâm lý học.

### **17. Tâm lý học phát triển**

Số tín chỉ : 03

Môn học giới thiệu những nội dung cơ bản về sự phát triển tâm lý của con người; cách thiết kế và các phương pháp nghiên cứu sự phát triển tâm lý người. Sinh viên có cơ hội tìm hiểu các lý thuyết cơ bản về nguồn gốc, động lực của phát triển tâm lý người; bản chất và cơ chế của sự phát triển tâm lý người; những kiến thức về quy luật, điều kiện và đặc điểm sự phát triển tâm lý của con người, với tư cách là thành viên của xã hội, qua các giai đoạn lứa tuổi từ trong bào thai, sinh ra, lớn lên, trưởng thành và già đi. Ngoài những kiến thức nêu trên, người học được tiếp cận với những quan điểm khoa học về những nhiệm vụ phát triển tâm lý trong từng giai đoạn cuộc đời để trở nên hữu ích và hạnh phúc hơn, giúp mỗi người phát triển tốt hơn những tiềm năng của bản thân mình.

### **18. Hành vi con người và môi trường xã hội**

Số tín chỉ: 03

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức về hành vi con người, môi trường xã hội: Các cách tiếp cận nghiên cứu về HVCN & MTXH; Những kiến thức cơ bản về tâm lý, hành vi của con người ở những giai đoạn phát triển.



### **19. Tâm bệnh học đại cương**

Số tín chỉ : 03

Tâm bệnh học đại cương nghiên cứu những biểu hiện và phương pháp điều trị các rối loạn tâm thần. Thông qua học phần sinh viên được làm quen với những khái niệm cơ bản của tâm bệnh, kiến thức ban đầu về nguyên nhân, phân loại và các phương pháp điều trị rối loạn tâm thần. Phần tiếp theo, môn học giúp sinh viên nắm được các triệu chứng, hội chứng rối loạn tâm thần chủ yếu. Cuối cùng, môn học giới thiệu những đặc điểm lâm sàng và tiêu chuẩn chẩn đoán một số rối loạn tâm thần thường gặp: tâm thần phân liệt; rối loạn tâm thần do nghiện chất; trầm cảm; lo âu và các rối loạn phát triển.

### **20. Tâm lý học dân tộc**

Số tín chỉ : 03

Các hướng tiếp cận tâm lý học dân tộc trong các khoa học khác nhau, từ tâm lý học tới nhân chủng học văn hóa. Phác họa các hướng phát triển tâm lý học dân tộc, giới thiệu thành tựu của các trường phái cổ điển và mới nhất và các hướng nghiên cứu cơ bản trong nghiên cứu nhân cách, giao tiếp, hành vi xã hội. Những khía cạnh tâm lý xã hội của tính đồng nhất dân tộc, mối quan hệ giữa các dân tộc: định khuôn, định kiến, xung đột dân tộc, thích ứng tâm lý trong môi trường văn hóa mới. Đặc điểm tâm lý của người VN xưa và trong giai đoạn hội nhập.

### **21. Tâm lý học lâm sàng**

Số tín chỉ: 03

Tâm lý học lâm sàng là môn học đề cập đến các khái niệm, các lý thuyết, các phương pháp tiếp cận chính; các phương pháp và công cụ lâm sàng. Đồng thời môn học này cũng hệ thống các quan điểm cơ bản trong việc tiếp cận, lý giải các vấn đề có liên quan đến tâm bệnh lý của con người. Bên cạnh đó tâm lý học lâm sàng cũng đề cập đến chức năng và các lĩnh vực hoạt động của nhà Tâm lý học lâm sàng; quy trình tiến hành ca lâm sàng; vấn đề đạo đức trong thực hành và nghiên cứu lâm sàng.

### **22. Tâm lý học lao động**

Số tín chỉ: 02

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức về tâm lý con người trong hoạt động lao động, những vấn đề trong công tác hướng nghiệp, những hiểu biết về các hiện tượng tâm lý nảy sinh trong tập thể lao động; Khả năng làm việc của con người và những điểm cần chú ý khi xây dựng chế độ lao động và nghỉ ngơi hợp lý, bầu không khí tâm lý trong lao động và các yếu tố an toàn trong lao động; Các phương pháp quản lý, lãnh đạo trong tập thể.

### **23. Tâm lý học nhóm nhỏ**

Số tín chỉ: 03

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về một số vấn đề chung về tâm

lý nhóm nhỏ như: khái niệm, đặc trưng, các loại hình nhóm nhỏ, sự hình thành và phát triển nhóm nhỏ, các hướng nghiên cứu về nhóm nhỏ; Phong cách lãnh đạo nhóm nhỏ, kỹ năng điều hành sinh hoạt nhóm nhỏ; Những nội dung cơ bản về tâm lý của từng loại hình nhóm nhỏ cụ thể như: nhóm sinh viên, nhóm người già, nhóm trẻ em, nhóm phụ nữ, nhóm đàn ông, nhóm thanh thiếu niên, nhóm doanh nhân....

#### **24. Tham vấn và thực hành tham vấn**

Số tín chỉ : 03

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về tham vấn; các loại hình tham vấn; các khái niệm; nguyên tắc đạo đức và mối quan hệ đạo đức nghề nghiệp trong tham vấn; các lý thuyết/cách tiếp cận; quy trình tham vấn và các kỹ năng tham vấn trong tham vấn cá nhân, tham vấn gia đình.

#### **25. Thực hành tâm lý học lao động**

Số tín chỉ : 03

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức, kỹ năng cơ bản về tâm lý học lao động, những vấn đề chung, những vấn đề tâm lý trong tổ chức tập thể lao động, xác định động cơ nghề nghiệp đúng đắn, xây dựng chế độ nghỉ ngơi hợp lý, vận dụng âm thanh, màu sắc phù hợp tính đến yếu tố thẩm mỹ và sự an toàn trong lao động nhằm đạt năng suất lao động.

#### **26. Thực hành tâm lý học nhóm nhỏ**

Số tín chỉ : 03

Học phần giúp cho sinh viên vận dụng kiến thức, kỹ năng cơ bản về tâm lý nhóm nhỏ và thực hành tại cơ sở. Sinh viên vận dụng những kiến thức chung về tâm lý nhóm nhỏ, những đặc trưng của nhóm nhỏ, các loại hình nhóm nhỏ, các hiện tượng tâm lý nhóm nhỏ và sự hình thành, phát triển nhóm nhỏ; phong cách lãnh đạo nhóm và các kỹ năng điều hành sinh hoạt nhóm nhỏ. Sinh viên vận dụng được kiến thức cơ bản về tâm lý nhóm nhỏ, những phương pháp, cách thức và kỹ năng làm việc với từng loại hình nhóm nhỏ cụ thể.

#### **27. Thực hành tâm lý học xã hội**

Số tín chỉ: 03

Học phần thực hành tâm lý học xã hội cung cấp cho người học kỹ năng phát hiện vấn đề trong việc nhìn nhận, nghiên cứu và đánh giá các hiện tượng tâm lý xã hội. Thông qua việc hệ thống hóa và trang bị cho người học hệ thống các phương pháp nghiên cứu đặc thù, môn học hướng tới việc giúp sinh viên có thể tự xây dựng bộ công cụ nghiên cứu sao cho phù hợp với hiện tượng tâm lý mình quan tâm để phân tích làm rõ nguyên nhân các hiện tượng đó.

### **28. Tâm lý học phụ nữ**

Số tín chỉ: 03

Tâm lý học phụ nữ trình bày những nội dung cơ bản về tâm sinh lý phụ nữ như cấu tạo cơ thể của phụ nữ, đặc điểm xu hướng nhân cách của phụ nữ, đặc điểm tâm lý tình dục của phụ nữ, từ đó vận dụng trong giao tiếp và làm việc với phụ nữ một cách hiệu quả.

### **29. Tâm lý học người cao tuổi**

Số tín chỉ: 03

Tâm lý học người cao tuổi cung cấp cho người học các kiến thức về tâm sinh lý của người cao tuổi, những vấn đề thường gặp ở người cao tuổi. Học xong môn Tâm lý học người cao tuổi sinh viên có kiến thức, phương pháp và các kỹ năng cần thiết để làm việc với người cao tuổi. Ngoài ra môn học cũng cung cấp cho người học các kiến thức trong việc chăm sóc và tiếp xúc với người cao tuổi.

### **30. Công tác xã hội với người nghiện ma túy**

Số tín chỉ: 03

Học phần trang bị cho người học những kiến thức, kỹ năng về Công tác xã hội với người nghiện ma túy, nghiện là gì, bản chất của nghiện và các khái niệm, phương pháp công tác xã hội với người nghiện ma túy, nguyên tắc, vai trò của nhân viên công tác xã hội cũng như luật pháp chính sách về phòng chống ma túy. Đồng thời qua học phần sẽ hình thành thái độ nghề nghiệp và các kỹ năng làm việc với người nghiện ma túy hỗ trợ và giúp đỡ người nghiện ma túy cai nghiện và dự phòng tái nghiện, tái hòa nhập cộng đồng hiệu quả. Người học sẽ lĩnh hội và vận dụng được tri thức về các hoạt động công tác xã hội với người nghiện ma túy và ứng dụng vào thực tiễn làm việc sau khi ra trường.

### **31. Tâm lý học quản lý**

Số tín chỉ: 03

Học phần này gồm những vấn đề cơ bản sau: Đối tượng, nhiệm vụ, vai trò của tâm lý học quản lý, bản chất của quản lý, lãnh đạo; Vai trò của người quản lý; Đặc điểm tâm lý của người lãnh đạo như các phẩm chất, những năng lực, uy tín và phong cách của người lãnh đạo, đặc điểm tâm lý của quá trình ra quyết định quản lý của người lãnh đạo; Đặc điểm tâm lý của người lao động ( nhu cầu, động cơ, nguyện vọng, và một số nét tâm lý đặc trưng của người lao động theo các loại hình lao động khác nhau); Những quy luật tâm lý mà nhà lãnh đạo cần quan tâm khi làm việc với người lao động; Đặc điểm tâm lý xã hội của tập thể lao động, những hiện tượng tâm lý xã hội trong thể lao động, các biện pháp tác động đến người lao động và tập thể lao động, xung đột và giải quyết xung đột trong tập thể lao động; Chức năng, hình thức giao tiếp trong công tác quản lý; Tâm lý học với việc quản lý sử dụng con người và công tác tổ chức cán bộ.

### **32. Tham vấn trong chăm sóc sức khỏe tâm thần**

Số tín chỉ: 03

Học phần Tham vấn trong chăm sóc sức khỏe tâm thần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về tham vấn chăm sóc sức khỏe tâm thần nói chung và kiến thức, kỹ năng, quy trình tham vấn cho một số trường hợp đặc biệt như: Tham vấn chăm sóc sức khỏe tâm thần cho trẻ em bị khủng hoảng tâm lý; Tham vấn chăm sóc sức khỏe tâm thần cho nạn nhân buôn bán người; Tham vấn chăm sóc sức khỏe tâm thần cho người nghiện ma túy... Trên cơ sở đó bước đầu hình thành một số kỹ năng cơ bản trong tham vấn chăm sóc sức khỏe tâm thần cho một số nhóm xã hội đặc biệt....

### **33. Tâm bệnh học trẻ em và thanh thiếu niên**

Số tín chỉ: 03

Tâm bệnh học trẻ em và thanh thiếu niên đề cập đến những khái niệm, lý thuyết cơ bản, đặc biệt tập trung vào phân tích đặc điểm cấu trúc tâm trí, đặc điểm lâm sàng của các nhóm bệnh theo các kiểu cấu trúc tâm trí mà trẻ em và thanh thiếu niên thường có. Các nhóm bệnh này được phân tích theo ba nhóm tuổi chính: trẻ sơ sinh (từ 0 đến 2 tuổi), trẻ em (từ 2 đến 11 tuổi) và thanh thiếu niên. Phần cuối của môn học sẽ đề cập đến vấn đề tổ chức phòng ngừa và chăm sóc, chữa trị trẻ em và thanh thiếu niên mắc phải những bệnh này, ở Việt Nam hiện nay. Toàn bộ nội dung của môn học chia thành bốn bài, được tổ chức dạy và học trong 15 tuần.

### **34. Công tác xã hội với người khuyết tật**

Số tín chỉ: 03

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về người khuyết tật như khái niệm, đặc điểm, nhu cầu của người khuyết tật; Các cách tiếp cận khác nhau về vấn đề khuyết tật; Hệ thống luật pháp, chính sách và các mô hình trợ giúp người khuyết tật; Các phương pháp, kỹ năng cơ bản trong trợ giúp và làm việc với người khuyết tật.

### **35. Công tác xã hội với người nhiễm và ảnh hưởng bởi HIV/AIDS**

Số tín chỉ: 03

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức nền tảng chung về công tác trợ giúp người nhiễm và ảnh hưởng bởi HIV/AIDS: Kiến thức chung về HIV, các đặc điểm tâm lý và nhu cầu của người có HIV, vấn đề về kỳ thị và phòng chống kỳ thị với người nhiễm và ảnh hưởng bởi HIV/AIDS; các kỹ năng làm việc với người nhiễm và ảnh hưởng bởi HIV/AIDS; các nguồn lực và dịch vụ hỗ trợ cho người nhiễm và ảnh hưởng bởi HIV/AIDS.

### **36. Thực tập cuối khóa**

Số tín chỉ: 04

Học phần này tập trung vào việc rèn luyện khả năng ứng dụng kiến thức của sinh viên nhằm hình thành các kỹ năng, tạo điều kiện cho sinh viên áp dụng những kiến thức, kỹ

năng đã tích lũy được từ các học phần khác nhau của ngành Tâm lý học vào các lĩnh vực khác nhau của đời sống xã hội. Ở học phần này, sinh viên vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học vào cơ sở thực tập. Trên cơ sở vận dụng các kiến thức vào thực hành nghề nghiệp, sinh viên sẽ đưa ra các đề xuất, khuyến nghị cho công tác đào tạo, các nhà thực hành và các đối tác có liên quan phát triển các dịch vụ tâm lý học.

### **37. Tâm lý học gia đình**

Số tín chỉ: 03

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức căn bản, nền tảng về gia đình (tiếp cận gia đình từ góc độ Tâm lý học). Người học cần nắm vững phương pháp nghiên cứu mang tính đặc thù của Tâm lý học gia đình, có khả năng vận dụng những phương pháp này vào phân tích những vấn đề mang tính lý luận như: quá trình hội nhập vợ chồng, các mối quan hệ trong gia đình, bầu không khí tâm lý gia đình, ly hôn ly tán gia đình..

### **38. Tâm lý học học đường**

Số tín chỉ: 03

Tâm lý học học đường trang bị cho sinh viên những kiến thức chung như khái niệm, đối tượng, lịch sử hình thành và các phương pháp nghiên cứu. Để có thể làm tốt công tác trợ giúp tâm lý cho học sinh, ngoài việc được trang bị, tìm hiểu những kiến thức về các đặc điểm của các hoạt động trợ giúp tâm lý, các đặc thù của tham vấn học đường...sinh viên sẽ được hình thành thái độ tích cực trong học tập, trong hoạt động nghề nghiệp thông qua việc các em được trang bị và tìm hiểu về các nguyên tắc đạo đức nghề nghiệp, các nguyên tắc chẩn đoán tâm lý. Bên cạnh đó, sinh viên cũng được tìm hiểu về vấn đề học kém của học sinh và cách tiếp cận, hỗ trợ các học sinh học kém.

### **39. Tham vấn cho trẻ em bị xâm hại**

Số tín chỉ: 03

Môn học tham vấn cho trẻ em bị xâm hại sẽ trang bị cho sinh viên những nội dung cơ bản về tham vấn nói chung và chuyên sâu về tham vấn cho trẻ em bị xâm hại. Sinh viên được hiểu rõ hơn về các hình thức trẻ em bị xâm hại, nguyên nhân, hậu quả của việc trẻ em bị xâm hại và các dấu hiệu nhận biết trẻ em bị xâm hại. Ngoài những kiến thức nêu trên, sinh viên còn được tìm hiểu về các hình thức và một số kỹ năng tham vấn cho trẻ em bị xâm hại. Sinh viên cũng được tìm hiểu quy trình tham vấn cho trẻ em bị xâm hại, một số điểm cần lưu ý khi tham vấn cho trẻ em bị xâm hại và được thực hành một số kỹ năng tham vấn theo quy trình.

### **40. Tham vấn cho phụ nữ bị bạo lực gia đình**

Số tín chỉ: 03

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức tổng quan về tham vấn hôn nhân gia đình. Quan trọng hơn, học phần tập trung vào trang bị những kiến thức và kỹ năng

tham vấn các vấn đề nảy sinh trong gia đình và nâng cao ý thức trách nhiệm của mỗi cá nhân trong giữ gìn hôn nhân hạnh phúc.

#### **41. Khóa luận tốt nghiệp**

Số tín chỉ: 06

Học phần này giúp người học áp dụng kiến thức lý thuyết và kỹ năng tư duy đã học vào việc nghiên cứu một vấn đề cụ thể gắn với hoạt động của ngành Tâm lý học. Học phần này gồm 3 chương là chương 1: Cơ sở lý luận về vấn đề nghiên cứu; chương 2: Thực trạng vấn đề nghiên cứu; Chương 3: Giải pháp, khuyến nghị và kết luận. Kết thúc học phần, người học báo cáo kết quả nghiên cứu dưới hình thức Khóa luận tốt nghiệp.

#### **42. Lý thuyết xác suất và thống kê toán**

Số tín chỉ: 03

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về xác suất và thống kê toán. Học phần cũng giúp sinh viên giải quyết các bài tập xác suất và thống kê. Những kiến thức này là nền tảng giúp sinh viên học các môn học chuyên ngành về sau.

#### **43. Triết học Mác - Lênin**

Số tín chỉ: 03 tín chỉ

Cung cấp những kiến thức về triết học và vai trò của triết học trong đời sống xã hội, chủ nghĩa duy vật biện chứng, chủ nghĩa duy vật lịch sử. Trình bày những nét khái quát nhất về triết học, triết học Mác- Lênin và vai trò của triết học Mác- Lênin trong đời sống xã hội. Trình bày những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng, gồm vấn đề vật chất và ý thức; phép biện chứng duy vật; lý luận nhận thức của chủ nghĩa duy vật biện chứng. Trình bày những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật lịch sử, gồm vấn đề hình thái kinh tế- xã hội; giai cấp và dân tộc; nhà nước và cách mạng xã hội; ý thức xã hội; triết học về con người.

#### **44. Kinh tế chính trị Mác - Lênin**

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Cung cấp kiến thức về đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của kinh tế chính trị Mác - Lênin. Nội dung cốt lõi của chủ nghĩa Mác -Lênin về hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể trong nền kinh tế thị trường; Giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường; Cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường. Những vấn đề chủ yếu về kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam; Công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.

#### **45. Tư tưởng Hồ Chí Minh**

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Cung cấp những kiến thức cơ bản về: Khái niệm, đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn tư tưởng Hồ Chí Minh; Cơ sở, quá trình hình thành và phát triển

tư tưởng Hồ Chí Minh; Tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; Tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng Cộng sản Việt Nam và Nhà nước của dân, do dân và vì dân; Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế; Tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa, đạo đức, con người..

#### **46. Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam**

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Cung cấp kiến thức về đối tượng, chức năng, nhiệm vụ, nội dung và phương pháp nghiên cứu, học tập lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam; Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời và lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền (1930-1945); Đảng lãnh đạo hai cuộc kháng chiến hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945-1975); Đảng lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (1975-2018). Nội dung của học phần khẳng định những thành công, nêu lên các hạn chế, tổng kết những kinh nghiệm về sự lãnh đạo của Đảng để giúp người học nâng cao nhận thức, niềm tin đối với Đảng và khả năng vận dụng kiến thức đã học và thực tiễn công tác, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa..

#### **47. Chủ nghĩa xã hội khoa học**

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Cung cấp nội dung tri thức cơ bản về Chủ nghĩa xã hội khoa học: Nhập môn Chủ nghĩa xã hội khoa học; Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân; Chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; Dân chủ xã hội chủ nghĩa và Nhà nước xã hội chủ nghĩa; Cơ cấu xã hội - giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; Vấn đề dân tộc và tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; Vấn đề gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Bên cạnh đó cung cấp những căn cứ lý luận khoa học để hiểu Cương lĩnh xây dựng đất nước, đường lối chính sách xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam; lý giải và có thái độ đúng đắn với con đường đi lên chủ nghĩa xã hội - con đường mà Đảng, Bác Hồ và nhân dân ta đã lựa chọn.

#### **48. Pháp luật đại cương**

Số tín chỉ: 02

Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức sau: Những vấn đề cơ bản về nhà nước; Những vấn đề cơ bản về pháp luật; Pháp chế xã hội chủ nghĩa.

#### **49. Tin học cơ bản 1**

Số tín chỉ: 02

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ sở nhất để có thể làm việc trên máy tính, làm việc với các phần mềm chạy trên nền Hệ điều hành Windows, trang bị kiến thức và rèn luyện kỹ năng soạn thảo và định dạng văn bản bằng Microsoft Word, kỹ năng tính toán, phân tích và tổng hợp dữ liệu bằng Microsoft Excel.

## **50. Tin học cơ bản 2**

Số tín chỉ: 02

Học phần tin học cơ bản 2 nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản nhất về CSDL (Database), CSDL quan hệ (Relational Database) và một số hệ quản trị cơ sở dữ liệu phổ biến hiện nay.

## **51. Thống kê xã hội**

Số tín chỉ: 02

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức sau: Đối tượng nghiên cứu của thống kê xã hội; Quá trình nghiên cứu thống kê xã hội; Nghiên cứu thống kê các mức độ của hiện tượng KTXH; Thống kê giáo dục và đào tạo; Thống kê hôn nhân và gia đình; Thống kê y tế và bảo vệ sức khỏe nhân dân ;Thống kê văn hóa thể thao và du lịch; Thống kê an sinh xã hội; Thống kê mức sống dân cư.

## **52. Pháp luật về các vấn đề xã hội**

Số tín chỉ: 02

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức sau: Giới thiệu chung Pháp luật các vấn đề xã hội; Pháp luật về lao động, việc làm; Pháp luật về người có công với cách mạng; Pháp luật về phụ nữ, trẻ em, người cao tuổi và người khuyết tật; Pháp luật về phòng, chống mại dâm, ma túy, mê tín, dị đoan và xử lý đánh bạc trái phép.

## **53. Nhập môn công tác xã hội**

Số tín chỉ: 02

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức khái quát về công tác xã hội: Khái niệm, mục đích, chức năng nhiệm vụ của CTXH; Lịch sử hình thành ngành công tác xã hội; Các yêu cầu đối với người nhân viên Công tác xã hội.

## **54. Soạn thảo văn bản**

Số tín chỉ: 02

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức sau: Lý luận chung về văn bản quản lý nhà nước; Kỹ thuật soạn thảo Quyết định cá biệt: Khái niệm, đặc điểm và kỹ thuật soạn thảo Quyết định cá biệt; Kỹ thuật soạn thảo một số văn bản hành chính thông thường.

## **55. Logic học**

Số tín chỉ: 02

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức sau: Đối tượng và ý nghĩa của logic học; Khái niệm; Phán đoán; Các quy luật cơ bản của logic hình thức; Suy luận; Chứng minh và bác bỏ; Giả thuyết.

## **56. Phương pháp luận nghiên cứu khoa học**

Số tín chỉ: 02

Học phần gồm những kiến thức cơ bản về nghiên cứu khoa học: Làm rõ các khái



niệm liên quan đến các sự vật, hiện tượng mà mình quan tâm; Phán đoán về mối liên hệ giữa các sự vật và hiện tượng; Tư duy nghiên cứu khoa học là tư duy hệ thống; Trình tự logic của nghiên cứu khoa học; Các phương pháp cơ bản để thực hiện nghiên cứu đề tài khoa học, nhất là khóa luận tốt nghiệp; Đạo đức khoa học.

### **57. Tiếng Anh cơ bản 1**

Số tín chỉ: 02

Cung cấp kiến thức tiếng Anh TOEIC cơ bản tương đương trình độ đầu A2 chuẩn châu Âu, với các nội dung: ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp. Luyện giao tiếp bằng tiếng Anh ở mức ban đầu, trao đổi về các vấn đề học tập, cuộc sống, văn hóa, thể thao, công việc...

### **58. Tiếng Anh cơ bản 2**

Số tín chỉ: 03

Cung cấp kiến thức tiếng Anh TOEIC cơ bản tương đương trình độ đầu A2 chuẩn châu Âu, với các nội dung: ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp. Luyện giao tiếp bằng tiếng Anh ở mức ban đầu, trao đổi về các vấn đề học tập, cuộc sống, văn hóa, thể thao, công việc...

### **59. Tiếng Anh chuyên ngành tâm lý học 1**

Số tín chỉ : 02

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức tiếng Anh cơ bản về Tâm lý học lâm sàng, tâm lý học xã hội, tâm lý học phát triển, tâm lý lao động, hành vi con người và môi trường xã hội, tâm lý học tổ chức...

### **60. Tiếng Anh chuyên ngành tâm lý học 2**

Số tín chỉ : 02

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức tiếng Anh cơ bản về Kỹ năng tham vấn cho các đối tượng, trẻ em, phụ nữ bị bạo hành, người nghiện ma túy... Kỹ năng giao tiếp, kỹ năng sống, tâm lý học ứng dụng...

### **61. Thể dục - Điền kinh**

Số tín chỉ: 01

Học phần trang bị cho sinh viên kỹ năng vận động về: Bài tập phát triển chung 13 động tác. Kỹ thuật nhảy cao kiểu úp bụng; Luật thi đấu môn nhảy cao

### **62. Bóng chuyền 1**

Số tín chỉ: 01

Học phần này trang bị những kiến thức cơ bản về kỹ thuật Bóng chuyền như: Kỹ thuật chuyền 1, Kỹ thuật chuyền 2, Kỹ thuật phát bóng.

### **63. Bóng chuyền 2**

Số tín chỉ: 01

Học phần này trang bị những kiến thức nâng cao về kỹ thuật Bóng chuyền như: Kỹ thuật chuyền 1, Kỹ thuật chuyền 2, Kỹ thuật phát bóng.

#### **64. Bóng rổ 1**

Số tín chỉ: 01

Học phần này trang bị những kiến thức cơ bản về kỹ thuật Bóng rổ như: Kỹ thuật dẫn bóng, Kỹ thuật chuyền bóng, Kỹ thuật dẫn bóng hai bước lên rổ một tay trên cao, Kỹ thuật tại chỗ ném rổ.

#### **65. Bóng rổ 2**

Số tín chỉ: 01

Học phần này trang bị những kiến thức cơ bản về luật thi đấu Bóng rổ, cách thức phương pháp tổ chức thi đấu trọng tài, tập luyện các kỹ thuật Bóng rổ một cách thuần thục hình thành nên kỹ năng kỹ xảo vận động như: Kỹ thuật dẫn bóng, Kỹ thuật chuyền bóng, Kỹ thuật dẫn bóng hai bước lên rổ một tay trên cao, Kỹ thuật tại chỗ ném rổ.

#### **66. Cầu lông 1**

Số tín chỉ: 01

Học phần này trang bị những kiến thức cơ bản về kỹ thuật Cầu lông như: Cách cầm cầu, cách cầm vợt, các tư thế chuẩn bị cơ bản, kỹ thuật di chuyển, kỹ thuật giao cầu, kỹ thuật đánh cầu thấp tay phải trái.

#### **67. Cầu lông 2**

Số tín chỉ: 01

Học phần này trang bị những kiến thức cơ bản về luật thi đấu Cầu lông, cách thức phương pháp tổ chức thi đấu trọng tài, tập luyện các kỹ thuật Cầu lông một cách thuần thục hình thành nên kỹ năng kỹ xảo vận động như: Kỹ thuật di chuyển, Kỹ thuật giao cầu, Kỹ thuật đánh cầu cao sâu phải trái

#### **68. Cờ vua 1**

Số tín chỉ: 01

Học phần này trang bị những kiến thức cơ bản về: Nguồn gốc ra đời của môn cờ vua. Lịch sử hình thành, phát triển của môn cờ vua trên thế giới và Việt Nam. Xu hướng phát triển, tác dụng của môn cờ vua trên thế giới và Việt Nam. Giai đoạn tàn cuộc của ván đấu.

Một số điều luật trong cờ vua.

#### **69. Cờ vua 2**

Số tín chỉ: 01

Học phần này trang bị những kiến thức cơ bản: Ôn tập nội dung chính của Cờ vua 1  
Giai đoạn khai cuộc của ván đấu. Một số điều luật trong cờ vua.

#### **70. Cờ vua 3**

Số tín chỉ: 01

Học phần này trang bị những kiến thức cơ bản về: Ôn tập nội dung chính của cờ vua 2 và một phần cờ vua 1. Giai đoạn trung cuộc của ván đấu. Một số điều luật trong cờ vua.

## **71. Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng cộng sản Việt Nam**

Số tín chỉ: 03

Học phần nghiên cứu những quan điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc; Xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân; Xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân Kết hợp phát triển kinh tế, xã hội với tăng cường quốc phòng, an ninh; Nghệ thuật quân sự Việt Nam; Xây dựng và bảo vệ chủ quyền biển đảo, biên giới, xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên; Xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc và những vấn đề cơ bản về bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự an toàn xã hội.

## **72. Công tác quốc phòng an ninh**

Số tín chỉ: 02

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức sau: Phòng, chống chiến lược “Diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam; Một số nội dung cơ bản về dân tộc, tôn giáo, đấu tranh phòng chống các thế lực thù địch lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam; Phòng chống vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường, bảo đảm trật tự an toàn giao thông và phòng chống một số loại tội phạm xâm hại danh dự, nhân phẩm của người khác, an ninh phi truyền thống và đấu tranh phòng chống các đe dọa an ninh phi truyền thống và vi phạm pháp luật trên không gian mạng ở Việt Nam.

## **73. Quân sự chung**

Số tín chỉ: 02

Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức sau: Những nội dung cơ bản về quân sự, an ninh: hiểu biết về lịch sử ra đời, truyền thống của các quân binh chủng trong quân đội; các chế độ sinh hoạt, công tác trong ngày, tuần, các nề nếp chính quy trong đơn vị quân đội; hiểu biết và biết cách sử dụng bản đồ địa hình quân sự; hiểu biết về vũ khí công nghệ cao và cách phòng chống trong chiến tranh; rèn luyện và thi đấu ba môn quân sự phối hợp

## **74. Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật**

Số tín chỉ: 02

Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức sau: Tính năng, cấu tạo, quy tắc sử dụng súng, lựu đạn. Trình tự các bước thực hành ngắm bắn và trình tự các bước thực hành ném lựu đạn. Kỹ thuật, chiến thuật trong chiến đấu tiên công, phòng ngự và cảnh giới

## **2.9. Đối sánh chương trình đào tạo với các trường đại học đã tham khảo**

### **2.9.1. Tên các chương trình đào tạo tham khảo**

Trong quá trình xây dựng chương trình đào tạo ngành Tâm lý học, Nhà trường đã tham khảo một số chương trình đào tạo trong và ngoài nước. Cụ thể như sau:

- Chương trình đào tạo Tâm lý học của Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.

- Chương trình đào tạo Tâm lý học của Trường Đại học Khoa học và Nhân văn
- Đại học quốc gia Hà Nội.

### 2.9.2. So sánh các chương trình đào tạo

**Bảng 2.9. Đối sánh chương trình đào tạo với các cơ sở đào tạo trong nước**

Trường tham khảo	Tương thích về cấu trúc và nội dung	Chương trình đào tạo tham khảo	Chương trình đào tạo Tâm lý học của Trường Đại học Lao động – Xã hội	Mức độ tương đồng
<p><b>Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn Hà Nội</b></p>	<p><b>Cấu trúc</b></p>	<p><b>Tổng: 134 tín chỉ</b>  <b>* Khối kiến thức giáo dục đại cương: 16 TC</b>            - Khoa học Mác-Lênin và Tư tưởng Hồ Chí Minh: 11 TC            - Ngoại ngữ: 5 TC  <b>* Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: 118 TC</b>            - Kiến thức cơ sở ngành: 29 TC            - Kiến thức ngành: 27 TC            - Kiến thức theo nhóm ngành: 15 TC            - Kiến thức chuyên ngành: 47 TC            Thực tập: 3 TC            Khoá luận: 6TC</p>	<p><b>Tổng: 121 tín chỉ</b>  <b>* Khối kiến thức giáo dục đại cương: 31 TC</b>            - Khoa học Mác-Lênin và Tư tưởng Hồ Chí Minh: 11 TC            - Ngoại ngữ: 5 TC            - Tin học: 4 TC            - Khoa học tự nhiên: 3 TC            -Khoa học XH: 8 TC  <b>* Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: 90 TC</b>            - Kiến thức cơ sở ngành: 16 TC            - Kiến thức cơ sở khối ngành: 10 TC            - Kiến thức chuyên ngành: 54 TC            Thực tập: 4 TC            Khoá luận: 6TC</p>	<p>Số lượng TC của ULSA ít hơn. Cụ thể là tập trung ở khối kiến thức giáo dục đại cương là 31 TC so với 16 TC. Số lượng TC này tập trung nhiều hơn vào môn khoa học tự nhiên ( lý thuyết xác suất và thống kê toán) và khoa học xã hội (đại cương văn hóa Việt Nam, Pháp luật đại cương) và một số môn bổ trợ khác KHXHNV:Các môn liên quan tới khối kiến thức khối ngành và khối kiến thức theo lĩnh vực và kiến thức chuyên ngành cũng nhiều hơn.. Tuy nhiên các môn học có những thay đổi nhất định sẽ được mô tả trong phần nội dung</p>

		<p><b>Các học phần có tên gọi khác là:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>-Kinh tế học đại cương</li> <li>-Thực hành văn bản tiếng Việt</li> <li>-Nhập môn năng lực thông tin</li> <li>-Viết học thuật</li> <li>-Tư duy sáng tạo và thiết kế ý tưởng</li> <li>-Nhập môn xử lý dữ liệu định lượng</li> <li>-Tôn giáo học đại cương</li> <li>-Tham vấn nguồn nhân lực</li> <li>-Tâm lý học tình dục</li> <li>-Tâm lý học hành vi lệch chuẩn</li> <li>-Tâm lý học sức khỏe</li> <li>-Não bộ, hành vi và sức khỏe</li> <li>-Tâm lý học pháp lý</li> <li>-Tâm lý học giới</li> <li>-Tâm lý học du lịch</li> <li>-Đạo đức nghề tham vấn</li> <li>-Tham vấn hôn nhân và gia đình...</li> </ul>	<p><b>Các học phần có tên gọi khác là:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>-Mĩ học đại cương</li> <li>-Lịch sử văn minh thế giới</li> <li>-Giới và phát triển</li> <li>- Nhân chủng học</li> <li>-Kỹ năng giao tiếp</li> <li>-Kỹ năng sống</li> <li>- Tâm lý học dân tộc</li> <li>-Tâm lý học nhóm nhỏ</li> <li>- Tâm lý học phụ nữ</li> <li>-Tâm lý học người cao tuổi</li> <li>- Tham vấn trong chăm sóc sức khỏe tâm thần</li> <li>- Tâm bệnh học trẻ em và thanh thiếu niên</li> <li>-Tham vấn cho trẻ em bị xâm hại</li> <li>-Tham vấn cho phụ nữ bị bạo lực gia đình...</li> </ul>	<p>Về nội dung học phần của 2 chương trình có những điểm khác biệt nhất định. Cụ thể là chương trình của trường KHXHNV do cách phân chia đi theo lĩnh vực của Tâm lý học nên có nhiều môn học tách nhỏ ra đi theo các lĩnh vực này. Ngoài ra họ đều có các môn thực hành và nâng cao trong các lĩnh vực phân chia còn chương trình ULSA rải đều cho các khối kiến thức. Tuy nhiên về cơ bản 2 chương trình vẫn có sự đảm bảo tương đồng về nội dung. Sự khác biệt là do cách phân chia chương trình.</p>
<p><b>Trường Đại học Sư Phạm Hà Nội</b></p>	<p><b>Cấu trúc</b></p>	<p><b>Tổng: 149 tín chỉ</b>  * <b>Khối kiến thức giáo dục đại cương: 31TC</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Khoa học Mác-Lênin và Tư tưởng Hồ Chí Minh: 10 TC</li> <li>- Ngoại ngữ: 10 TC</li> </ul>	<p><b>Tổng: 121 tín chỉ</b>  * <b>Khối kiến thức giáo dục đại cương: 31 TC</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Khoa học Mác-Lênin và Tư tưởng Hồ Chí Minh: 11 TC</li> <li>- Ngoại ngữ: 5 TC</li> </ul>	<p>Số lượng TC của ULSA ít hơn.</p> <p>Về số lượng tín chỉ ở khối kiến thức giáo dục đại cương là như nhau.</p> <p>Có sự khác biệt đáng kể ở khối kiến</p>

		<p>- Tin học 2 -Khoa học XH: 9 TC <b>* Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: 118 TC</b> - Kiến thức cơ sở ngành: 40 TC - Kiến thức ngành: 31 TC - Kiến thức chuyên ngành: 47 TC Thực tập sư phạm : 6 TC Khoá luận: 10 TC</p>	<p>- Tin học: 4 TC - Khoa học tự nhiên: 3 TC -Khoa học XH: 8 TC <b>* Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: 90 TC</b> - Kiến thức cơ sở ngành: 16 TC - Kiến thức cơ sở khối ngành: 10 TC - Kiến thức chuyên ngành: 54 TC Thực tập: 4 TC Khoá luận: 6TC</p>	<p>thức cơ sở ngành. Có sự khác biệt đáng kể ở khối kiến thức chuyên ngành. Có sự khác biệt không đáng kể ở khối kiến thức ngành Tuy nhiên các môn học có những thay đổi nhất định sẽ được mô tả trong phần nội dung</p>
	<b>Nội dung</b>	<p><b>Các học phần có tên gọi khác là:</b> -Mỹ học và giáo dục thẩm mỹ -Quản lý nhà nước và quản lý ngành giáo dục -Lý luận dạy học -Lý luận giáo dục -Kiến tập sư phạm -Thực tập sư phạm -Các giai đoạn phát triển tâm lý người -Tâm lý học đức dục -Giáo dục học đại học -Lý luận và phương pháp dạy học -Tâm lý học trẻ em khuyết tật - Tâm lí học lao động sư phạm của người thầy giáo</p>	<p><b>Các học phần có tên gọi khác là:</b> -Mĩ học đại cương -Lịch sử văn minh thế giới - Giới và phát triển - Nhân chủng học -Kỹ năng giao tiếp -Kỹ năng sống - Tâm lý học dân tộc -Tâm lý học nhóm nhỏ - Tâm lý học phụ nữ -Tâm lý học người cao tuổi - Tham vấn trong chăm sóc sức khỏe tâm thần - Tâm bệnh học trẻ em và thanh thiếu niên</p>	<p>Chương trình ĐHSPPHN ở các học phần tự chọn có nhiều môn khác nhưng chủ yếu nằm ở các học phần liên quan đến khối kiến thức cơ sở ngành và kiến thức chuyên ngành. Khối kiến thức ngành khá tương thích và tương đồng (khoảng 90%). ĐHSPPHN có một số môn học mang đặc thù của nghề sư phạm và giáo dục. Còn với ULSA thì tập trung nhiều hơn vào các học phần tâm lý học mang tính tổng quát, bao</p>

		-Giáo dục vì sự bền vững - Vệ sinh học đường - Giáo dục lại	-Tham vấn cho trẻ em bị xâm hại -Tham vấn cho phụ nữ bị bạo lực gia đình...	quát hơn.
--	--	---	--	-----------

### III. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Chương trình đào tạo này được áp dụng từ khóa tuyển sinh năm 2022. Chương trình đào tạo được thực hiện theo kế hoạch giảng dạy của Nhà trường.

Các học phần được phân công giảng dạy bởi các khoa quản lý học phần và được giảng dạy theo đề cương chi tiết học phần thống nhất đã được phê duyệt. Tất cả các hoạt động giảng dạy và đánh giá thực hiện phù hợp với đặc tả trong chương trình đào tạo.

Việc tổ chức giảng dạy, kiểm tra, đánh giá học phần được thực hiện theo các quy chế đào tạo theo tín chỉ và các quy định có liên quan hiện hành của Trường Đại học Lao động - Xã hội.

Trưởng khoa Công tác xã hội, Trưởng phòng Khoa học và Hợp tác quốc tế chịu trách nhiệm tổ chức, hướng dẫn các nguyên tắc để phát triển đề cương chi tiết nhằm đảm bảo mục tiêu, nội dung và các yêu cầu được đáp ứng, đồng thời thỏa mãn được nhu cầu người học và xã hội. Dựa trên đề cương chi tiết học phần, Trưởng khoa đề xuất các điều kiện phục vụ cho công tác đào tạo về đội ngũ, trang thiết bị, quan hệ doanh nghiệp, thực tập.

Chương trình đào tạo được rà soát cập nhật mỗi năm (chính sách tuyển sinh, tài liệu học tập, cải tiến phương pháp giảng dạy, phương pháp đánh giá) và rà 01 năm một lần (điều chỉnh thay đổi số lượng tín chỉ, thêm hoặc bớt học phần) để đáp ứng yêu cầu của các bên liên quan.

**HIỆU TRƯỞNG**

**Hà Xuân Hùng**